



TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

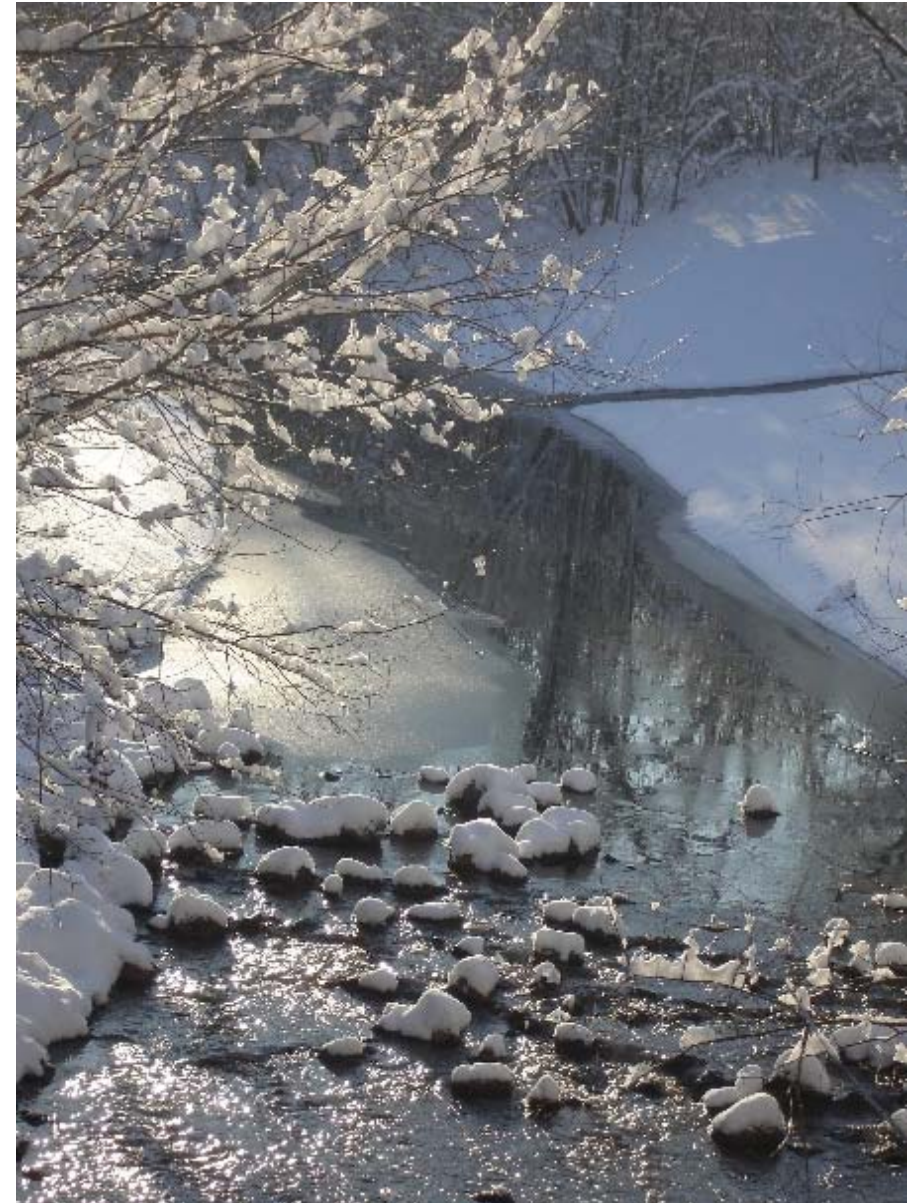
67

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

HOA TUYẾT MILWAUKEE

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ SÀI GÒN

HOA TUYẾT MILWAUKEE



TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC
Thích Nữ Giới Hương

Hoa Tuyết
Milwaukee

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

MỤC LỤC

Lời đầu.....	7
Chương I: Ngày về Phước Hậu.....	9
Văn phát nguyện của tân trụ trì – TN Giới Hương.....	10
Tình đạo - Thích Minh Quang.....	14
Giới Hương Phước Hậu - Minh Bình.....	15
Ta là ai? – Thích Nguyên Kim.....	16
Ước nguyện – Minh Viễn.....	17
Chén trà xanh – TN Giới Hương.....	18
Ước mơ thành – Minh Bình.....	18
Đạo tình - Thiện Trung.....	19
Mười thương – Minh Bình.....	19
Chương II: Xuân – Hoa xuân bốn môn.....	21
Đi lễ chùa đêm giao thừa – Minh Hoà.....	24
Thơ mừng xuân Pháp hoa – TN Giới Hương.....	26
Nụ cười hỷ xả.....	27
Thư chúc xuân đến cộng đồng người Việt.....	29
Vui xuân hiện tiền – TN Giới Hương.....	31
Mừng xuân Bính tuất - Nhuận Lành.....	32
Đón xuân nơi chùa Phước Hậu - Diệu Phương.....	32
Chương III: Phật Đản.....	37
Nhớ Phật vào ngày lễ Vesak – TN Giới Hương.....	37
Sự cống hiến của hoa Vô ưu – TN Giới Hương.....	40
Khánh đản – TN Giới Hương.....	42
Chương IV: Vu Lan.....	45
Thu sắp về trên Milwaukee – TN Giới Hương.....	45

Thu về - TN Giới Hương.....	47	Thơ sinh nhật của Ôn.....	91
Tình yêu của gió – TN Giới Hương	48	Hãy quý giây phút chúng ta đang sống	95
Vu lan hoa nở - TN Giới Hương	50	Thơ tiễn Ôn – TN Giới Hương	99
Văn chúc thọ – TN Giới Hương	51	Chết là một món quà, là một đạo sư.....	100
Mang ơn mẹ - TN Giới Hương.....	53	Đừng đợi.....	104
Mẹ vẫn bên con – TN Giới Hương.....	53	Don't Wait	104
Chương V: Lập đông	55	Phép màu của Pháp thoại.....	106
Lời kinh – TN Giới Hương.....	55	Trăng vẫn trăng – TN Giới Hương.....	113
Tách trà – TN Giới Hương	56	Quan điểm của Phật giáo về hành phạt tử hình.....	114
Sự rơi của lá – TN Giới Hương.....	56	Thượng tuần sen nở - TN Giới Hương.....	143
The Falling of leaves – TN. Gioi Huong.....	58	Chương IX: Hoa trên tuyết	145
Chim bay – TN Giới Hương.....	60	Sổ lưu niệm.....	145
Chương VI: Bên bờ tình thương	63		
Thơ của ôn cho sách – HT. Thích Mãn Giác.....	63		
Bồ tát và Tánh không.....	64		
Vườn Nai - Chiếu nôی Phật giáo	64		
Ban mai xứ Ân.....	64		
Lời giới thiệu: Bồ tát và Tánh không	65		
Lời giới thiệu: Vườn Nai - Chiếu nôی Phật giáo	68		
Lời giới thiệu: Ban mai xứ Ân.....	71		
Lời giới thiệu: Xá lợi của đức Phật	73		
Lời giới thiệu của HT Như Điền	74		
Chương VII: Tịnh giác	79		
Lạc vào một thế giới.....	79		
Lời nói đầu cho tập san Tịnh giác	81		
Chùa là tổ ấm – Minh Hiếu	83		
Chương VIII: Mưa pháp	85		
Thơ thiền.....	89		

LỜI ĐẦU

Hoa tuyết Milwaukee là một quyển sách nhỏ kết xâu lại những bài văn, bài thơ trong hơn hai năm qua tại chùa Phước Hậu, thành phố Milwaukee, tiểu bang Wisconsin, Hoa Kỳ.

Nơi đây mùa đông kéo dài hơn những mùa khác và tuyết phủ cũng nhiều. Những bông tuyết trắng nhỏ li ti bay lả tả trong gió thật đẹp.

Mỗi mùa xuân, hạ, thu, đông tạo cho thiên nhiên mỗi nét đẹp đặc thù. Bông tuyết phủ trắng các cành cây khô khúc khủy cũng phô bày một nét đẹp riêng nào đó. Hy vọng những bông tuyết ẩn hiện nơi các bài văn, thơ này cũng điểm trang một cái gì đó cho hành giả, cho bạn đọc trên bước đường đi tìm ý đạo.

Ai bảo tuyết rơi là lạnh giá,
 Milwaukee ấm mãi một mùa xuân.
 Ai bảo tuyết rơi không trở lại,
 Hoa tuyết đây nét chữ bút in nghiêng.
 Ai bảo tuyết rơi sẽ chóng tàn,
 Trắng sáng mãi những mùa hoa tuyết trắng.

Thư phòng chùa Phước Hậu, ngày 9/8/2008

Thích Nữ Giới Hương

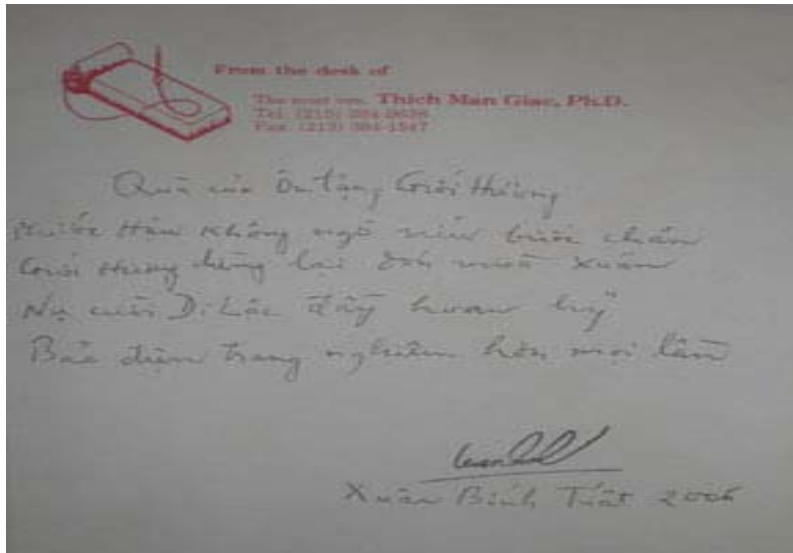
(thichnugioihuong@yahoo.com)

Chương I
NGÀY VỀ PHƯỚC HẬU

Quà của Ôn Tặng Giới Hương

Phước Hậu không ngờ níu bước chân
Giới Hương dừng lại đón mùa Xuân
Nụ cười Di Lạc đầy hoan hỷ
Bảo điện trang nghiêm hơn mọi lần.

Chùa Phước Hậu, Xuân Bình Tuất 2006
Thích Mãn Giác, Ph.D
1575 W Oklahoma Ave., Milwaukee WI 53215



Cột tòng chùa Phước Hậu, Milwaukee, WI

VĂN PHÁT NGUYỄN
Của Tân Trụ Trì Thích Nữ Giới Hương

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại
đức Tăng Ni, con là Tỳ-kheo-ni Giới Hương có duyên
sự xin đầu thành đánh lễ tác bạch. (1 lay)

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính thưa Chư Tôn Thiền Đức,

Phàm được mang thân người đã là một điều quý
báu, biết Phật pháp và kiến tạo chùa tháp để cho tất cả

Phật tử hay người Việt đồng hương có nơi trang nghiêm thờ cúng tổ tiên, có nơi tu tập phát triển đạo đức và tâm linh là những việc khó làm mà ban Hộ Trì Tam Bảo cũng như quý vị Phật tử chùa Phước hậu đã vượt qua biết bao khó khăn, kiên nhẫn; biết bao công sức, tiền bạc và thời gian để có được đạo tràng Phước Hậu xinh xắn và âm cúng như hiện nay. Và càng quý báu hơn nữa, quý vị trong ban Hộ Trì cũng như quý vị Phật tử chùa Phước hậu biết thiết tha cung thỉnh Đại Lão Hòa Thượng, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ cử chư tăng ni về đây Trụ trì, hướng dẫn tu học cũng như phát triển Phật pháp tại địa phương này.

Nay chiếu theo Văn thơ cũng như lễ cung thỉnh của ban Hộ Trì và quý vị Phật tử chùa Phước hậu, chiếu theo nhu cầu tu học và phát triển Phật giáo tại địa phương, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã chính thức đề cử con là Tỳ-kheo-ni Giới Hương có bổn phận thực hành sứ mệnh này.

Kính thưa Chư Tôn Thiên Đức,

Trước tiên, con thành tâm hướng về Los Angeles, bệnh viện Good Samaritan đề đầu đánh lễ tri ân Ôn – Đại Lão Hòa Thượng Thượng Mãn Hạ Giác, Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tin tưởng và công cử con về đây. Kế đến, con thành tâm đề đầu đánh lễ Hòa Thượng thượng Phước hạ Thuận-Viện chủ Tu viện Trí Phước, Westminster, Thượng Tọa Như Minh-Trụ trì chùa Việt Nam, Los Angeles cùng quý Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni hiện tiền đã mở lòng lân mẫn về đây chứng minh, ban đạo từ cũng như gia hộ trợ duyên cho buổi lễ chính thức con nhập tự và nhận bổn

phận làm Trụ trì chùa Phước Hậu. Sau nữa, con thành tâm tri ân ban Hộ Trì cũng như quý vị Phật tử chùa Phước hậu đã ưu ái cung thỉnh con về đây làm Trụ trì và hướng dẫn tu học. Và cuối cùng, con cũng thành tâm tri ân quý vị Phật tử và quan khách trong và ngoài nước đã nhún thời gian quý báu hoan hỉ về đây tham dự để ủng hộ cho Phật sự này.

Kính thưa Chư Tôn Thiên Đức, Hoà Thượng, Thượng Tọa Đại đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị Phật tử và quan khách,

Đức Phật đã dạy rằng chư tăng ni là hiện thân cho hàng tăng bảo, cho sự thanh tịnh, cho Tam bảo thường trụ thế gian. Tăng bảo là duyên lành của đạo mạch, là thạch trụ của thiên môn, là bậc thầy mô phạm cho mọi người. Hàng tăng bảo có bổn phận phải tự lợi, lợi tha nhiếp độ tứ chúng đồng tu. Đó là bổn phận thiêng liêng và đó là Phật bổ xứ.

Nay giữa khung cảnh trang nghiêm của buổi lễ, trước Phật đài, trước sự chứng minh của mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng, Long thần Hộ pháp và hiện tiền Chư Tôn Thiên Đức, con là Tỳ-kheo-ni Giới Hương xin thành tâm phát nguyện:

- Nguyện đời đời kiếp kiếp Trụ Pháp Vương gia, Tri Như Lai tạng.

- Nguyện đời đời kiếp kiếp lấy lợi ích số đông làm nền tảng.

- Nguyện đời đời kiếp kiếp lấy giá trị hạnh phúc tập thể làm tiêu chí.

- Nguyện đời đời kiếp kiếp lấy giá trị đóng góp cho Phật pháp làm sự nghiệp dẫn thân.

Ngưỡng mong mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng, Long thần Hộ pháp và hiện tiền Chư Tôn Đức thùy từ gia hộ, hỗ trợ cho con vượt qua các thói quen tập khí từ nhiều đời của báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng để nguyện lực và bi lực của con được thành tựu, để Phật sự hướng dẫn Phật tử tu học và phát triển Phật giáo tại địa phương này cũng như nhiều nơi khác được thành tựu tốt đẹp.

Ngưỡng mong Mười Phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng, Long thần Hộ pháp và hiện tiền Chư Tôn Đức thùy từ chứng giám cho con được ân triêm công đức.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma ha tát tác đại chứng minh. (3 lần)

Nam Mô A Di Đà Phật

Trên Chư Phật cùng Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni đã từ bi chứng minh và gia hộ (niệm Phật chứng minh công đức cho rồi), còn ban bố cho con những lời pháp vị thật quý báu. Con xin y giáo phụng hành và thành tâm đê đầu đảnh lễ cúng dường tri ân tam bái. (3 lạy)

Wilwaukee, 10g sáng ngày 20 tháng 05 năm 2006



Thân tâm cúng dường Tam bảo

TÌNH ĐẠO

Phước Hậu về đây ấm buổi đầu
 Trường xưa bạn cũ ở nơi đâu?
 Dấu chân Tăng lữ mờ trên cát
 Tình Đạo muôn thu vẫn nhiệm màu.

Không nhà, nên ở khắp mười phương
Vô tình, vì rộng chữ yêu thương
Đóa thơm GIỚI đức vườn tâm nở
Ngược gió hoa càng tỏa ngát HƯƠNG¹.

Kính tặng S.C. Giới Hương
nhân ngày lễ bổ nhiệm trụ trì
và sinh nhật 21/5/2005.

Pháp Hữu Thích Minh Quang

Giới Hương Phước Hậu

Thiền môn giữ GIỚI ta về
Trầm HƯƠNG tỏa ngát tòa sen Phật ngồi
PHƯỚC lành gieo khắp muôn nơi
Tiên là Tu Tập, HẬU là Phật Thân.

Minh Bình

¹ Hương thơm của hoa bay theo chiều gió
Hương thơm giới đức tỏa khắp bốn phương.
Kính Pháp Cú



Phước Hậu đón mừng

Ta Là Ai?

Ta là ai?
Ta từ đâu đến?
Bao nhiêu năm vất vả một đời,
Vinh nhục khen chê
Được mất khóc cười...
Giờ chung cuộc
Về đâu ta có biết!!!

Trân tặng Sư Cô Giới Hương:
PHƯỚC trí trang nghiêm đạo nhiệm màu
HẬU lai chứng đắc quả cao sâu.
GIỚI đức vẹn toàn tâm thanh tịnh
HƯƠNG Thiền tỏa ngát Winsconsin.

Chùa Phước Hậu, 5, Jan. 2008

Thích Nguyễn Kim

Ước Nguyện

(Kính tặng Sư Cô Giới Hương)

Giới Hương tòa khắp ta bà,
Chúng con cung kính Phật Đà chứng minh.
Mong cho ước nguyện viên thành,
Sư Cô về trụ, tâm tình kính dâng.

Mùa Phật Đản PL 2550

Minh Viễn



Lễ Trao Tặng ngày bổ nhiệm Trụ trì 20/5/2005

CHÉN TRÀ XANH

(Thích Nữ Giới Hương)

Chén trà xanh đượm tình pháp lữ
Làn gió mát chứa hạnh thanh cao
Đại hùng điện tâm hương thuần tịnh
Giữa nhân gian đâu bóng luân hồi.

Không là không vô vi tuyệt đối
Có là có tuyệt đối vô vi
Ôi công hạnh chân như diệu nghĩa
Có in đậm nơi chén trà xanh?

(Cảm tác cho buổi thiền trà vào lễ Bổ nhiệm Trụ trì,
ngày 20 tháng 5 năm 2006)

Ước Mơ Thành

Cô về đây đem niềm vui mọi GIỚI
Nén HƯƠNG trầm tỏa ngát khắp đài Sen.

Giữ GIỚI chúng con vẫn một lòng
HƯƠNG thơm tỏa ngát khắp trời Xuân
Bao năm mơ ước nay hiện thực
PHƯỚC HẬU hân hoan đón chân người.

Minh Bình

Đạo Tình

Buổi mai vừa thức tỉnh
Xin gửi chút đạo tình
Cầu nguyện cho tất cả
Một ngày được an bình.

Thiện Trung

Mười Thương

Một thương Phước Hậu ta về,
Câu kinh tiếng kệ chẳng nề sớm trưa.
Hai thương ta có Ni rồi,
Như Lai tướng tử, hiệu là Giới Hương.
Ba thương có bác Phúc Hòa,
Thanh niên “lớn tuổi” chính là Trưởng Ban.
Bốn thương Minh Viễn cần cù,
Tài cao, đức trọng mọi người mến thương.
Năm thương dành chú Thiện Trung,
Hồ sơ, sổ sách chẳng ai sánh bằng.
Sáu thương là chị Thanh Khương,
Quỹ ta đứng vững như kiềng ba chân.
Bảy thương kể đến bếp chùa,
Nấu ăn Diệu Phụng, Nguyên Toàn khỏi chê.
Tám thương dành chỗ Nhuận Lành,

Trang Nghiêm vui vẻ, việc chùa đảm đang.
Chín thương Tịnh Giác gia đình,
Phước Thừa, Minh Hiếu, Nguyễn Hòa, Diệu Mai.
Mười thương thương hết mọi người,
Đầu Xuân ta chúc nhà nhà an vui.

Bái Bạch

Minh Bình



Đưa vai gánh vác

NGÀY VỀ PHƯỚC HẬU ☉ 21

NGÀY VỀ PHƯỚC HẬU ☉ 22

Chương II

XUÂN

HOA XUÂN BỔN MÔN

Một nụ mai hé nở
 Khoe sắc bên thềm chùa
 Giờ Xuân hay là Đông
 Mà điểm vàng bông tuyết?

Tôi khó phân biệt được mùa đông hay xuân nơi Milwaukee này. Đã hai năm tôi lưu trú nơi đây, tuyết rơi và gió lạnh mùa đông hình như bắt đầu từ tháng 11, 12 kéo dài đến cả tháng 4 và 5, tức đông trong xuân và lẫn cả qua hạ. Mà thôi, đừng bàn đến nữa. Biết bao giờ nói cho cùng chuyện vô thường chuyển đổi của thời tiết, mùa màng và thế giới hữu vi sanh diệt.

Dù sao, nụ mai nhỏ thật là kỳ diệu! Không cần phải ngắm cả rừng mai hay làng mai... chỉ một nụ hoa tương trưng thôi. Khiêm nhường nhỏ bé khéo đâm chồi nảy lộc vươn lên từ kẽ lá, thế nhưng... nó đã tô điểm cả góc trời Milwaukee, bức tranh vĩ đại của vũ trụ bao la và nhất là bao dung những tấm lòng của người con Việt, người con Châu Á để báo cho biết rằng 'huơng Xuân đang đến'.

Mây xanh, xanh tận chân trời
 Cảnh mai sắc thắm, vẫy mời hương xuân.

Xuân đến, mai vàng, đào nở, dưa hấu, bánh tét, bánh chưng, hạt dưa, bánh mứt, câu đối đỏ, hồng bao lì xì vv... như mang đến một sức sống mới đầy hứa hẹn của đầu năm, mang đến nụ cười của hạnh phúc, may mắn và thịnh vượng; mang đến cả bầu không khí trẻ trung, vui tươi, lành mạnh, hân hoan, lạc quan và mới mẻ. Đó là xuân của thế giới tích môn như trong kinh Pháp Hoa đã nói.

Thế nào là xuân trong thế giới bản môn?
 Xuân đến, xuân đi ngõ xuân hết
 Hoa nở, hoa tàn chỉ là xuân.

(Thiền sư Chân Không)

'Xuân đến, xuân đi ngõ xuân hết' là xuân theo vòng xoay vận hành của sanh, trụ, dị và diệt của tích môn, của thế nhân đời thường. Vì chúng ta sống theo sự vận hành này nên chúng ta bị chi phối, bị buồn khi thấy mai xuân đã tàn và khởi lòng hân hoan khi thấy đào đỏ bắt đầu khoe sắc. Chúng ta cột mình trong tích môn, nên chúng ta thấy có tự ngã của chính chúng ta, người thân, chùa chiền và cảnh vật. Đó là chúng ta bị lệ thuộc vào khổ tập (*dukkha - suffering*) chi phối.

'Hoa nở, hoa tàn chỉ là xuân' là xuân theo quan điểm bổn môn, đó là diệu dụng nhiều phương diện của chân tánh, là nhậm vận tuyệt vời kỳ diệu của chính tâm hoa xuân chúng ta. Đừng tự mặc cảm và phủ định để tự làm chàng cùng tử nghèo nàn rách rưới, lang thang khổ đau mãi trong sáu cõi không biết chán, dù hiện tại chúng ta có nhà lầu, xe hơi và cửa cải.

Nhận được giá trị tuyệt vời của tâm mình? (tự hỏi?)
 Không dễ và không khó!

Một hồ sâu đọa lạc và một biển trời giải thoát chỉ cách nhau trong đường tơ kẻ tóc của tri kiến (cho nên việc học-tu-chứng là quan trọng). Xin đừng chẻ nó ra thành ngàn triệu tỷ mảnh để tìm sự thật. Hoa xuân bốn môn nằm ở thái độ vững chãi, bình thản nhận diện những hạnh phúc bình dị hàng ngày, nhận được mình và người trong tầm tay của cuộc sống và vũ trụ.

Mang ơn Đức Phật, các thiền sư và chư tổ đã chuyển tải gia tài tâm linh giàu có của xuân thịnh vượng, xuân miên viễn, xuân vượt thời gian và không gian, xuân bốn môn đến với chúng ta.

Đem thân tâm cúng dường Tam bảo và phụng sự chúng sanh suốt đời, suốt kiếp, a tăng kỳ kiếp cũng không đền đáp nổi ơn của các ngài đã thương tưởng chúng ta.

Xin hãy sống với HOA XUÂN BỐN MÔN.
Mong lắm thay!

Thư phòng Phước Hậu, ngày 10/1/2008

Thích Nữ Giới Hương



Trổ hoa – Kính dâng Tam bảo

Đi Lễ Chùa Đêm Giao Thừa

Mỗi năm đêm Giao Thừa
Tôi nhớ về năm xưa
Khi mười hai giờ điểm
Theo mẹ đi lễ chùa.

Đường về chùa như lạ
Nhà nhà giăng đèn hoa
Người người đi đông đảo
Tiếng chúc mừng lao xao.

Chùa đêm nay đẹp quá
 Mùi trầm hương nhẹ tỏa
 Tiếng mõ, đại hồng chung
 Hòa êm cùng kinh tụng.

Mẹ thấp hương lễ Phật
 Cầu Đức Đại Từ Bi
 Tôi chấp tay bắt chước
 Nhưng chẳng biết khẩn gì.

Lễ xong mọi người ra
 Chúc Thượng Tọa chùa ta
 Thầy cười hiền như Bụt
 Với áo vàng cà sa.

Tôi “A Di Đà Phật”
 Thầy xoa đầu “Con ngoan?”
 Lí nhí tôi “Vâng ạ!”
 Thầy cho tôi hai oản.

Sân chùa mẹ hái lộc
 Để lấy may cả năm
 Đường về vang tiếng pháo
 Mở cửa đón xuân vào.

Năm nay đêm giao thừa
 Xứ người không vào mùa
 Tôi trong băng tuyết gió
 Chóng gậy đi lễ chùa.

Cuối Đông Đinh Hợi - Jan 31, 2008

Minh Hòa (Giáo Sư Huế)



Tuyết đón giao thừa

Thơ Mừng Xuân Pháp Hoa

MỪNG nhau cùng đón tết Đinh Hợi
 XUÂN về rộn rã ánh xuân tâm
 PHÁP lữ vui hành lời Phật dạy
 HOA giác sáng ngời khắp muôn nơi.

Thành tâm kính chúc chư Tôn đức, quý Phật tử và
 các đồng hương một năm mới tràn đầy pháp lạc và
 khánh hỷ.

Cẩn bút, Xuân 2007
 Trụ trì chùa Phước Hậu

TN Giới Hương

NỤ CƯỜI HỖ XẢ

Thích Nữ Giới Hương

Tết nguyên đán là ngày đầu tiên của năm (âm lịch), là bắt đầu ngày xuân dân tộc và cũng là ngày vía của Đức Phật Di Lặc.

Di Lặc, tiếng Phạn là Maitreya, nghĩa là Từ Thị. Di Lặc là họ, còn chính tên là A Dật Đa (*Adjita*), dịch nghĩa là Vô Năng Thắng. Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, người Nam Thiên Trúc (Ấn Độ), về sau làm đệ tử Phật, nhập diệt trước Phật, rồi dùng hoá thân Bồ-tát trụ ở cõi trời Đâu Suất thuyết pháp cho các vị trời ở cõi này. Bồ-tát vì muốn giáo hóa các chúng sanh nên thường chuyên tu hạnh bất hại. Bất hại nghĩa là từ (từ bi). Thị là tộc, họ. Do đó, tên Từ Thị (*Maitreya*, Di lặc) nghĩa là chủng tánh từ bi.

Trong kinh Phật dạy rằng khi thời chánh pháp và tượng pháp qua rồi, thời mạt pháp đến, lúc đó con người không biết đến Tam bảo, luân thường đạo lý là gì, chỉ có làm điều tội lỗi, tham đắm ngũ dục... nên phước đức giảm thiểu, tuổi thọ con người sẽ ngắn ngủi, chỉ còn khoảng 10 tuổi là chết... Rồi nhiều ngàn năm lại trôi qua, con người bị quả báo của ác nghiệp nên sợ hãi và đau khổ, họ bắt đầu tu tập gieo trồng đức hạnh, vun xới phước đức, do thế tuổi thọ được tăng lên tới 80.000 tuổi. Rồi thời gian lại qua, con người không tu không gieo phước báo nên tuổi thọ lại từ từ giảm xuống 10 tuổi nữa... thì khi đó Bồ tát Di-lặc sẽ xuất

hiện trên đời thành Phật dưới cội Long Hoa để chuyển bánh xe pháp cho chúng sanh, chỉ cho chúng sanh con đường tự thoát khỏi những khổ đau hệ lụy của sanh, già, bệnh, chết. Bồ tát sẽ dùng lòng từ vô lượng của mình để cứu giúp chúng sanh, để mang sự bình an và hạnh phúc cho mỗi chúng sanh đau khổ. Vì vậy, Đức Phật Di-lặc được xem là vị Phật cứu tinh trong tương lai của loài người. Do ý nghĩa ngài sẽ thay Đức Phật Thích Ca thuyết pháp trong cõi ta bà nên gọi là Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ (*một đời nữa sẽ bồ xứ thuyết pháp*), khi thành Phật sẽ mang hiệu là Đức Di-lặc Như Lai. Vì thế, chúng ta thường tán lễ ngài là: “*Nam mô Đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật*”.

So sánh về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của các Đức Phật, thì nét nổi bật của Đức Phật Di Lặc là nụ cười hỷ xả tròn đầy tự tại. Hỷ là hoan hỷ chia sẻ sâu sắc nỗi đau khổ và niềm vui với mọi người. Xả tức buông xả, không chấp thủ nắm giữ tất cả điều phiền muộn trong lòng. Tỉnh giác như thật các pháp, hỷ xả, khoan dung và vô ngại đối với tất cả thái độ, hoàn cảnh chi phối của sáu trần nên nụ cười trên môi ngài thật sự vui tươi, tự tại và hồn nhiên. Nụ cười của ngài như làm vơi đi phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, tật đố... khiến cho tâm thuần tịnh, tăng trưởng bồ đề trí hạnh và phát triển bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả).

Theo truyền thống, lễ vía của Đức Phật Di Lặc vào dịp mỗi đầu xuân như nhắc chúng ta hãy luôn nhớ tu tập từ trong hoa tâm một nụ cười trẻ trung tươi đẹp của lòng hỷ xả, khoan dung và tự tại vô quái ngại như thế.

Mùa đông Milwaukee, 12/2005



San sẻ

THƯ CHÚC XUÂN ĐẾN CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT

Thích Nữ Giới Hương

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính thưa Quý vị chức sắc các tôn giáo bạn!

Kính thưa Quý Đồng hương, Quý Phật tử và Quan khách thân mến!

Mùa xuân là mùa của hạnh phúc và vui tươi, báo hiệu năm cũ đã qua và năm mới đang đến. Một năm mới đầy sức sống và an lạc như HT Thích Đức Niệm trong sách ‘Ý Nghĩa Xuân Tết’ đã nói:

*Xuân mang đến bao nguồn vui khôn xiết,
Xuân tung bồng bao yến tiệc trò vui.*

*Suốt năm dài an ủi chỉ xuân thôi,
Xuân tết đến, đời tôi thêm nguồn sống.*

Đúng thế! Chúng ta là những người con Việt đang sống tha hương trên đất khách. Hàng năm vào mỗi độ xuân về, dù ở xa tít đâu, dù trời lạnh lẽo gió bão tuyết đến đâu, chúng ta cũng tụ hội về để dự tết cộng đồng của đồng hương người Việt tại tiểu bang Wisconsin tổ chức.

Xuân về, lòng người nao nức hướng về cố hương Việt Nam. Quê cha đất tổ, nơi chôn nhau cắt rốn; nơi có ông bà cha mẹ, bà con quyến thuộc, mô mã tổ tiên, bạn bè thầy cô, chùa chiền trường lớp; nơi ấp ủ tuổi thơ chúng ta với biết bao kỷ niệm vui buồn. Nào là đêm 30 quây quần bên nồi bánh tét, bánh chưng; nào là mông một, mông hai, hân hoan khoanh tay chúc tết để nhận hồng bao lì xì; nào là được mặc quần áo mới đến chùa lễ Phật xin lộc đầu năm; nào là mông 3 tết thăm viếng thầy cô vv... và vv...

Mùa xuân cũng là lễ hội chúc mừng chúng ta được tăng thêm một tuổi thọ, hướng thượng vươn lên, tổng cự nghinh tân, thăng hoa cuộc sống với đầy lạc quan hy vọng.

Nào chúng ta hãy nhìn tất cả người con Việt đang hiện diện tại đây! Ai ai cũng rạng rỡ, vui tươi trong những bộ đồ mới xinh xắn và trang trọng. Ai ai cũng nở nụ cười hoan hỉ độ lượng để chúc lành, chúc phúc và lì xì lẫn nhau.

Thật đẹp biết bao nét văn hóa truyền thống Việt nam của chúng ta! Thật đẹp biết bao nghĩa cử cao đẹp của đạo đức tình người!

Kính thưa Quý vị chức sắc các tôn giáo bạn,

Kính thưa Quý Đồng hương, Quý Phật tử và Quan khách thân mến,

Trong giây phút thiêng liêng của năm mới - Xuân Mậu Tý 2008, tôi – sư cô Thích Nữ Giới Hương - Trụ trì chùa Phước Hậu tại thành phố Milwaukee, tiểu bang Wisconsin, xin thay mặt cho Ban Tổ chức là Cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại tiểu bang Wisconsin, xin thay mặt cho Ban Hộ Trì Tam bảo và quý Phật tử chùa Phước Hậu thành tâm kính chúc quý vị chức sắc các tôn giáo bạn, các vị đồng hương, quý Phật tử và quý ân nhân *Một Mùa Xuân An Khang và Thịnh Vượng*.

Xin thành tâm cầu nguyện cho thế giới hoà bình và nhân dân an lạc trong ánh hào quang từ bi vô lượng của chư Phật, chư Bồ tát.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật tác đại chứng minh.

Milwaukee, ngày 10/2/2008

Kính bút,

Thích Nữ Giới Hương

VUI XUÂN HIỆN TIỀN

Xuân đến,
Ánh ngọc lung linh
Điểm hồng sắc tuyết
Đầu cành trở mai.

Xuân nồng,
Hương tâm thơm ngát

Chân thường ngã tịnh

Vui xuân hiện tiền.

Đón Xuân nơi Milwaukee, ngày 10/1/2008

Thích Nữ Giới Hương

MỪNG XUÂN BÌNH TUẤT

PHƯỚC HẬU Xuân nay rộn tiếng chào

ĐÓN MỪNG Tăng lữ đến từ xa

THÍCH NỮ người ơi thôi đừng bước

GIỚI HƯƠNG xin quyện ở phương này.

Nhuận Lành

ĐÓN XUÂN NƠI CHÙA PHƯỚC HẬU

Xuân quê hương hoa mai hoa đào nở

Xuân quê người chỉ toàn tuyết trắng rơi.

Hai câu thơ đầu trong bài thơ “Xuân Về” con viết gởi ba mẹ lại được sư cô Giới Hương (trụ trì chùa Phước Hậu) nhắc đến trong lễ Tết Niên cuối năm 2006 và lễ đón giao thừa 2007 làm con nhớ lắm ánh nắng ấm áp của mùa xuân quê nhà. Sư cô nói “Hoa xuân nước Việt lại một lần nữa lại nở rộ trong mùa đông bắc mỹ cùng với băng giá và tuyết bay. Tuy là ngoài trời tuyết trắng đang rơi và rất lạnh, nhưng trong chánh điện này thì thật là ấm áp và tràn ngập tình thương lan tỏa của đấng từ phụ”.

Đúng thế thừa Sư cô, cuối năm mà lại được ngồi dự lễ tết niên và chuẩn bị đón giao thừa, ăn bánh trôi uống nước trà với rất nhiều phật tử xa gần thì còn hạnh phúc gì hơn; khi chúng ta sống trên mảnh đất quê người, có nhiều gia đình ở đây không được may mắn tận hưởng được cái thiêng liêng của đêm giao thừa. Nghe tiếng chuông chùa ngân trầm bổng, tiếng tụng kinh thánh thoát và còn đặc biệt hơn là buổi Đố vui phật pháp. Với những câu hỏi đầy lý thú và ý nghĩa mà sư cô đã đặt ra cho chúng con, thật vui và lại được có quà tặng nữa. Rồi có những câu trả lời thật bất ngờ không thể tưởng. Diệu Phương nhớ các em Oanh Vũ trả lời rất hay và cũng rất ngộ nghĩnh, Diệu Phương không thể nhịn nổi cười khi có một em Oanh Vũ đưa cả hai tay muốn trả lời câu hỏi của sư cô, rất hùng hồn, làm như mình biết chắc chắn chính xác câu trả lời vậy đó. “Sư cô cầm tượng Phật Di Lặc lên và hỏi: các con có biết tượng này là ai không? Có rất nhiều cánh tay đưa lên nhưng có một em rất nhanh và đứng thẳng dậy nói với giọng rất chắc chắn: Dạ thưa sư cô, ông ấy là ông Thổ Địa ạ!” Trời!!! Làm Diệu Phương và một số bác nữa phải bật cười. Nhưng không phải thế những em khác cũng đồng tình “Ông ấy là Thổ Địa mà, giống lắm mà!”, làm sư cô phải hỏi thêm “Chứ vậy ông Thổ Địa khác với ông Di Lặc như thế nào?” Và lần đầu tiên Diệu Phương biết ông Thổ Địa thích hút thuốc, còn Phật Di Lặc thì không có râu. Còn Địa Tạng Vương Bồ Tát thì còn có thể chấp nhận là khó nhớ tên, nhưng có một em thanh nữ chắc cũng thấy chắc ăn lắm nhưng câu trả lời lại nữa trả lời nữa muốn hỏi lại: “Dạ hình đó có phải là ông Đường Tam Tạng không

sư cô?” Wow!!! Em này quả là mê phim Tây Du Ký lắm đây.

Xuyên suốt buổi trà thân mật và văn nghệ giúp vui, Diệu Phương cảm thấy mình như được vui xuân; Trong không khí thật hài hước với những câu trả lời quả thật rất bất ngờ. Diệu Phương còn nhớ anh liên đoàn trưởng có đặt câu hỏi “Bát Chánh Đạo là gì?” Diệu Phương tưởng là nhiều người sẽ biết về tám con đường chơn chánh mà Phật đã dạy, nhưng không, bởi chỉ có một em thanh nữ trả lời và em ấy phát biểu “Bát Chánh Đạo có phải là bát canh không nhỉ?”. Trời!!!! tâm hồn ăn uống chắc là tầng số cao của em này. Diệu Phương quá bất ngờ vì sự tương tượng hết sức lý thú của các em đấy. Nhưng lại có những câu trả lời rất hay và cũng rất chính xác của các bác tuy đã ngoài sáu mươi như các câu: Nam mô a di đà Phật là gì, 12 nguyện của Đức Phật Dược Sư, sáu đạo là gì, vì sao bậc xuất gia phải thế phát (cạo tóc), vì sao pháp y được gọi là ruộng phước, gieo nhân gì được xinh đẹp, tại sao bị xấu xí, hèn hạ... Có vị trả lời vì trái tim xấu nên hình dung xấu. Mọi người cười và sư cô tán thán đây là nhà triết học lớn (a great philosopher), nên học ngành tâm lý... Ôi thật là vui. Lại xen kẽ trong tiết mục đố vui Phật pháp là phần đơn ca, hợp ca và ngâm thơ. Cả chùa cùng hợp ca bài Xuân về, sư cô hát bài “Phật Quang Sơn” bằng tiếng Hoa, anh Phước Thừa đánh đàn và hát bài “Xa dấu mặt trời”, anh gia trưởng Minh Bình ngâm bài thơ “Ngát Hương” của sư cô Giới Hương sáng tác...

Lễ tết niên và đố vui Phật pháp chấm dứt trong sự tiếc nuối. Trong hai tiếng đồng hồ sư cô đã ôn và hỏi lại

các giáo lý mà sư cô đã hướng dẫn trong một năm nay và tất cả hăng hái nhiệt tình tham gia trả lời rất sôi nổi. Sau những câu trả lời lại được sư cô cho phần thưởng gồm có chuỗi niệm Phật, chìa khóa hình chú tiểu, CD về Phật pháp và tập san và anh liên đoàn trưởng Phước Thừa tặng cho các em Oanh vũ phong bì lì xì... khiến ai ai cũng đều hoan hỉ và thích thú.

Đến 12h khuya, Diệu Phương làm lễ đón giao thừa cùng với các vị phật tử và được nghe tiếng chuông trống Bát nhã đầu năm, cũng là tiếng chuông cầu hòa bình cho nhân thế. Giọng ngâm tha thiết và thanh thản của sư cô được điểm mỗi câu bằng tiếng chuông ngân thật thiêng liêng và hùng tráng... Mọi người im lặng thành kính lắng nghe và gói lòng cầu nguyện theo. Ôi! Tiếng chuông mà bao năm rồi Diệu Phương mới lại được nghe làm Diệu Phương cảm thấy rất hạnh phúc, rất vui, cảm thấy như đang từ phụ cũng đang nhìn Diệu Phương với ánh mắt của bao la tình thương và nụ cười hoan hỷ. Khóa lễ chấm dứt với hái lộc đầu năm gồm một phong bì đồ lì xì, một quả quýt tươi và đặc biệt là lộc thiệp chúc tết trong đó có ghi các lời dạy của Đức Phật và danh ngôn do sư cô sưu tập. Nhìn trên khuôn mặt mọi người, Diệu Phương cảm thấy ai ai cũng hơn hờ cầm trên tay chiếc lộc đầu năm của mình đứng sấp hàng trong lúc chờ sư cô giải thích ý nghĩa trong card. Diệu Phương cũng hái cho mình một chiếc lộc với niềm vui hân hoan và thêm một lời mong ước đầu năm mọi thứ tốt đẹp nhất sẽ đến với mình, với gia đình mình và toàn thể mọi người đang đứng xung quanh Diệu Phương. Thế

là lại một năm trôi qua, một năm với biết bao lo toan và bộn bề của cuộc sống đã gác lại rồi.

Năm mới, Diệu Phương cũng không có gì hơn chỉ thành tâm cầu chúc sư cô Giới Hương pháp thể khinh an, luôn là ngọn đèn tuệ sáng dẫn dắt chúng con và thành tâm kính chúc các bác Phật tử, anh chị em gia đình Phật tử Tịnh Giác được nhiều sức khỏe, tinh tấn tu tập, vạn sự các tường, thân tâm an lạc...

Nam mô Hoan Hỷ Di Lạc Tôn Phật

Mồng 8 tết, tức ngày 25 tháng 2 năm 2007

Diệu Phương



Xuân Tuyết Kỳ Sứ – 2009
(Minh Viễn)

Chương III
PHẬT ĐẢN
NHỚ PHẬT VÀO NGÀY LỄ VESAK

*Cách xa dù mây nhịp cầu
Đến ngày Phật đản năm châu cũng gần.
Dù ai buôn bán đâu đâu
Nhớ ngày Phật đản rủ nhau mà về.*

Đúng thế! Là người Phật tử chúng ta không ai không nhớ ngày lễ Vesak phải không? Vesak là tiếng Pali, tên của một tháng, thường trùng vào tháng năm dương lịch. Vesak cũng là tên của một ngày tức ngày Phật đản hay ngày Giáng sinh của Đức Phật, là một ngày có ý nghĩa trọng đại nhất đối với hàng Phật tử chúng ta trên khắp thế giới.

Vâng! chính đúng vào ngày này cách đây 26 thế kỷ, thái tử Sĩ-đạt-đa thân thái tinh anh, khôi ngô tuấn tú với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tướng phụ đã ra đời tại vườn thượng uyển Lâm-tì-ni gần thành Ca-tì-la-vệ, Ấn độ nay thuộc vương quốc Nepal. Vừa bước ra từ hông phải của mẫu hậu, ngài đã kiễng gót trên bảy đóa hoa sen với một tay chỉ trời, một tay chỉ đất thốt lên lời nói bất hủ rằng:

Ta là bậc cao nhất trên đời,
Ta là bậc quý nhất trên đời,
Ta là bậc chí tôn trên đời.

Sự sanh ra của Ta, kiếp này là kiếp cuối cùng.
Nay Ta chẳng còn tái sanh nữa.
(*Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn,
Vô lượng sanh tử u kim tận hỷ*).

Chữ ‘Ta’ ở đây chúng ta có thể hiểu như Niết bàn của đại thừa, nghĩa là bốn đức của chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh. Đức Phật ra đời chỉ vì muốn khai thị cho chúng ta ngộ nhập Phật tri kiến tức thấy được bốn đức tánh của niết bàn này, chỉ cho chúng sanh biết ‘*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*’. Đó là lý do trong kinh Pháp Hoa, phẩm 20, Bồ tát Thường Bất Khinh mỗi khi gặp bất cứ ai cũng đều cung kính lễ bái thưa rằng: ‘*Tôi không bao giờ dám khinh quý ngài, vì tương lai quý ngài sẽ thành Phật*’, nghĩa là tất cả chúng sanh cuối cùng và chắc chắn sẽ đạt Phật quả nếu chúng ta muốn. Thành Phật là đạt niết bàn, là đạt cái ‘Ta’ này và chỉ có niết bàn và ‘Ta’ là hơn hết; chỉ có giác ngộ, bậc Giác ngộ là tôn quý hơn hết. Đó là chỗ cứu cánh tối hậu của Phật giáo. Đó là bản tuyên ngôn đầu tiên, là chân lý tuyệt đối hằng hữu mà Đức Phật sơ sanh muốn giao phó, khai thị cho chúng ta từ ngàn xưa cho đến ngày nay và mãi mãi về sau.

Nhắc đến lễ Vesak, lòng chúng ta như tràn đầy niềm hoan hỷ và thành kính vô biên. Chúng ta như sống lại thời xa xưa cách đây hơn 26 thế kỷ, như chiêm ngưỡng lại khung cảnh thiêng liêng khi thái tử Sĩ-đạt-đa sơ sanh giáng thế trong ánh nắng của buổi bình minh lấp lánh, trong không khí vui tươi tung bừng của thiên nhạc, chim hót, trăm hoa đua nở tại khu vườn thượng uyển Lâm-tì-ni... tất cả như hân hoan đón chào Bậc tuệ giác vô song,

bậc đại vĩ nhân mở đầu cho một kỷ nguyên của an lạc và giải thoát ra đời.

Thành tâm kính lễ Ngài
Một đóa hoa đẹp nhất và quý nhất
trong vườn hoa nhân loại.

*Chấp bút tại Thư phòng Phước Hậu
Một sáng mùa xuân, 27 tháng 3, 2006*

Thích nữ Giới Hương



Con nay đội tấm thân Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tự.
Ngũ trước chúng sanh lia trần cấu,
Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân.

SỰ CÔNG HIẾN CỦA HOA VÔ ƯU

Hoa vô ưu (*ashoka tree*), tên tiếng phạn là *a-thâu-ca*, *a-thuật-ca*, là một loài hoa có nhiều cánh màu đỏ son, nhụy vàng và lá xanh thon dài. Vô là không, ưu là phiền; loại hoa vui tươi không muộn phiền. Chính dưới cây này, vào mùng tám tháng tư theo truyền thống Đại thừa, hoặc ngày rằm tháng tư theo truyền thống Nguyên thủy, cách đây 26 thế kỷ, thái tử Sĩ-Đạt-Đa đã ra đời.

Hoàng hậu Ma-ya tay vịn nhánh hoa vô ưu tròn trịa khoe sắc đỏ tươi, nở xoè rung rinh trong nắng sớm. Thái tử sơ sanh bụ bẫm vừa ra khỏi hông Mẫu-hậu liền đi bảy bước, có bảy đóa sen hồng xuất hiện, nhẹ nâng gót chân thánh thiện.

Sự giáng sanh của Thái tử, một bậc thánh, bậc tối thượng vi diệu ở ta bà này, đã mang thông điệp hạnh phúc và an lạc cho khắp mọi người trên khắp năm châu. Sự ra đời của đức Phật đánh dấu sự bắt đầu của một nguồn tuệ giác mới. Ngài đã chỉ ra nguồn tiềm năng giác ngộ, diệu dụng vô tận sẵn có trong mỗi người và mỗi loài. Những ai biết phát huy và sống theo thì sẽ tự mình thoát khổ và thoát khổ cho người.

Hàng năm, Phật tử chúng ta trên khắp năm châu bốn bề đều tổ chức kỷ niệm mừng ngày Khánh đản. Trong ngày này, chúng ta làm lễ tắm Phật, nghe những pháp thoại và những khúc nhạc, vãn thơ, tán dương về cuộc đời cao cả của ngài. Đây là cơ hội tốt để chúng ta trở về

nguồn, sống trọn vẹn và hiểu rõ tận tường những tính đặc thù văn hoá của Phật giáo.

Ngày nay, khoa học và văn minh càng tiến bộ thì đạo Phật càng được phát triển, vì những gì Đức Phật đã nói (*Tam tạng kinh điển*) cách đây từ 2632 năm về trước, là kim chỉ nam, là một kho tàng quý giá đã cống hiến cho nhân loại *chân giá trị đạo đức tâm linh đích thực*. Con đường thực nghiệm tâm linh này sẽ dẫn tới một đời sống xã hội an hoà và tinh thức.

Một đời sống tinh thức và an bình trên thế gian này là ước mơ chung của nhân loại.

Và Đức Phật là bậc tối tôn đã dâng tặng những đoá hoa đạo đức tâm linh, toả ngát hương thơm cho chúng ta và muôn loài chúng sanh.

Đó là giá trị của hoa vô ưu - một loài hoa quý hiếm trên đời.

Chúng ta may mắn được làm người, được hưởng hương thơm của loài hoa đó thì hãy cố gắng thực hành những lời dạy đầy trí tuệ và bi mẫn của Đức Thế Tôn, đề trang nghiêm giới thân huệ mạng, hoàn thiện mình và người. Đó là chúng ta đền ơn Đức Từ Phụ trong dịp lễ kỷ niệm ngày Đản sinh lần thứ 2552 của ngài.

Nam Mô Đầu Xuất Giáng Trần, Lâm Tì Ni Thị Hiện, Ta Bà Giáo Chủ, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật lịch 2552, Phước Hậu Tự, 20/5/08

Thích Nữ Giới Hương

Khánh Đản

Bao phủ

Vân mây

Một sáng

Nắng hiện.

Dưới cỏ

Hoa tía

Đã nở

Dâng ngày

Khánh Đản.

Thích Nữ Giới Hương



Nam mô Lâm Tỳ Ni thị hiện Phật đản sanh
Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

*Chương IV***VU LAN****THU SẮP VỀ TRÊN MILWAUKEE**

*Thu về lúc đác mưa rơi
Hắt hiu mặt nước cây yên đứng nhìn
Thu về âm đạm bầu trời
Nhắc người con nhớ ơn thành hiếu sinh.*

Thu sắp về trên Milwaukee, mùa thu của Vu-lan báo hiếu, mùa của mẹ cha, tổ tiên gia tộc, mùa của những bông hồng trắng cài trên áo của những ai bất hạnh mất mẹ và cũng là mùa của những bông hồng đỏ thắm nở tròn trên áo của những ai may mắn còn mẹ. Ở Hoa kỳ, người Mỹ có ngày Mother's Day (Ngày của Mẹ) và Father's Day (Ngày của Cha) thì chúng ta - những Phật tử hay những người con Việt-Nam có ngày Vu-lan vào rằm tháng bảy hàng năm hay vào mùa thu là ngày truyền thống báo hiếu thiêng liêng, là ngày đẹp nhất của nghĩa sống và tình người.

Vu-lan nói đủ là Vu-lan-bồn, là dịch âm của người Trung quốc từ tiếng Phạn 'Ullambana'. Ngài Trí Húc dịch là 'giải đảo huyền' tức tháo gỡ các cực hình treo ngược bị đày đọa trong cảnh giới ngạ quỷ và địa ngục. Vu-lan-bồn là một bản kinh ngắn kể về nguyên nhân và phương pháp báo hiếu của tôn giả Mục-kiên-liên đối với

thân mẫu của ngài, thường được các chùa tụng vào tháng bảy âm lịch.

Nội dung của kinh dạy rằng dù ngài Mục-Kiên-Liên có sáu thần thông cũng không cứu được nghiệp ngạ quỷ của thân mẫu. Sự hỗ trợ của ngài chỉ là những chất xúc tác giúp mẹ và phải chính bà tự chuyển hoá nghiệp của mình mới được. Để cứu mẹ cho có hiệu quả, ngài nhờ vào sức chú nguyện của cộng đồng tăng thân thanh tịnh và có đủ giới đức. Chính nhờ vào đạo đức cộng đồng của các vị thánh tăng và cao tăng nghiêm trì giới luật, thân mẫu ngài được cảm hóa, tự bà chuyển hóa tâm ích kỷ, bòn xén, sân hận, xấu xa mà hối lỗi, sám hối mở lòng từ bi rộng rãi, vị tha, hoan hỷ với các pháp lành và nhờ đó tâm bà được cởi trói và giải thoát. Đây là tinh yếu của kinh Vu-lan hay kinh điển Phật giáo nói chung muốn truyền đạt cho chúng ta.

Từ đây cho ta thấy đạo Phật là một phương pháp sống, quan tâm đến nhiều phương diện bao gồm cả sống và chết để từ đó hướng tới con đường tu tập chấm dứt khổ đau trong hiện tại và tương lai.

Người con Phật, người con hiếu phải sống đời đạo đức và trí tuệ; phải tôn thờ cha mẹ, cứu huyền thất tổ nhiều đời đã khuất; phải biết kính trọng và phụng dưỡng cha mẹ hiện tiền cũng như vận dụng nhiều phương cách để hướng dẫn cha mẹ trên con đường tu tập chánh pháp để cùng cha mẹ sống an lạc giải thoát. Đạo Phật đề cao chữ hiếu để cuộc đời có nhiều người con hiếu thảo, bớt đi tình trạng suy thoái đạo đức trong gia đình và xã hội. Đạo Phật cống hiến cho cha mẹ một nếp sống đạo đức, an trú vững chắc vào chánh pháp để xa lìa tham, sân, si

là tác nhân của mọi phiền não khổ đau, để từng bước đi vào hạnh phúc của tâm trong hiện tại giây phút này. Người con nào biết đem lại cho cha mẹ con đường vào hạnh phúc lâu dài như thế mới thật là chí hiếu, mới gọi là người con của mùa thu sắp về.

Chấp bút tại Thư phòng Phước Hậu
Trưa hè Milwaukee, 26 tháng 6, 2006

Thích nữ Giới Hương

THU VỀ

Thu về lác đác mưa rơi
Hắt hiu mặt nước cây yên đứng nhìn.
Thu về âm đạm bầu trời
Nhắc người con nhớ ơn thành hiếu sinh.

Thu về đau buốt lệ sa
Giã từ mẹ đã bên kia ngàn trùng.
Thu về Thăng hội Vu-lan
Đốt hương khẩn nguyện mẹ sanh cõi lành.

Thu Milwaukee, 2006
Thích Nữ Giới Hương



Sắc thu

Photo: <http://www.autumn-pictures.com/>

TÌNH THƯƠNG CỦA GIÓ

Mùa Vu-lan đến, lá thu vàng nhuộm đỏ hàng cây dọc đường Oklahoma. Gió chiều lạnh xe xất, chuông chùa từng tiếng đổ, lòng chúng con chùn lại, xao xuyến nhớ lại ơn nghĩa nghìn trùng của Mẹ Cha.

Hướng mặt về phía đông, nơi mặt Hồ Milwaukee (một trong ngũ đại hồ lớn nhất thế giới) mênh mông bát ngát, để tình thương bao la của gió tràn về.

Công Cha như núi thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Chín tháng cưu mang chúng con nặng nhọc; bên ướt mẹ nằm, bên ráo phần con. Sinh ra đời, con vừa biết ăn, mẹ cha lại mớm cho con từng muỗng cơm, thìa cháo. Một nắng hai sương lam lũ, làm ruộng buôn bán, một đời tần tảo để có chút tiền nuôi con khôn lớn, học hành thành đạt nên người. Giáo dục thế gian chưa đủ, cha mẹ còn nâng dắt đưa chúng con đến cửa Phật, cho chúng con sớm quy y Tam bảo, học Phật pháp, tin nhân quả thiện ác để rèn luyện nhân cách cao thượng của mình. Hình hài và trí tuệ hiện nay của chúng con được thấp sáng, được hiện hữu đó là từ mồ hôi và trái tim nóng hổi của cha mẹ tưới tắm. Biết bao nhiêu sữa và máu của cha mẹ đã kết đọng trong chúng con “Sữa mẹ mà chúng con đã uống trong nhiều kiếp sanh tử từ vô thủy đến nay thì nhiều hơn nước trong bể cả đại dương”. (Kinh Tương Ứng)

Nói sao cho hết ơn cha, nghĩa mẹ. Tưởng sao cho hết tình thương vô bờ của mẹ cha.

*Trần gian ngôn ngữ sao diễn tả
Chở cho đầy hai tiếng Mẹ Cha!*

Trong kinh Tâm Địa Quán, Đức Phật dạy:

“Ta sắp nói pháp mâu nhiệm, vì muốn lợi ích cho những ai chưa biết Ân Đức trong đời vị lai mà vâng giữ. Người thế gian và bậc xuất thế gian có bốn thứ ơn nên đền trả là: Ôn Cha Mẹ, ơn chúng sanh, ơn quốc vương và ơn Tam bảo”.

Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Âm dạy:

“Chữ hiếu hạnh niệm tròn một tiết;
Thời suy ra trăm nét điều nên”.

Người biết thương lo chăm sóc hiếu nghĩa với đấng sanh thành ra mình, thì biết trăm sự, trăm tánh, trăm hạnh của vị ấy sẽ thành đạt.

Đón ngọn gió thổi
Tình thương tràn về.
Khắc trên phiến đá
Nghĩa Mẹ tình Cha.

Thư Phòng chùa Phước Hậu, Vu Lan 2008

Thích Nữ Giới Hương

VU LAN HOA NỞ

Cánh hồng
đỏ thắm,
Cánh hồng
trắng nhung,

Nở dưới
ánh nắng,
lung linh vẫy gió,
bản thể chân như.

Kính dâng phụ mẫu
Tắc lòng hiếu ân
Vu lan thắng hội
Hoa nở ngát hương.

Thích Nữ Giới Hương

VĂN CHÚC THỌ

QUÝ BÁC NHÂN MÙA VU LAN 2008

Truyền thống Vu Lan gắn liền với tập quán lâu đời của dân tộc, mang dấu ấn sâu sắc của tư tưởng đạo Phật. Lễ Vu Lan là ngày báo hiếu tứ ân, nghĩa là đền ơn đáp nghĩa đối với quý Thầy, quý Sư cô, cha mẹ, bạn bè, bà con, xã hội và đất nước mà Gia đình Phật Tử Tịnh Giác vừa thực hiện lễ tặng quà xong.

Trong mối quan hệ giữa con người với con người, thực sự có mối ràng buộc có tính chất ân nghĩa, hôm nay chùa Phước Hậu hiện diện được cũng nhờ một phần công lao lớn về cả tinh thần và vật chất ủng hộ của các bác phật tử lớn tuổi, đạo tràng Bát Quan Trai của chùa Phước Hậu duy trì được cũng nhờ các bác lớn tuổi tham dự, các khoá lễ, các buổi giảng pháp hay buổi lễ Vu Lan này cũng thật hoàn mỹ với sự có mặt của các quý bác trưởng lão, và Gia đình Phật tử Tịnh Giác ngày nay lớn mạnh cũng có công ơn của quý bác trong đó. Ý nghĩa đền ơn quý bác lớn tuổi hôm nay được gọi là lễ Chúc Thọ do chùa Phước Hậu tổ chức. Sư cô và chùa Phước Hậu có món quà nhỏ kính tặng quý bác, bác nào từ 70 tuổi trở lên (còn bác nào chưa đủ 70 hay 69 ‘*giải an ủi*’ thì xin giữ gìn sức khỏe để năm tới hay mỗi năm chúng ta cố gắng tổ chức Lễ Chúc Thọ quý bác vì *Kính Lão thì Đắc Thọ*; và tuổi trên bảy mươi là tuổi “*thất thập cổ lai hy*”).

Quà tặng là mỗi bác được một tượng Phật vàng, kính mong Bác nào cũng là ông Phật hiện tử như tượng

Phật này cả. Các bác sẽ là những vị Phật hiện tại và tương lai để chúng sanh, nhất là Phật tử chùa Phước Hậu được nương nhờ giải thoát.

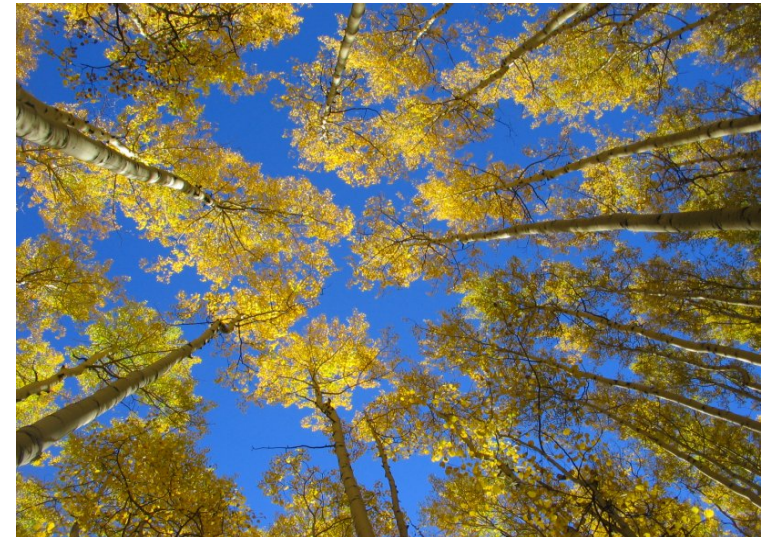
Kính nguyện Mười phương Tam Bảo, Đức Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ tát gia hộ cho quý bác được tăng long phước thọ, bá niên trường thọ mãi mãi, mạnh khoẻ, an vui, đạo tâm tinh tấn, phước huệ trang nghiêm và thân tâm thường lạc.

Nam Mô Tăng Phước Thọ Bồ Tát Ma Ha Tát

Đại Chứng Minh.

Chùa Phước Hậu, ngày 24/8/2008

Thích Nữ Giới Hương



Vườn cao che mát

Photo: <http://www.autumn-pictures.com/>

MANG ƠN MẸ

Mẹ là dòng suối tưới tâm hồn con
 Mẹ là ánh trăng cho con ngắm nhìn
 Mẹ là ánh nắng sưởi ấm đêm đông
 Mẹ là Quan Âm đôi mắt huyền diệu.

Mang ơn Mẹ đã chín tháng cưu mang
 Mang ơn Mẹ đã dưỡng con khôn lớn
 Mang ơn Mẹ đã cho con hơi thở
 Mang ơn Mẹ đã cho con cuộc đời.

Kính lạy Phật ngày Vu-lan thắng hội
 Kính lạy ngài đại hiệu Mục-kiền-liên
 Giới-định-tuệ hằng chuyên tu tinh tấn
 Xin hồi hướng hương hồn Mẹ giải thoát.

Thu Milwaukee, 2006

Thích Nữ Giới Hương

MẸ VẪN BÊN CON

(Xin kính tặng cho những ai cài hoa trắng trong mùa lễ Vu-lan)

Chiều nay mưa rơi giăng khắp phố
 Chuông chùa thông thả nhẹ buông lơ
 Lá vàng rơi rụng mùa thu đến
 Vu-Lan đồng vọng nhớ mẹ yêu.

Mẹ còn đâu nữa giữa trần gian
 Mẹ đã nằm yên lòng đất lạnh
 Mộ phủ màu rêu bao năm rồi
 Con vẫn chưa về thăm mẹ được.

Lãng đàng phương xa con mỗi gổi
 Kiếm tìm bóng mình giữa thực hư
 Mẹ ơi! có biết chiều nay nhớ
 Nhớ bóng mẹ hiền nguyên dáng xưa.

Con cài hoa trắng Vu-lan về
 Vũ trụ càn khôn sắc và không
 Sắc-Không-Hoa trắng cùng một cõi
 Mẹ vẫn bên con giữa mênh mông.

Thư phòng Phước Hậu, chiều 28/06/06

Thích Nữ Giới Hương



Bên nhau

Chương V
LẬP ĐÔNG

LỜI KINH

Ngoài cửa tuyết bão trắng
Trong chùa nền vẫn sáng
Lời kinh vang vang xa
Đất trời lắng đọng nghe.

Thích Nữ Giới Hương



Chú tiểu nghe kinh

TÁCH TRÀ

Tách trà mời đãi khách
Sau buổi sớm thiền hành
Mặt trời chợt tỉnh thức
Hương trà hoa tuyết vương.

Thích Nữ Giới Hương

SỰ RƠI CỦA LÁ

Lá vàng ơi!
Hãy đợi Ta đôi chút.
Vội vàng chi
Mà nở lia cành.

Ta muốn giữ
Những hình ảnh tuyệt vời
của sự sống
Đang hiện hữu trên cành.

Không! Quy luật muôn đời vẫn thế.
Nghinh Đông, tiễn Thu
Đón Hạ, biệt Xuân.

Nắng vàng hong,
Gió phủ lạnh khắp trời.
Mưa vừa tạnh,
Tuyết lại giăng khắp phố.

Xin đừng cản sự rơi của lá
Sáng nay lá vĩnh viễn vượt thời gian

Bao dung cả tình yêu và tư tưởng.

Lá đã rơi sáng nay...
Nhưng âm thầm sự sống.

Lá sẽ khô...
Lá sẽ chết...
Nhưng chết trong sự sống.

Xin hãy ngắm nét kiêu sa của lá.
Russet ơi! Ta yêu màu của lá
Russet ơi! Ta chợt nhận ra rằng
Tiếng lá rơi trong tịch mịch hồn Ta...

Sự sống đến khi Người vừa chạm khẽ
Chiếc lá vàng vừa chạm gót chân Ta.

Mưa tuyết đầu mùa tại Milwaukee, 22/11/07

Thích Nữ Giới Hương



Mùa Thu đầu tiên tại Milwaukee

THE FALLING OF LEAVES

Oh! yellow leaves
Please wait a moment for me.

Why you are in such a hurry,
to leave from your nice branches.

I just want to hold on
The wonderful images
of the living,
that is existing on the branches.

Oh! No!
The truth of life, as always.
farewell Fall, welcome Winter
good bye Spring, welcome Summer.

Oh! bright sunshine,
Then a cold wind in the sky,
The rain has stopped,
And now, lovely snowflakes just fall on the town.

Please do not stop the falling of leaves.
Today, in the morning, leaves come over the time forever.
Cover all the love and the thought.

This morning, although leaves just left their lovely branches
But still, there is a sign of living inside the sign of
drooping.

Oh! leaves will dry...
Oh! leaves will die...

There is a sign of the extinguishment in the arisen.

Just look at the beauty of leaves.

Oh, Russet! I love the beautiful images of leaves.

Oh, Russet! I have found
the sound of leaf is falling from my tranquil mind...

Life comes after as everyone knows,
as yellow leaves fall down just touching my feet.

First Snow in Milwaukee, November 22, 07

Thích Nữ Giới Hương



Nét kiều sa của lá

CHIM BAY

Bước đi trên mặt tuyết
Không để lại dấu vết
Chim bay, mây trôi theo
Vũ trụ im lặng nhìn.

Thích Nữ Giới Hương



Mùa đông đến

MÙA ĐÔNG TRỞ LÁ

Tuyết rơi xuống thành phố
Nóc chùa hoa tuyết trắng
Cây phong đứng bên chùa
Điểm những mầm lá non.

Thích Nữ Giới Hương



Hương thiền mùa đông

Chương VI

BÊN BỜ TÌNH THƯƠNG

THƠ CỦA ÔN CHO SÁCH

(HT. Thích Mãn Giác)

Lúc 2:30 chiều ngày 29/3/2006, Ôn đã điện thoại về chùa Phước Hậu và đọc từng chữ của ba bài thơ này để gởi tặng Giới Hương cho lần tái bản thứ hai của ba cuốn sách: Bờ Tát và Tánh Không, Vườn Nai-Chiếc Nồi Phật Giáo và Ban Mai Xứ Ấn.

Giới Hương trải qua hơn 50 phút mới ghi được đủ lời của cả ba bài thơ này. Và Ôn kiên nhẫn đọc như hát, như ngâm với hồn thơ bát ngát, mặc dù giọng của Ôn thường bị đứt quãng và không còn rõ nữa...

Tình thương của Ôn thật bao la!



Lòng từ

BỜ TÁT VÀ TÁNH KHÔNG

Tánh Không nhỏ sạch vào lòng
Trần gian còn lại đoá hồng cho con
Tháng ngày tu học mỗi mòn
Cười lên một tiếng vững bền ngàn năm.

Hoà Thượng Thích Mãn Giác

VƯỜN NAI - CHIẾC NỒI PHẬT GIÁO

Vườn Nai-Lộc Uyển ngày xưa
Mà nay Lộc Uyển chưa mở dấu nai
A-Nhã Trần-Như năm ngài
Cùng về quỳ dưới Như Lai thuở nào.

Hoà Thượng Thích Mãn Giác

BAN MAI XỨ ẤN

Hãy mở mắt mãi nhìn người ơi
Ban mai Ấn-độ tuyệt vời đẹp tươi
Lưu trang Phật sử sáng đời
Sông Hằng nước chảy rạng ngời bóng ai
Nghìn năm Phật tổ Như-lai
Sông Hằng lấp lánh bóng ngài hiện ra.

Ngày 29 tháng 03 năm 2006

Hoà Thượng Thích Mãn Giác

LỜI GIỚI THIỆU

BỒ TÁT VÀ TÁNH KHÔNG

Trong kinh tạng Pāli, khái niệm Bồ-tát (*Bodhisatta*) là chỉ cho từ lúc thái tử Sĩ-đạt-đa xuất gia đến trước khi ngài chứng ngộ, hoặc từ khi ngài (hay các bồ tát) nhập thai đến trước khi ngài (hay các bồ tát) giác ngộ hoặc bồ tát là kiếp trước của các Đức Phật. Vài thế kỷ trôi qua, khi đại thừa xuất hiện, khái niệm bồ tát trong kinh điển Pāli phát triển trở thành học thuyết Bồ tát (*Bodhisattva*) với lý tưởng chủ đạo đóng vai trò chính trong phong trào đại thừa.

Trong các tôn giáo hữu thần như Thiên chúa giáo hay Hindu giáo thì Thượng đế hay thần Shiva được xem là đáng tối thượng, đáng sáng tạo tối cao có năng lực thưởng phạt và chúng sanh đau khổ cần phải được năng lực siêu nhiên cứu rỗi... Trong Phật giáo, bồ tát được xem như bậc đại nhân, các ngài cũng là con người bình thường vẫn bị chi phối bởi luật sinh diệt, nhân quả... tuy nhiên, bồ tát nỗ lực chuyển hoá nghiệp xấu, đau khổ của chính mình và chỉ con đường giải thoát, lợi lạc cho chúng sanh bằng tất cả tấm lòng từ bi hỉ xả vô lượng, chứ các ngài không phải bắt từ hay thống lĩnh, làm chủ định mệnh của nhân loại.

Một trong những phương pháp tu tập của bồ tát hay động cơ chính khiến bồ tát hành bồ tát hạnh (*Bodhisattvā-cāryā*) không mệt mỏi là tuệ giác tánh

không. Kế thừa khái niệm không (*Sunnatā*) trong kinh điển Pali, tánh không (*Sūnyatā*) trong đại thừa được xem như là một thực tướng Bát-nhã, là con đường dẫn đến sự toàn tri đó là duyên khởi, trung đạo, niết-bàn và nhị đế. Với ý nghĩa đó, tánh không được xem như ý niệm căn bản của đại thừa, là một khái niệm tích cực mà ngài Long-thọ đã khẳng định:

*‘With Sūnyatā, all is possible; without it, all is impossible’.*²

Nghĩa là ‘Do Tánh không mà các pháp được thành lập, nếu không có Tánh không, thì tất cả pháp không thể hình thành’.

Edward Conze cũng đã nói rằng có hai điều cống hiến lớn mà đại thừa đã cống hiến cho tư tưởng nhân loại, đó là việc sáng tạo ra lý tưởng Bồ tát và chi tiết hoá học thuyết Tánh không.³

Trong tác phẩm ‘*Bồ tát và Tánh không trong kinh tạng Pāli và Đại thừa*’ dịch từ luận án Tiến sĩ ‘*Bodhisattva and Sūnyatā in the Pāli Nikāyas and Mahāyāna Sūtras: An Analysis*’ của tỳ-kheo-ni Giới Hương, tác giả đã nỗ lực nghiên cứu và đưa ra nhiều dẫn chứng từ nguyên bản kinh Pāli cũng như Hán tạng để so sánh, chứng minh mối liên quan giữa hai khái niệm Bồ tát và Tánh không. Thiết tưởng đây là một tác phẩm nghiên cứu nghiêm túc sẽ giúp ích nhiều cho các học giả có tâm huyết muốn tìm hiểu sâu về đạo

² The Middle Treatise, T 1564 in Vol. 30, tr. By Kumarajiva in 409 A.D., XXIV: 14; Nagarjuna’s Twelve Gate Treatise, viii, Boston: D. Reidel Publishing Company, 1982.

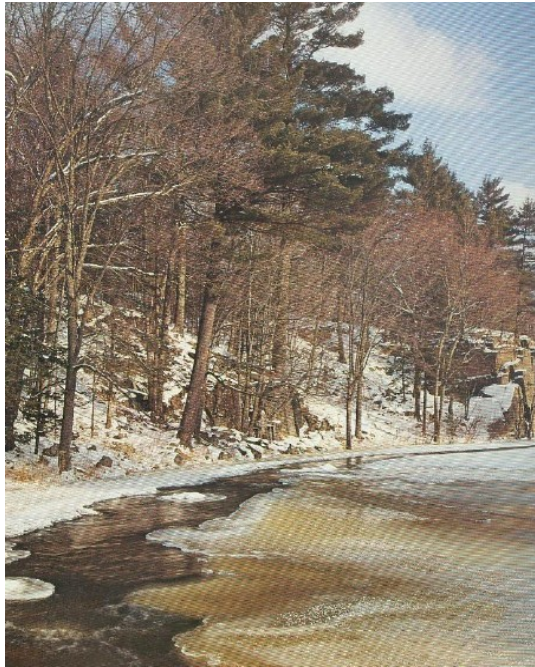
³ Edward Conze, Thirty years of Buddhist Studies, London, 1967, tr. 54.

Phật, đặc biệt về lãnh vực này.
Xin trân trọng giới thiệu.

Ngày 28, tháng 3, năm 2006

HT. Thích Mãn Giác

(Viện chủ chùa Việt-nam tại Los Angeles, Hoa Kỳ)



Nước vỗ bờ
Photo: Tom Algire

LỜI GIỚI THIỆU

VƯỜN NAI - CHIẾC NÔI PHẬT GIÁO

Vào khoảng thế kỷ thứ sáu trước công nguyên, nếu tại Trung Hoa có Khổng tử và Lão tử, tại Ba tư (Iran) có đạo thờ lửa (Zoroaster), tại Hy Lạp có Socrates và Platon thì tại Ấn độ có Mahavira (nhà thành lập đạo Kỳ-na giáo) và Đức Phật Thích ca Mâu ni... Phải nói đây là thời kỳ hoàng kim của các tôn giáo, đặc biệt tại Á Đông.

Đức Thế Tôn đã xuất hiện ra nơi đời, ngài dẫn sanh tại Lâm-tỳ-ni, thành đạo tại Bồ-đề-đạo-tràng, chuyển bánh xe pháp tại *Sārnātha* (Vườn Nai - Lộc Uyển) và nhập niết bàn tại Câu-thi-na... Với bài pháp đầu tiên - kinh Chuyển Pháp luân (*Dhamma-chakka-pavattana sūtta*) mà Đức Thế Tôn tuyên thuyết tại Vườn Nai, đã trình bày về bốn chân lý cao thượng (*chân lý về khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ*). Bốn chân lý cao thượng xuyên suốt Tám con đường chân chánh (*chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh định và chánh niệm*) đã hướng dẫn biết bao chúng sanh giải thoát từ dòng sông đau khổ đến bến bờ cực lạc hạnh phúc. Đây là giáo lý căn bản, khởi điểm, khuôn khổ luân lý của đạo Phật do Đức Thế Tôn chứng nghiệm, tuyên thuyết sau khi giác ngộ và suốt bốn mươi chín năm còn lại, ngài đã đi du hoá khắp đó đây cũng là để chỉ cho chúng sanh

thấy rõ khổ và con đường thoát khổ. Vì thế, có thể nói *Sārnātha* hay *Vườn Nai là chiếc nôi của Phật giáo* để từ đó Phật pháp có thể lan chảy khắp nơi.

Chính tại *Sārnātha* mà tăng đoàn Phật giáo được thành lập và đứng vững. Sau khi Đức Thế Tôn nhập niết bàn, nhiều đền, tháp, bia ký được xây dựng và nhiều tăng chúng, Phật tử đã nối gót Đức Từ Phụ truyền bá con đường hạnh phúc an lạc đến khắp nơi và vượt cả biên giới Ấn độ để đến nhiều nước trên thế giới. Đạo Phật như một ngọn đuốc sáng để đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân loại. Đạo Phật đã đem đến cho con người một đời sống tâm linh hoàn hảo. Rồi... theo quy luật chung của vũ trụ ‘thành, trụ, hoại và không’, Phật giáo cũng đã trải qua nhiều thăng trầm thay đổi do hoàn cảnh lịch sử, chính trị và do những nạn cuồng tín của các tôn giáo khác. Cũng cùng chung số phận ấy, thánh tích *Sārnātha* đã bị đốt cháy, phá sập nhiều lần và sau đó lại cũng được trùng tu nhiều lần khi thời bình đến... Ngày nay, di tích ấy được chính phủ Ấn Độ đài thọ kinh phí, được nhiều nhà khảo cổ, lịch sử, khoa học, tôn giáo... đến khai quật, nghiên cứu để đưa *Sārnātha* – một thời huy hoàng của Phật Giáo tại đó ra trước mắt giới quần chúng trong và ngoài nước Ấn.

Tỳ kheo ni Giới Hương trong mười năm tu học (1995-2005) tại Delhi và trong những dịp nghỉ lễ đã thường đến các thánh tích Phật giáo để đánh lễ tu tập và để nghiên cứu, viết ký sự nhằm giới thiệu cho những ai chưa có duyên đến chiêm bái. *Vườn Nai-Chiếc Nôi Phật giáo* là một cuốn sách viết chi tiết tở

mĩ nhằm giới thiệu tình hình Phật giáo, lịch sử, địa lý, chính trị, khảo cổ, điêu khắc mỹ thuật của *Sārnātha* trong thời cổ, cận hiện đại và hiện đại dựa trên những tài liệu đáng tin cậy của kinh tạng Pāli, sách Phật giáo thời hiện đại, của khoa khảo cổ, lịch sử, ngành du lịch kèm theo nhiều hình ảnh màu cũng như bản đồ minh chứng và nhất là bằng chính bản thân thực địa (quan sát bằng mắt) của tác giả tại di tích khảo cổ và viện bảo tàng *Sārnātha* đó... Thế nên, nhìn chung cuốn sách này đã có một đóng góp không nhỏ nào đó trong tạng sách lịch sử Phật giáo Ấn-độ.

Xin trân trọng giới thiệu.

Ngày 27, tháng 3, năm 2006

HT. Thích Mãn Giác

(Viện chủ chùa Việt-nam tại Los Angeles, Hoa Kỳ)



LỜI GIỚI THIỆU**BAN MAI XỨ ẮN**

‘*Ban Mai Xứ Ắn*’ (ba tập) của tỳ-kheo-ni Giới Hương là quyển hồi ký ghi lại những tâm tư, Phật sự, chương trình học Phật của một ni sinh được tu học 10 năm tại trường Đại học Delhi và những cảm xúc thiêng liêng khi được thân hành chiêm bái danh lễ các Phật tích tại Ấn Độ.

Lâm Tỳ Ni (nơi thái tử đản sanh), Bồ Đề Đạo Tràng (nơi Bồ tát Cồ Đàm giác ngộ), Lộc Uyển (nơi Đức Phật chuyển pháp luân) và Câu Thi Na (nơi Đức Phật nhập niết bàn) là bốn thánh địa nổi tiếng của Phật giáo. Bốn giai đoạn quan trọng này cùng với các sự kiện khác trong cuộc đời của Đức Phật là đề tài cho hàng ngàn tác phẩm mỹ thuật Phật giáo xuất hiện. Rất nhiều đền, tháp, bia ký được xây dựng để tôn nghiêm những thánh địa này. Tuy nhiên, trải qua nhiều thế kỷ Phật giáo bị suy tàn và vắng bóng tại Ấn Độ, hầu hết các thánh tích này cũng theo đó mà bị đập phá, đốt cháy và trở thành hoang phế tàn rụi theo bóng thời gian. Ngày nay, các nhà khảo cổ đang khai quật và cố gắng trùng tu lại theo nguyên mẫu xa xưa ấy.

Trong *Ban Mai Xứ Ắn*, tác giả đã mô tả tỉ mỉ các Phật tích quan trọng, ghi lại cảm tưởng, nhắc lại lịch sử thánh tích ấy, trích đoạn ký sự đường xa của ngài Pháp Hiền, Huyền Trang và các sách báo Phật giáo hiện đại, chụp ảnh tài liệu và có bản đồ minh họa... Ngoài ra, tác giả còn chia sẻ những hiểu biết của mình

về chương trình học tập từ khoá Thạc sĩ, Phó Tiến Sĩ và Tiến sĩ của khoa Phật học tại trường Đại học Delhi, những sinh hoạt của tăng ni sinh và tình hình Phật giáo tại Ấn độ và vài nước khác trong thời hiện đại. Những kiến thức và kinh nghiệm này sẽ là nguồn tài liệu quý cho tăng ni trẻ có ý định muốn sang tu học tại Ấn Độ và chiêm bái Phật tích cũng như sẽ có giá trị ghi lại một chặng đường lịch sử của hơn 150 tăng ni sinh Việt nam xuất dương du học tại Ấn.

Xin trân trọng giới thiệu tác phẩm *Ban Mai Xứ Ắn* cùng các bậc tôn đức, thức giả và bạn đọc bốn phương.

Ngày 26, tháng 03, năm 2006

HT. Thích Mãn Giác

(Viện chủ chùa Việt-nam tại Los Angeles, Hoa Kỳ)



Cội nguồn

Photo: <http://www.autumn-pictures.com/>

LỜI GIỚI THIỆU**XÁ LỢI CỦA ĐỨC PHẬT**

Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, xá lợi được chia thành tám phần cho tám lãnh thổ như Vương Xá (*Rājagaha*), Vesāli, thành Ca-tì-la-vệ (*Kapilavatthu*), Allakappa, Rāmagāma, Vethadīpa, Pāvā và Câu-thi-na (*Kusinārā*). Để có nơi tôn kính thờ xá lợi của các bậc thánh, kiến trúc của các ngôi tháp bắt đầu phát sanh và tiến hoá. Nhiều thế kỷ trôi qua, Phật giáo theo thời thế mà thăng trầm lên xuống và xá lợi hầu hết cũng bị thất lạc.

Vào thế kỷ XX, các nhà khảo cổ khai quật vùng Taxila và ngọn đồi Long Thọ (*Nāgārjunakondā*) đã tìm thấy các viên xá lợi thật của Đức Phật và hiện nay được thờ tại Sārnātha. Tác giả Tham Weng Yew đã viết về lịch sử và ý nghĩa của việc thờ xá lợi, tiến trình thăng hoá các đền tháp thờ cùng các hình ảnh minh họa. Tỳ-kheo-ni Giới Hương đã phát tâm dịch ra tiếng Việt và đây là lần tái bản thứ hai.

Xin mời quý đọc giả tham khảo và tư duy sẽ thấy giá trị vô cùng to lớn của quyển sách như một món quà tinh thần, một phương pháp sống và một cách giúp chúng ta tăng trưởng phước-huệ.

Xin trân trọng giới thiệu.

Ngày 26, tháng 3, năm 2006

HT. Thích Mãn Giác

(Viện chủ chùa Việt-nam tại Los Angeles, Hoa Kỳ)

LỜI GIỚI THIỆU**CỦA HT NHƯ ĐIỂN**

Vào tháng 10 năm 2005 tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, tôi đã nhận được những quyển sách gửi biếu và đề tặng của Sư Cô Giới Hương, gồm: *Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions* phiên bản ấn hành lần thứ 2 của nhà xuất bản Eastern Book Linkers, Delhi; tiếp theo là quyển *Bồ Tát và Tánh Không* trong kinh tạng Pali và Đại Thừa; quyển *Ban Mai Xứ Ấn* gồm 3 tập; quyển *Vườn Nai, Chiếc Nôi Phật Giáo* và quyển *Xá Lợi của Đức Phật* sách dịch từ tiếng Anh.

Quyển *Bồ Tát và Tánh Không* tôi chọn đọc trước. Đọc suốt mấy ngày mới xong của hơn 500 trang sách và khi gấp sách lại, tôi có nói với quý Thầy, quý Cô tại Bồ Đề Đạo Tràng lúc ấy rằng: "Đây là một luận án Tiến Sĩ đáng cho điểm tối ưu". Tôi không biết khi Sư Cô ra trường điểm mấy, không thấy đề cập nơi tiểu sử; nhưng theo tôi, sau khi đọc sách xong, mọi người chắc có thể cũng cảm nhận được như tôi vậy. Đây là những lý do:

Thứ nhất đa phần những luận án nghiên cứu như thế có tính cách khô khan; nhưng ở đây chỉ trong vòng 2 năm mà sách đã xuất bản và tái bản 2 lần (2004 và 2005). Như thế phải là một loại sách lạ, chưa có ai viết và vì thế mà nhiều nhà nghiên cứu đã mua để tham khảo.

Thứ hai - Khi đi vào nội dung mới thấy cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt, tác giả đã so sánh Tánh Không theo hai truyền thống Pali và Đại Thừa rất chặt chẽ, hợp lý; khiến thu hút được thị hiếu của người đọc.

Tánh Không hay Không Tánh (Sunyata) vốn là tên gọi khác của Chân Như, mà Chân Như thì đã lia sự chấp ngã và chấp pháp; thế mà ngôn ngữ vẫn còn dùng được để chuyển tải Chân Như, quả là một ngòi bút tài tình. Tuy ngôn ngữ dùng một cách dung dị cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt; nhưng nội dung thì vượt thoát cả tam giới. Đây là một luận án, một tác phẩm hay.

Bát Bất Trung Đạo của Ngài Long Thọ (Nagajuna) như bất sanh bất diệt; bất thường bất đoạn; bất khứ bất lai và bất nhất bất dị để đối chọi lại với 8 sự si mê của: Sinh diệt, thường đoạn, khứ lai và nhân dị. Vốn đã không một và chẳng khác - nghĩa là trong cái này có cái kia và trong cái kia hàm chứa cái này. Điều ấy nhất nguyên luận, nhị nguyên luận và Tam Đoạn Luận của Tây Phương khó bề mà sánh nổi với tư tưởng của Trung Đạo ấy. Nếu có, chỉ nằm ở phần hình nhi hạ học mà thôi; chứ không thể so sánh ở phần hình nhi thượng học và ở cõi vô sinh hay vô học được.

Phật Học vốn sáng ngời ở cõi trời Đông qua mấy ngàn năm lịch sử, dưới sự giác ngộ của Đức Phật, rồi đến các bậc Tổ Sư truyền thừa từ Ấn Độ như Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân rồi đến Trung Hoa như Huệ Viễn, Lâm Tế, Bách Tạng và Việt Nam như Vạn Hạnh, Khuông Việt, Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ v.v... đều là những bậc Tổ Sư đã một thời khơi ngọn đèn chánh pháp, giương cao tư tưởng của

Tánh Không để nhập thế; nhưng không bị đời biển ảo cải hóa; mà ngược lại đã chuyển hóa cuộc đời này từ khổ đau để đi đến an lạc, giải thoát, giác ngộ, giống như phẩm Thiên Nữ Hiến Hoa trong kinh Duy Ma Cát. Khi hoa rơi, hoa chỉ đọng lại nơi vai của Thanh Văn; còn Bồ Tát thì mặc cho hoa rơi; nhưng tâm của Bồ Tát thì không đắm nhiễm; nên hoa tự động phải lăn đi nơi khác.

Ở đây tinh thần Bát nhị, tinh thần Bát nhã, tinh thần Tánh không của hai truyền phái lớn trong Phật Giáo tự ngàn xưa đã được Sư Cô Thích Nữ Giới Hương giới thiệu qua nhiều chương sách khác nhau. Khi quý vị đi vào sâu nội dung của từng trang sách, sẽ rõ biết điều đó. Nay Sư Cô định cho tái bản, bản tiếng Việt tại Hoa Kỳ và mong tôi viết lời giới thiệu và tôi đã tùy hỷ. Vì lẽ trong suốt những năm mà Sư Cô học tại Ấn Độ cho đến năm 2003 để ra Tiến Sĩ Triết Học tại đó, tôi và Chùa Viên Giác tại Hannover Đức quốc đã bảo trợ cho Sư Cô là một trong hàng trăm vị đã học và đương cũng như sẽ ra trường. Do nhân duyên ấy mà tôi có cơ hội để viết lời giới thiệu cho Sư Cô về tác giả và tác phẩm này.

Giáo Dục vốn là vấn đề nhân bản của con người. Cây giáo dục phải trồng trong hàng 10 hay 20 năm mới có thể gặt hái được kết quả và đó là lối đầu tư của rất nhiều người; nếu muốn Phật Giáo và xã hội này phát triển một cách đồng bộ. Tôi vẫn thường hay nói: "*Sự học nó không làm cho con người giải thoát được; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia không thể thiếu sự tu và sự học được*". Đó chính là nguyên lý và cứu cánh. Nay tôi tuổi gần 60 nhưng vẫn còn ham học hỏi. Do vậy rất vui khi thấy quý Thầy, quý Cô tuổi trên dưới 40 vừa

mới ra trường, mang khả năng, sự học hỏi, sự tu luyện, trau dồi giới đức để đi vào Đời qua con mắt từ bi và trí tuệ trong tinh thần Tánh Không của Đạo Phật, thì mong rằng một mai đây hương hoa giải thoát sẽ lan tỏa khắp chốn trần gian này.

Tôi có đôi lời giới thiệu và mong rằng khi đi sâu vào phần nội dung, quý độc giả sẽ thấu hiểu nhiều hơn và mong rằng có được nhiều tâm hồn vị tha để cho Đời và cho Đạo được sáng ngời trên cõi thế của ngày nay và mai hậu.

Mong được như vậy.

*Viết xong vào một sáng mùa Xuân năm 2006
tại thư phòng chùa Viên Giác Đức Quốc.*

Thích Như Điển

(Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover)



Sen nữ - Lễ tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học,
tại Đại học Delhi, Ấn độ, 22/ 02/ 2003

Chương VII
TỊNH GIÁC

LẠC VÀO MỘT THẾ GIỚI

Thích Nữ Giới Hương

Sáng chủ nhật ngày 19, tháng 02 năm 2006, Phước Thừa (*Liên đoàn trưởng gia đình Phật tử Tịnh Giác, chùa Phước Hậu*) đưa cho tôi tài liệu tu học Gia đình Phật tử, tôi đọc say mê cho đến 3 giờ sáng, cảm thấy vô cùng thích thú trước các hình ảnh, màu sắc nội dung của các lớp học Phật pháp như Mở mắt, Cánh mềm, Chân cứng, Tung bay của bậc Oanh vũ; Hương thiện, Sơ thiện, Trung thiện, Chánh thiện của bậc Thiểu; và riêng từng bậc Kiên, Trì, Định và Lực.

Tôi như lạc vào một thế giới của những tâm hồn thật dễ thương và tươi sáng tựa như lạc vào cảnh giới thần tiên tuyệt đẹp đầy bông tuyết trắng của thành phố Milwaukee này vậy.

Tôi đã ở chùa 28 năm rồi. Tôi cũng đã có ít kinh nghiệm làm giáo thọ cho chúng ni hay giảng viên cho học viện, nhưng quả thật tôi chưa có cơ duyên tiếp xúc trực tiếp với các em Oanh Vũ, Thiểu, Kiên, Trì, Định và Lực như thế này...

Trong cuộc sống có những việc đi ra ngoài quỹ đạo sự sắp xếp của chúng ta. Tôi cũng không nghĩ rằng sau 10 năm tu học tại Ấn độ, tôi sẽ dừng chân tại nước Mỹ, đặc biệt làm trụ trì tại chùa Phước Hậu và

làm cố vấn giáo hạnh của đơn vị Tịnh Giác tại thành phố Milwaukee, tiểu bang Wisconsin này... Thôi thì đã có 'duyên nợ' với các em thì sẽ cứu mang hưởng dẫn tinh thần cho các em vậy.

Với tấm lòng 'Hiếu, Thương và San sẻ', hy vọng sư cô và các em sẽ tạo được một môi trường thanh khiết của hạnh giải thoát cho bản thân chúng ta và mọi người xung quanh. Cố gắng và nỗ lực như vậy.

Thương chúc tất cả các em luôn được an lạc trong chánh pháp.

Nắng mùa đông, 20 tháng 02 năm 2006

Thích Nữ Giới Hương



Các em kính hành niệm Phật

LỜI NÓI ĐẦU CHO TẬP SAN TỊNH GIÁC

Thích Nữ Giới Hương

Gia Đình Phật Tử Tịnh Giác thương,

Thấm thoát đã hai năm trôi qua, từ ngày sư cô về chùa Phước Hậu làm Cố Vấn Giáo Hạnh cho Gia Đình Phật Tử Tịnh Giác.

Hai năm làm việc với các con. Thời gian không dài và không ngắn, nhưng cũng đủ để cho chúng ta hôm nay ôn lại những chặng đường đã qua cũng như đưa ra những hướng sắp đến.

Thật là hạnh phúc biết bao! giữa xứ Hoa Kỳ với những nét văn hóa phương Tây hiện đại, thì chúng ta - những người con Việt, những người con Phật, cứ mỗi cuối tuần, được tụ họp quây quần lại với nhau bên mái ấm Phước Hậu nhỏ bé nhưng thật đầy tình đạo vị, quê hương và con người.

Sư cô thương các con biết bao nhiêu, khi thấy có những ngày bên ngoài dù trời thật nắng rực, hay mưa gió bão bùng, hay tuyết phủ trắng kín khắp vùng, thì các con thuộc các lớp Oanh Vũ (tuổi từ 7-13): Mở mắt, Cánh mềm, Chân cứng, Tung bay; lớp Thiếu (13-17 tuổi): Hưởng thiện, Sơ thiện, Trung thiện, Chánh thiện; và lớp Kiên, Trì, Định và Lực (18 tuổi trở lên)... cũng vân tập tại chánh điện để nghe sư cô giảng. Có khi các con ướt lẹp nhẹp vì áo mưa che không kín, có khi chúng con lại cuốn chặt mình vào mấy lớp áo ấm dày vì trời bên ngoài giá rét căm căm và run lập cập...

Trời mưa, trời tuyết mặc mưa tuyết; sư cô và các con đã trải qua nhiều giờ thật lợi ích bên nhau để trao đổi, học hỏi, san sẻ sự hiểu biết về Phật pháp trong tinh thần lạc hòa. Chúng ta đã học được nhiều kinh nghiệm chuyển hoá từ các bài Phật pháp căn bản; học những mẫu đời sống thanh cao, đơn giản, trong sáng và đức hạnh từ các chuyện Tiền thân của Đức Phật, các thánh đệ tử, hay vĩ nhân đời xưa và đời nay. Chúng ta cũng có những buổi học sinh ngữ như Hoa Văn và Nhật văn với nhau thật linh hoạt, cởi mở và đầy sinh động. Chúng ta có những buổi thi thố tài năng giọng ca ‘Oanh vàng Phước Hậu’ ‘cây nhà lá vườn’, đồ vui Phật Pháp, tìm tài năng trẻ... ở các buổi cắm trại (tại Wisconsin, Oklahoma, Illinois...), những buổi văn nghệ vào dịp mừng đại Lễ Vu Lan, Phật Đản, Trung Thu, Giao Thừa, Tết Cộng Đồng người Việt tại Wisconsin... Chúng ta cũng có những buổi san sẻ hiểu biết đầy thú vị về Tôn giáo với các hội Liên Tôn (Interfaith Youth Cafe) và Trung tâm Thiên Milwaukee (Milwaukee Zen Center)... Đây là những hoa trái tinh thần đạo vị đã tưới tắm giới thân định huệ của chúng ta.

Hôm nay các con làm Tập San đánh dấu Kỷ Niệm 10 năm Thành Lập Tịnh Giác. Sư cô, các bác trong Ban Hộ Trì Tam bảo và quý Phật tử chùa Phước Hậu CHÚC MỪNG SINH NHẬT TỊNH GIÁC ĐƯỢC TRÒN 10 TUỔI CHẼN.

Sư cô chúc các con cố gắng duy trì những gì chúng ta đã làm được, và phát huy những gì tốt đẹp mà chúng ta chưa làm được bởi “*Tuổi trẻ hôm nay là người chủ của tương lai*”. Cố gắng thực tập và thấp sáng ngọn đèn Phật pháp “*tục diệm truyền đăng*” qua thân khẩu ý của chính từng thành viên Gia Đình Phật tử Tịnh Giác.

Chúc các con luôn luôn đồng mãnh và tinh tấn như vậy để luôn luôn xứng đáng là Gia Đình Phật tử Tịnh Giác, xứng đáng với lòng tin yêu của sư cô, các bác trong Ban Hộ Trì Tam bảo và quý Phật tử chùa Phước Hậu.

Xin Mời Phương chư Phật gia hộ cho tất cả các con luôn bình an và vững chải đôi chân trên bước đường sắp tới.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát

Lập Đông tại Milwaukee, 26/11/2007

Sư cô Thích Nữ Giới Hương



CHÙA LÀ TỔ ẤM

Vu lan đến chạnh lòng người viễn xứ
Sống lạc loài nơi xứ lạ trời xa
Mái chùa xưa là hình bóng quê nhà
Đã ấp ủ trong tôi niềm hoài vọng.

Trong cuộc sống biết bao điều bận rộn
Nơi xứ người phải vật lộn với thời gian
Nhưng lòng tôi mãi lo lắng vô vàn
Lo mai sau con mình quên nguồn cội.

Phải làm sao con thơ không lạc lối
Giữa xứ người hai ngôn ngữ bất đồng
Rồi sẽ quên đi nguồn gốc tổ tông
Sẽ không biết mình là người con Việt.

Tôi cố gắng lo chu toàn mọi việc
Dành thời gian đưa con trẻ đến chùa
Cho trẻ thơ được học tập vui đùa
Cùng sinh hoạt với gia đình Phật tử.

Học Phật pháp nhờ Sư Cô giáo huấn
Học Việt văn nhờ anh chị chỉ bày
Nhìn trẻ thơ vui học tập hăng say
Tôi sung sướng lòng tràn đầy hy vọng.

Lòng lâng lâng dạt dào niềm xúc cảm
Chùa là đây! là tổ ấm ta về
Ươm mầm non cho thế hệ tương lai
Lưu giữ mãi giống con Hồng cháu Lạc.

Minh Hiếu



Mái chùa Phước Hậu

Chương VIII

MƯA PHÁP

CÂY BỒ ĐỀ TẠI CHÙA VIỆT NAM
LOS ANGELES

Cây bồ đề (菩提壽, Bodhi tree), tiếng Sanskrit là bodhivrkṣa, tiếng Pali là bodhirukkha. Chúng loại của nó khác nhau tùy theo bảy vị Phật trong thời quá khứ, tuy nhiên cây bồ đề mà đức Thế Tôn giác ngộ được gọi là Tất Bát La Thọ (S: Pippala, P: Pippala, 畢鉢羅壽), hay còn gọi là Bát Đa Thọ (S: asvattha, P: assattha, 鉢多壽). Theo định nghĩa thực vật học, cây bồ đề là ficus religiosa, biểu tượng cho trí tuệ và sự giác ngộ của Đức Phật, nên gọi là “cây giác ngộ”, hoặc thường được gọi là “cây bồ đề.”⁴

Theo các nhà khảo cổ học cây này được coi là thiêng liêng ngay từ buổi bình minh lịch sử của nền văn minh Indus. Trong bộ Rig Veda, bộ kinh tôn giáo cổ nhất của dân tộc Aryans ở Ấn Độ đã cho biết rằng cây bồ đề này được kính trọng như vật thiêng liêng ngay từ thời đó.⁵ Tại Bồ Đề Đạo Tràng cây này được xem như biểu tượng của chính sự hiện diện của Đức Phật và sự chứng ngộ Phật quả. Có một sự kiện lịch sử về cây bồ đề đã xảy ra ngay khi Đức Phật đạt giác ngộ.

⁴ Komazawa- daigaku (駒澤大學): Thiên Học Đại Từ Điển (禪學大辭典, Zengakudaijiten). Daishukan- shoten (大修館書店), 1985, tr. 1152.

⁵ Gnamarama P. Ven: Aspects of Early Buddhist Sociologist Thought, p. 163.

Đức Phật đã trải qua trọn một tuần lễ bảy ngày nhìn vào cây bồ đề với ánh mắt biết ơn cây đã che chở cho Ngài những đêm mưa gió bão bùng, những ngày nắng đốt như lửa trong suốt thời gian qua cho đến khi Ngài đạt giác ngộ. Tất cả những sự kết hợp này đã tạo nên những tín ngưỡng đặc biệt cho cây bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng- cây giác ngộ.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn (P: Mahāparinibbāna, 大鉢涅槃經) thuộc Trường Bộ Kinh.⁶ Đức Phật tuyên bố với ngài Anan rằng Bồ Đề Đạo Tràng (S: Buddha- gaya, 菩提道場) nơi có cây bồ đề là một trong bốn thánh địa mà người con Phật với lòng kính tin nên đến để chiêm ngưỡng lễ lạy và ngài thêm rằng “Người nào thác sanh với long tín thành khi đi chiêm bái sẽ được tái sanh vào cõi an vui.”⁷

Sau khi Phật nhập diệt, Hoàng Đế A Dục (S: Asoka, P: Asoka, 阿育王) đã hết lòng bày tỏ tâm cung kính của mình và lòng tôn trọng bảo vệ cây bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng. Vị Hoàng đế Phật tử này đã sai con gái mình là công chúa mà sau này trở thành Tỳ Kheo Ni Samghamitrā (S: Sanghamitra) chiết một nhánh phía nam của cây bồ đề mang qua Tích Lan trồng tại thành phố cổ Anurādhapura suốt trong thời vua Devānampiyatissa trị vì. Nhánh cây bồ đề này vẫn còn xanh tốt cho đến ngày nay, trong khi cây bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng đã bị huỷ nhiều lần bởi nhiều thời đại sau đó. Vì vậy, cây bồ đề được tuyên bố trong

⁶ *Dīgha Nikāya, vol. II, Pali Text Society, 1886, p. 141.*

⁷ *Mahāthera Narada: The Buddha and His Teaching. Colombo, 1973, p. 257-8.*

lich sử cây cổ nhất trên thế giới là cây được trồng tại thành phố Anuràdhapura này.⁸

Theo biên niên sử của Tích Lan, *Dīpavamsa* (島王統史, Đảo Vương Thống Sử, thuộc thế kỷ IV), *Mahāvamsa* (大史, Đại Sử, thuộc thế kỷ V) và *Samanta-Pāsādikā* (善見論, Thiện Kiến Luận, thế kỷ V) được viết bằng hai ngôn ngữ Pāli và Tích Lan cho biết rằng trong lúc vua *Dēvanāmpiyatissa* trị vì vào thế kỷ III trước Tây Lịch, thì con trai của Đại Đế A Dục là Tỳ Kheo Mahinda đã đi truyền đạo tại Tích Lan và đã cảm hoá được vua chúa cũng như những người dân ở hòn đảo bình yên này. Và ngài đã thành lập Tăng già Phật Giáo đầu tiên tại đây.

Trong thời gian ngài Mahinda ở Tích Lan, ngài đã khuyên vua *Dēvanāmpiyatissa* kiến nghị vua A Dục biểu một nhánh cây bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng để trồng ở thủ đô Anuràdhapura, Tích Lan.

Con gái của vua A Dục là Tỳ Kheo Ni Samghamitra đã qua thăm Tích Lan với mục đích thành lập Ni đoàn Phật Giáo cho giới nữ tu và đã mang nhánh bồ đề này qua Tích Lan. Sau này người dân Tích Lan đã gọi cây bồ đề tại Tích Lan này là “Sri-Maha-Bodhi”, nghĩa là cây bồ đề thiêng.

Nói về dữ kiện của cây bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng và tại Tích Lan, báo *The Maha Bodhi*, Buddha Gaya, tháng 07, 1903 nói rằng:

“Cây bồ đề mà Đức Phật Bhagawan ngồi thiền trước kia bay giờ không còn nữa. Cây đã bị huỷ diệt năm 1874 (PL. 2418). Một nhánh cây bồ đề này đã

⁸ U.D. Jayasekara: *Symbol and Ritual in Religion with Special Reference to Buddhism in Srilanka. The Maha Bodhi Journal, Calcuta, 9/1992, p. 54.*

được Tỳ kheo ni Samghamitrà, con gái vua A Dục mang đến trồng tại thủ đô Anuràdhapura, Tích Lan. Khi cây gốc bị huỷ diệt năm 1874, một nhánh cây con mới mọc lên và đó là cây bồ đề sum suê tại Bồ Đề Đạo Tràng hiện nay. Cây mọc rất tươi tốt và rậm đầy lá xanh”.

Năm 1981, cố Hoà Thượng Tiến Sĩ Ratanasara, người Tích Lan là vị đã tiếp nối chí nguyện của cố Hoà Thượng Thiên Ân làm Viện trưởng Viện Đại Học Phật Học, Los Angeles đã mang một cây bồ đề con của cây bồ đề cổ nhất trên thế giới này đích thân đến tặng cho Hoà Thượng Mãn Giác, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, Viện chủ Chùa Việt Nam, Los Angeles. Hoà Thượng trân trọng đem trồng trong chậu, nhưng vài năm sau trông thấy cây vẫn ốm yếu nên ngài lại mang trồng phía bên phải cổng tam quan của chùa.

Hiện nay cây bồ đề thật tươi tốt và đầy lá xanh mơn mơn suốt bốn mùa toả sức sống thiêng liêng. Cũng theo dòng giao lưu văn hoá giữa Đông và Tây, Phật Giáo đã truyền đạt đến phương Tây và phát triển hữu hiệu tại đây. Phật giáo có thể hoà đồng mà không bị giới hạn như nhà sử học văn minh Arnold Toynbee đã nói rằng: “Sự kiện có ý nghĩa nhất của thế kỷ 20 này là sự gặp gỡ giữa đạo Phật và phương Tây”.

Sự hiện diện cây bồ đề lịch sử tại chùa Việt Nam, Los Angeles chính là biểu tượng cho Phật Giáo đã bén rễ và phát triển tại Hoa Kỳ.

Los Angeles, 26- 09- 2005

TKN Giới Hương
(ghi lại theo lời Ôn kể)

Thơ Thiền

Thích Nữ Giới Hương

Thơ Thiền của Tổ Bồ-đề-đạt-ma
T.N. Giới Hương chuyển ngữ

A Zen poem by Bodhi Dharma. English translation and reading by
Ven. Gioi Huong
Phuoc Hau Buddhist Temple

HỒ THIỀN

Canh Năm Bát nhã chiếu vô biên
Chẳng khởi một niệm khắp tam thiên
Muốn thấy chân như tánh bình đẳng
Đè đặt sanh tâm trước mắt liền
Lý diệu ảo huyền không lường được
Dụng công đuổi bắt càng nhọc lòng
Nếu không một niệm mới thật tìm
Còn có tâm tìm còn chẳng biết

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(Đại chúng đáp lại 3 lần)

Canh một (Ngày nay) nghiêm trang
ngồi tĩnh tu
Tĩnh thần tịch chiếu đồng thái hư
Muôn kiếp đến nay chẳng sanh diệt
Đâu cần sanh diệt diệt gì ư

MEDITATION

EXULTATION

Early dawn Prajna lights reach the
boundless places
No thought can penetrate the three
realms If you seek the equality of
Buddhata nature.
Beware of the arising thoughts.
The wondrous Dharma cannot be
fathomed.
Don't waste your time chasing the
meaning.
The more you seek, the more you
can't see.
For no thought is the true seeking.
Namo Sakyamuni Buddha.
Namo Sakyamuni Buddha
(audience reply) – 3 times
Today we sit in silence meditation
Empty mind is illuminating the
universe
For eons of time no creation, no

Gẫm xem các pháp đều như huyền
Bản tánh tự không đâu dụng trừ
Nếu biết tâm tánh không tướng mạo
Lặng yên chẳng động tự như như.

decease.
Therefore there is no need to cease
Contemplating all phenomena are
illusion.
The Empty Nature needs no
application Knowing there is no
form to the true Nature.

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni
Phật.
Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni
Phật.

JUST BE in silence and stillness
like Buddhata

(Đại chúng đáp lại 3 lần)

Namo Sakyamuni Buddha.
Namo Sakyamuni Buddha
(audience reply) – 3 times



Nhập lưu vong sở

THƠ SINH NHẬT CỦA ÔN

Thích Nữ Giới Hương

Nói đến thời gian là nói đến một thời khắc ngắn hoặc dài, như quả đất tự quay một vòng là một ngày, mặt trời quay quanh quả đất một vòng là một tháng, quả đất quay quanh mặt trời là một năm. Rồi đơn vị này lại chia thành giờ, phút, giây... Trong kinh Phật thường dạy đơn vị thời gian ngắn nhất là sát na, chỉ lâu bằng cái chớp mắt. Trên đơn vị năm thì có thập niên (10 năm) cũng gọi là thập kỷ, thế kỷ (100 năm), thiên niên kỷ (1000 năm) và lại có những thời gian dài hơn là tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp và a tăng kỳ kiếp.

Thời gian vô hạn, không gian vô cùng. Thời gian không quay trở lại, mỗi giây phút trôi qua là trở thành quá khứ.

Đối với các Thiên khách sự vật theo thời gian sanh diệt đổi thay tuần hoàn liên tục không ngừng, khiến cho tất cả tàn phai hoại diệt. Nhưng trong cái hoại diệt đó có một cái bất diệt, thời gian không huỷ hoại được. Đó là triết lý tự tại chân thường. Thế nên trong bài thơ “Thất thập thất tuế sinh nhật kỷ niệm nhật”, Ôn- Đại Lão Hoà Thượng Thích Mãn Giác đã viết:

Thất thất trùng lai tuế tuế xuân (七七重來歲歲春)

Mãn thiên phong khiết tùng mai tân (滿天風潔松梅新)

Giác địa khôn càn bách niên đáo (覺地坤乾百年到)

Thi vị Huyền Không nhập Lý Trần (詩味玄空入李陳).

(Ất dậu niên trọng Thu,

Thất thập thất tuế sinh nhật kỷ niệm nhật,

Lão sư Thích Mãn Giác)

Dịch thơ:

Bảy mươi bảy tuổi vẫn còn xuân

Có gió tùng mai thổi lại gần.

Thiền viện trăm năm y nguyên đó

Thi vị Huyền Không giống Lý Trần.

Câu đầu “Thất thất trùng lai tuế tuế xuân”, nghĩa là bảy mươi bảy tuổi vẫn còn xuân. Bảy mươi bảy tuổi là tuổi “thất thập cổ lai hy”, thân thể già yếu tinh thần mệt mỏi, nhìn về con đường trước mặt và cảm thấy đời sống ngắn ngủi biết bao! Xuân là mùa vạn vật sinh sôi nảy nở, là mới bắt đầu của sự hưng vượng và chưa dừng lại kết thúc quy trình. Thế nhưng đối với Ôn, tuổi bảy mươi bảy vẫn là tuổi xuân xanh nhất trong đời, tuổi hiến trọn vẹn xuân thì cho bao điều mơ ước.

Xuân sinh, Hạ trưởng, Đông tàn như hiện hữu nhưng có chức năng biểu tượng diễn đạt một triết lý huyền diệu về tuệ giác “chân thường”, thế nên Ôn “vẫn còn xuân” an nhiên tự tại:

Mãn thiên phong khiết tùng mai tân (滿天風潔松梅新)

Giác địa khôn càn bách niên đáo (覺地坤乾百年到).

Nghĩa là:

Có gió tùng mai thổi lại gần,

Thiền viện trăm năm y nguyên đó.

Sắc thân tứ đại bị chi phối bởi luật vô thường nhưng không làm tinh thần Ôn mệt mỏi bị xoay vần chi phối mà nhận ra sự bất sanh bất tử nơi mình vẫn có gió, vẫn có tùng xanh và mai vàng nở. Thiền viện bản tâm, bản lai diện mục trăm năm vẫn còn nguyên đó như gợn một bản thể tự nhiên tự tại, thư thái vô biên. Trong cái hữu hạn của thế giới hiện tượng xuân, hoa, mai, tùng... thể hiện triết lý tự tại, đạt được niềm vui vĩnh hằng.

Thi vị Huyền Không nhập Lý Trần (詩味玄空入李陳)

Nghĩa là:

Thi vị Huyền Không giống Lý Trần.

Thời Lý Trần, một thời vàng son trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam, có nhiều Thiền sư đã chứng ngộ an lạc và ứng dụng thành công đạo Phật vào cuộc sống (Cư trần lạc đạo- ở đời mà vui đạo). Văn học thời Lý Trần đã cống hiến cho Phật Giáo những cảm thụ mới mẻ về những vấn đề muôn đời của con người như thời gian và sự sống. Cũng thế, thi vị thơ của Ôn đã thể hiện được cảm quan triết học, thế sự, tinh thần lạc quan và tấm lòng vị tha, tinh tế... giống thơ văn thời Lý Trần.

Kính dâng Ôn

Kỷ niệm Sinh Nhật thứ bảy mươi bảy, 2005

Con kính lễ

TKN Giới Hương



Dưới chân Ôn

HÃY QUÝ GIÂY PHÚT CHÚNG TA ĐANG SỐNG

Thích Nữ Giới Hương

Tối nay tôi cùng Minh Bình, bác Diệu Phụng, Diệu Phương, Diệu Thuận và Đức Trang Nghiêm đến tụng kinh Dược Sư cho Viên Bảo Mỹ.

Đoàn đi lúc 6:50g tối và trở về chùa Phước Hậu là gần 10g đêm. Cảm ơn Minh Bình đã phát tâm đưa rước thay cho Thức. Vì Minh Bình nói nếu Minh Bình đi thì chỉ có 2 vòng trong khi nếu để Thức (cha của Viên Bảo Mỹ) đến rước thì sẽ mất bốn vòng (đến, rước trước khi tụng kinh và chờ đoàn về rồi lại quay về nhà) và vả lại cả đêm Thức đã thức đêm chăm sóc cho Viên Bảo Mỹ đang lên cơn đau rồi.

Được biết ước nguyện của Viên Bảo Mỹ là cho em được sống qua ngày Lễ Giáng Sinh 25/12 và qua cả ngày Sinh Nhật của em là ngày 5/1 thì em sẽ vui lòng nhắm mắt ra đi...

Viên Bảo Mỹ chỉ có 20 tuổi. Một cô sinh viên năm thứ Hai của ngành Xã Hội học xinh xắn, thông minh và hứa hẹn một tương lai tràn trề sức sống. Thế nhưng cơn bệnh ung thư gan ở giai đoạn chót sẽ khiến em phải ra đi trong vài ngày sắp tới như lời các Bác sĩ tiên đoán. Em còn quá nhỏ, nên em chỉ ước mơ được hưởng hạnh phúc, vui vẻ trong những niềm vui nho nhỏ mà không biết cái gì sẽ xảy ra. Không biết SANH TỬ SỰ ĐẠI.

Tôi dán hình Tam Thánh thân sắc vàng (lớn gần 1,50 mét chiều dài) phía bên phải trong phòng em. Tôi dạy em hướng về ngài chấp tay xá ngài, vì em chỉ nằm, không thể ngồi dậy được. Tôi dặn rằng cố nhớ thân tướng từ bi trang nghiêm của các ngài thì các ngài sẽ hỗ trợ và gia hộ cho em. Em sẽ cảm thấy tự tin và không feel lonely. Cố quán tưởng hình các ngài mỗi khi nhắm mắt nha. Em mỉm cười gật đầu.

Tôi hỏi:

- “Con pháp danh là gì? What is your Buddhist name? Hôm qua sư cô vừa làm lễ Quy y cho con đó?”

- “Dạ, Viên... Bảo... Mỹ...”

- “Giỏi quá!”

Như vậy em đã tự nói được pháp danh của mình. Tôi cũng dạy em về pháp hiệu của Đức Phật A Di Đà là vị Phật đứng chính giữa, là vị Phật mà em niệm sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” đó. Tôi chưa dám nói đến tên của hai vị bồ tát Quán Âm và Thế Chí đứng hai bên, vì sợ em nhớ không nổi. Thôi, cũng được, vì trong lời nguyện thứ 19 của Đức Phật A Di Đà rằng nếu ai nhớ niệm danh hiệu ngài 10 câu cho miên mật thôi thì ngài sẽ đến rước. Tôi chỉ mong em vượt qua cơn đau mà nhớ đến niệm đến ngài 10 lần thôi cũng quý lắm rồi.

Làm sao chúng ta cầu nguyện để em sống thêm một tí thời gian nữa như em muốn? Chỉ biết mỗi người, mỗi tâm tạo một nguồn lực nhiệm màu xoa dịu vết đau cho em. Còn định nghiệp ngày nào em đi hay như thế nào thì chúng ta là bậc phàm tình chỉ lắc đầu, bó tay đành chịu.

Từ việc này, trên đường về, tôi có san sẻ với Minh Bình và những vị trên xe rằng tất cả chúng ta đang bị lưới vô minh bao phủ rất dày. Chúng ta không biết quý từng giây, từng phút chúng ta đang sống, sống cho mình và cho người, sống tha thứ lỗi lầm cho nhau mà trái lại chúng ta tranh hơn tranh thua, bực bội, phiền não hoặc dong duổi phí phạm qua ngày qua tháng...

Xin hãy nhắm mắt và giữ một phút chánh niệm! Hãy quý trọng mỗi giây phút chúng ta đang thở. Hãy nhìn Viên Bảo Mỹ và cố gắng tự tỉnh lấy mình. Hãy thấy mình thật là người may mắn được sống và đang được thở...

Tại sao chúng ta phải đợi đến ngày Giáng sinh và Sinh nhật của em rồi mới tặng quà cho em, mới đem niềm vui cho em, khi chúng ta đang sống trong vòng HOẶC-NGHIỆP-KHỔ, trong vòng Nghiệp lực chi phối và không làm chủ được vận mệnh của chính mình và của em?

Ngày mai tôi sẽ mua quà Giáng Sinh và Sinh Nhật để tặng Viên Bảo Mỹ. Đừng đợi đến ngày 25/12 hay 5/1 mới là ngày vui, mới là hạnh phúc. Hãy vui trong hiện tại và mừng giáng sinh cùng sinh nhật trong hiện tại, đừng phí phạm thời gian và sức khỏe để trông mong ngóng đợi. HẠNH PHÚC KHÔNG NẪM Ở TƯƠNG LAI MÀ Ở NGAY TRONG HIỆN TẠI. Làm sao tôi chuyển tải tư tưởng này đến Viên Bảo Mỹ? và chính bản thân từng chúng ta đã nhận được nghĩa này chưa? Hạnh phúc và niềm vui không nằm ở một cái gì sau đó hoặc sau khi? Sau khi ra trường, sau khi lãnh lương, sau khi có thể xanh, sau khi thi xong, sau khi giải bày xong, sau khi lái xe về đến chùa, sau khi qua hết đoạn kẹt xe, sau khi ăn xong, sau khi ngủ xong, sau khi hết bệnh... Không!

Hạnh phúc là chúng ta đang thở, đang nhìn và đang mỉm cười với những gì đang cùng ở xung quanh chúng ta trong giây phút này.

Milwaukee, 11:30 khuya ngày 13/12/07

Thích Nữ Giới Hương

PS:

-Ngày 14/12/07: Tôi đã mua một hộp chocolate và một tấm card thật đẹp và ghi như sau:

A heart that is happy, a spirit that's free.

Wishing you A happy Christmas Day (25/12/07)

And A wonderful Birthday (5/1/08)

And Joy all your through.

Prayers that are answered and dreamed that come true.

Sư cô Giới Hương

và Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Phước Hậu

Lần đầu tiên tôi tặng quà sinh nhật cho một người mà vị đó không mỉm cười hoặc nói Thank you, trái lại rơm rớm nước mắt mếu máo muốn khóc.

-Ngày 25/12-2007 lúc 1giờ trưa, em Viên Bảo Mỹ đã về cõi Phật với miệng không ngớt niệm 'Phật... Phật... Phật'.

Cầu nguyện cho em được bình yên nơi cõi tịnh, nơi đó không có sanh già bệnh chết chi phối, chỉ có sự thanh tịnh thuần khiết.

Thơ Tiễn Ôn

Cổ Đại lão HT. Thượng Mãn hạ Giác
vào ngày Nhập Kim Quan

Đàm hoa lạc tận
Khứ lai vô tích.

Ôn về một cõi sắc không,
Tùng lưu nhập hải thông dong gót hải.

Sắc không, không sắc mãi xoay vần
Ân Ôn nghĩa nặng vẫn trên vai
Ngàn năm bia đá còn in dấu
Đạo hạnh từ hòa bước chân Ôn.

Hạc trắng bay rồi
Mây trời đổ lệ.

Chùa Việt Nam L.A., ngày 13/10/2006

Thích Nữ Giới Hương



Về đội tang Ôn

Chết Là Một Món Quà, Là Một Đạo Sư...

*(Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ từ
“Death: A Gift, A Teacher...” , Karma Lekshe Tsomo)*

Chết là cái chắc chắn sẽ đến với mỗi chúng ta, nhưng khi nó đến vẫn mang cho chúng ta một nỗi bàng hoàng, một sự đau buồn to lớn... nhưng dù thế nào đi nữa nó cũng là một sự cảnh tỉnh chúng ta rằng mạng sống con người thật ngắn ngủi, không thể đoán trước được và thật mỏng manh. Không ai trên cõi đời này mà không có một ngày phải chết, vì vậy khi sống hãy làm lợi ích cho người khác và hãy tạo sự thanh bình cho thế giới xung quanh. Chết là tiếng gọi chung từ tử thần, là một định nghiệp chung và là mẫu số chung cho tất cả chúng ta.

Nó nhắc chúng ta về bản chất phù du của mạng sống ngắn ngủi, nó bắt chúng ta phải suy nghĩ lại về con người chúng ta và nó cũng khuyên chúng ta rằng hãy sống có ý nghĩa hơn, đừng lãng phí thời gian theo những theo đuổi tầm thường, theo những hành động vô tích sự, những lời nói sáo rỗng, những bảo thủ ngu dốt, những sở hữu vật chất tầm thường... vì những cái này kết cuộc chỉ gây đau khổ cho chúng ta. Như chúng ta mất đi một người thân, thì đây chính là thảm kịch cho chính mình. Tuy nhiên sự mất mát đó cũng là một Đạo Sư vì đã dạy chúng ta rằng hãy sống thương yêu nhau hơn, tận tụy với nhau hơn và đừng mong cầu gì cho tự ngã cả. Sự

mất đi một người thân nhắc cho chúng ta hãy tốt bụng, hãy rộng lượng, từ bi và hãy yêu thương, không những đối với người thân mình vì điều này rất dễ, mà hãy còn đối với những người đau khổ, sân hận, bủn xỉn... xung quanh, vì họ là những người đang rất cần những tâm hạnh cao thượng của chúng ta.

Mất đi một người bạn đang tu tập cũng là một sự đau khổ lớn. Đặc biệt khi sự mất mát này đến một cách bất ngờ và đầy thương tâm...Nhưng đó cũng là một lời dạy đầy giá trị đối với chúng ta.

Vì cái chết đã cho chúng ta biết rằng khi linh hồn chúng ta đi ra khỏi thế giới này thì những sở hữu, những thành tựu, những danh tốt tiếng thơm đều trở thành vô dụng; chỉ có bản chất đạo đức con người mới còn tồn tại, chỉ có tính chính trực, lòng tốt, kiên nhẫn, trí tuệ và hy sinh hết lòng phục vụ người khác là còn mãi. Hãy tu tập những phẩm tánh cao thượng này, thì cái chết đến sẽ là một sự ra đi nhẹ nhàng, là một sự hoàn thành lớn, và không có gì để sợ hãi. Ở Tây Tạng, khi nhiệt độ xuống thấp, băng tuyết trắng xóa bao phủ, lạnh như cắt da, người dân Tây Tạng hiểu rằng mạng sống của họ thật mỏng manh và liên tục bị hăm dọa dưới cái giận dữ của thiên nhiên...Và rồi từ nhiều thế kỷ họ đã bắt đầu tu tập thiền định trên cái chết. Tính tất nhiên của cái chết là đề tài trung tâm cho những buổi thiền quán đều đặn ở mỗi buổi sáng và chiều trong đời sống hàng ngày của họ. Tây Tạng có một câu châm ngôn: Nếu bạn không quán cái chết trong buổi sáng thì bạn sẽ bỏ phí ngày đó. Nếu bạn không quán cái chết trong buổi chiều thì bạn sẽ bỏ phí đêm đó”.

(If you do not meditate on death or impermanence in the morning, you will waste the day. If you do not meditate on death or impermanence in the evening, you will waste the night”.

Thông thường theo văn hóa phương Tây, người ta như thế nào đó ít dám nhìn vào thực tế của cái chết. Khi những con thú trở nên già, họ không giết chúng mà họ nói: “Hãy để cho chúng nó ngủ”. Khi tôi làm việc ở viện dưỡng lão ở Kuakini, nếu có người chết, thì họ nói người đó đã “mãn hạn”, giống như mãn hạn bằng lái xe của một tài xế già, về hưu. Và khi ‘mãn hạn’ như thế, chúng tôi cũng không kịp gọi lời chào vĩnh biệt người chết, tức khắc tử thi được mang đến nhà xác để tránh xa cái nhìn và sự giao tiếp thế giới bên ngoài. Trong cách này, chúng tôi cũng khỏi phải tiếp cận với cái thấy về sự chết. Thái độ của chúng tôi trở nên sợ và phủ nhận: “Tôi là ai? Không có lý do gì để tôi phải suy nghĩ về cái chết. Tôi vẫn còn sống. Chết là một đề tài bi quan.”

Chúng ta có thể thấy cái chết như là một sự hăm dọa mạng sống và cố để tránh nó dù rằng từ tâm khảm mình biết chắc chắn rằng chính mình sẽ đối diện với tử thần đó vào một ngày không xa.

Đức Phật đã từ bi phơi bày sự thật của cái chết cho các đệ tử mình. Trong khổ đế thứ nhất của bốn khổ đế, ngài đã dạy con người tất nhiên phải trải qua những đau khổ của sanh, già, bệnh, chết... Con người phải nên đối mặt với những vấn đề này một cách thật tinh và hãy nỗ lực tìm ra giải pháp thoát khổ cho chính bản thân mình. Quán sát về cái chết không phải để làm phiền muộn chúng ta, mà để giúp chúng ta nhớ rằng chết là một cái không thể tránh được và khuyến khích chúng ta sống có

ý nghĩa hơn và trọn vẹn hơn. Nếu chúng ta không quán cái chết và tính tất nhiên của nó, chúng ta sẽ không có sự chuẩn bị, chúng ta sẽ trở nên mất chánh niệm khi cái chết đến, nhất là đến với người thân trong gia đình, bạn bè hay chính bản thân chúng ta. Vì vậy, hãy chuẩn bị hành trang tâm lý cho một cái chết thanh bình. Nếu chúng ta để đời sống của chúng ta chạy theo vật chất thì chúng ta sẽ chết trong lo âu và tiếc nuối. Ngược lại nếu chúng ta sống hết lòng phục vụ mọi người với tấm lòng từ bi thì chúng ta có thể chết với tâm an ổn, hạnh phúc. Tóm lại, phương pháp tốt nhất chuẩn bị cho sự chết là hãy sống một đời sống tận tụy phục vụ con người với trọn vẹn lòng thương yêu của mình, dù rằng liệu chúng ta có tin là có đời sau hay không?



Phước Hậu kính dâng Ông

Đừng Đợi

Đừng để nhìn thấy một nụ cười rồi mới mỉm cười lại.
 Đừng để đến khi được yêu thương rồi mới yêu thương lại.
 Đừng đợi đến khi cô đơn rồi mới nhận thấy giá trị của tình nhân ái.
 Đừng đợi có một công việc thật vừa ý rồi mới bắt đầu làm việc.
 Đừng đợi đến khi có thật nhiều rồi mới xẻ chia đôi chút.
 Đừng đợi đến khi vấp ngã rồi mới nhận thấy những lời khuyên.
 Đừng đợi đến khi có nhiều thời gian rồi mới rèn luyện bản thân.
 Đừng đợi đến khi làm người khác buồn lòng rồi mới nói lời xin lỗi.
 ĐỪNG ĐỢI VÌ BẠN KHÔNG THỂ BIẾT MÌNH SẼ PHẢI ĐỢI ĐẾN BAO GIỜ.

Vô danh

Don't Wait - Diệu Mai

Don't wait to receive a smile then smile back
 Don't wait to be loved to love back
 Don't wait until feeling lonely to see the value of human kindness
 Don't wait for a perfect project to start working
 Don't wait to have abundance to share a little

Don't wait until falling to realize the value of the advices
 Don't wait to have plenty of time to start self-improvement
 Don't wait until making mistakes then apologize
 Don't wait...because you don't know how long to wait.

(Translated in English by **Diệu Mai**)



Chớ đợi hóa người thiên cổ

PHÉP MÀU CỦA PHÁP THOẠI (THE WONDERFUL SOUND OF DHARMA)

Thích Nữ Giới Hương

Với lòng từ bi vô lượng, Đức Phật đã dạy giáo pháp cho chúng ta. Pháp thoại đó được kết tập thành tạng tạng kinh điển Pali và Đại thừa.

Đức Phật đã dạy cho chúng ta những gì? Với trí tuệ thâm sâu vi tế, ngài đã để lại những phương pháp giáo dục (84.000 pháp thoại, hay kinh Pháp hoa gọi là ngũ thừa, tam thừa, nhị thừa và nhất thừa) rất thiện xảo, khéo lý và khéo cơ (84.000 căn cơ khác nhau của con người) và chính bản thân ngài là một nhà giáo dục hoàn thiện và gương mẫu (Thiên như chi đạo sư - Thầy dạy của trời người).

Đã 26 thế kỷ trôi qua, tính chất pháp thoại ấy ngày càng được nhiều người, nhiều dân tộc và nhiều nước trên thế giới biết đến như là một nền văn hoá và văn minh chung của nhân loại.

Đạo Phật sanh ra trong bối cảnh Ấn độ tràn lan với nhiều tà kiến ngoại đạo (trong Trường bộ kinh nói là có 62 hoặc có nơi nói 90 giáo hay đa giáo). Trong khi các bậc đạo sư tôn giáo khác đã sử dụng đến những phép thần thông để chinh phục người thì Đức Phật chỉ ủng hộ và thực hiện một loại thần thông, đó là phép màu của pháp thoại (the wonderful sound of Dharma).

Khi tiếp xúc mọi tầng lớp xã hội (*walks of life*) thì Đức Phật dùng ngôn ngữ và hình ảnh thích ứng với trình độ của từng đối tượng đó. Đối tượng thính chúng có thể là thượng vàng hạ cám, như giới vua chúa, quan quyền, sát-đế-lợi, bà-la-môn, thương buôn, nông dân, người thợ cạo, tướng cướp và ngay cả dâm nữ... thì đức Thế Tôn biểu hiện cung cách và ngôn ngữ của chính họ, nên pháp thoại được kết quả hữu hiệu nhiệm mầu.

Có nhiều nguyên nhân để pháp thoại có giá trị nhiệm mầu. Trước hết, bản thân pháp sư (*Dharma speaker/teacher/master*) phải mô phạm và thanh tịnh (*thân giáo-taught by silent activities of body*) khiến thính chúng (*listeners*) sanh lòng tin tưởng phát khởi chánh tin, tăng trưởng tâm hạnh bồ đề (*developing the good/bodhi mind*) làm động lực mạnh cho sự chuyển hoá nội tâm, từ tiêu cực sang tích cực (*transform from the negatives to positives*).

Kể đến, bản thân chính pháp thoại phải có giá trị (*value of self-dharma*). Giá trị đây có nghĩa là pháp phải chuyên chở vận tải được đạo đức nhân bản và siêu thế (*tục đế và đạo đế*) để thiết thực lợi ích trong hiện tại và mai sau; và pháp phải thể hiện và toát lên ý nghĩa ở cả hai mặt nhận thức (*theory*) và hành động (*practice*).

Đạo đức nhân bản nghĩa là xây dựng một nền đạo đức rất người, rất nhân bản trong tinh thần hiểu biết, giúp cho chúng ta trở thành con người có phẩm chất tâm linh, có ý chí, đạo đức và trí tuệ; trở thành con người toàn diện về mặt vật lý, tâm lý, sinh lý, ý chí, tình cảm và trí giác, với mục đích nhằm mang lại sự an lạc và hạnh phúc cho từng cá nhân, tập thể, gia đình và xã hội.

Trong kinh Singalà (*Trường Bộ Kinh số 31 và Kinh Thiện Sinh, Trường A-hàm*), Đức Phật đã dạy cách xây dựng đạo đức của con người trong mỗi liên quan tác động của môi trường tương giao với xã hội xung quanh như sự tương giao giữa cha mẹ và con cái; giữa thầy và trò; vợ và chồng; cá nhân và bà con, láng giềng, bạn bè; chủ và thợ; tu sĩ và cư sĩ.

Về mối quan hệ giữa thầy và trò, Đức Phật không chấp nhận quyền lực của người thầy trên mọi phương diện. Chủ trương như vậy là một trong những nguyên lý căn bản của Đức Phật về quyền bảo vệ tự do tư tưởng của mỗi cá nhân, mỗi con người. Sự thân cận để học hỏi với Đức Phật giống như sự thực tập tự do và không trói buộc khả năng trí thức của chính người đó. Ý tưởng này được biểu hiện khá xuất sắc trong kinh Kalama khi Đức Phật nói rằng:

"Đừng tin những gì đã được nghe. Đừng tin những gì có trong truyền thống bởi vì nó được truyền trao từ nhiều thế hệ. Đừng tin bất cứ điều gì do nhiều người đồn đại. Đừng tin chỉ vì nó được ghi nhận trong thánh điển. Đừng tin vào sự phỏng đoán hay chấp nhận bất cứ điều gì chỉ bởi vì suy luận. Đừng tin bất cứ điều gì chỉ vì dựa vào một vài lý do. Đừng tin bất cứ điều gì bởi vì điều đó hợp với nhận thức của mình. Đừng tin bất cứ điều gì bởi vì dường như nó có thể chấp nhận được. Đừng tin bất cứ điều gì dựa vào uy quyền của bậc đạo sư hoặc những người lớn tuổi chỉ vì nghĩ rằng các ngài là bậc đáng tôn kính. Nhưng nếu sau khi tự chính mình đã xem xét và phân tích kỹ lưỡng rằng những điều này là đạo đức, không bị khiển trách, được người trí ngời

khen, nếu thực hiện cũng như áp dụng sẽ thực sự đưa đến an lạc hạnh phúc cho mình và người, mới nên chấp nhận và sống với pháp".

(Kalamas sutta: *Come, Kalamas. Do not go upon what has been acquired by repeated hearing, nor upon tradition, nor upon rumor, nor upon scripture, nor upon surmise, nor upon axiom, nor upon specious reasoning, nor upon bias towards a notion pondered over, nor upon another's seeming ability, nor upon the consideration 'The monk is our teacher.'* When you yourselves know: 'These things are bad, blamable, censured by the wise; undertaken and observed, these things lead to harm and ill,' abandon them... When you yourselves know: 'These things are good, blameless, praised by the wise; undertaken and observed, these things lead to benefit and happiness,' enter on and abide in them).

Chúng ta không nên tin mù quáng và chấp nhận nhanh chóng pháp thoại mới nghe hoặc được đồn đại vang xa, dù đó là pháp thoại truyền thống, thánh điển hay uy quyền của bậc đạo sư, người lớn tuổi hay bậc đáng tôn kính tuyên nói ra mà phải tự thẩm tra pháp thoại bằng phương pháp nhận thức, quán sát, phân tích và thể nghiệm bằng chính tự thân mình giữa cuộc sống đa giáo muôn màu (tự cho mình là số một trên cuộc đời này). Hãy "đến để thấy" (*ehi-passika*) và phải "hãy chứng nghiệm bởi chính mình" (*paccattam veditabha*) để khẳng định giá trị *phép mẫu của pháp thoại* là "áp dụng sẽ thực sự đưa đến an lạc, hạnh phúc cho mình và người, mới nên chấp nhận và sống với pháp".

Vị trí của Đức Phật ở đây đã được khẳng định như là bậc thầy chỉ đường, giúp người nghe tự nhận ra con đường, tự mình thực hiện và chứng nghiệm con đường

đó. Điều này cũng đã khẳng định tính chất giá trị của pháp thoại phải đủ cả hai mặt nhận thức và thực hành thực tế. Đây là một tinh thần khá nổi bật, rất 'khoa học' trong đạo Phật.

Giá trị siêu thế nghĩa là pháp thoại của đức Phật chờ tải một nội dung rất thâm thâm trí tuệ (*hành thâm Bát nhã, deeply prajna*). Bởi lẽ pháp thoại ấy giúp chúng ta chuyển đổi từ nghiệp xấu ác (*the negatives*) qua thiện (*the positives*) và từ thiện đến giải thoát (*the liberation – without the negatives and the positives*).

Pháp thoại Năm uẩn (*the Five Aggregates of Clinging*) định nghĩa cái gọi là con người chỉ là tập hợp của Năm uẩn: sắc (*form*), thọ (*feeling*), tưởng (*thought*), hành (*mental action*) và thức (*consciousness*). Năm uẩn này quay cuồng theo nguyên lý: sinh (*arisen*), trụ (*maintain*), dị (*change*) và diệt (*extinguish*), nên chúng trống không (*empty*), không có tự ngã (*no-self*), chúng là hiện hữu của tương duyên (*the dependence-origination*) nên vô thường (*impermanence*) và khổ đau (*suffering*). Nơi đây không có gì là 'Ta' (*self*) hay 'của Ta' (*possession of self*), nên buông xả lòng tham ái (*craving*), chấp thủ (*attachment*), sầu (*melancholy*), bi (*sad*), khổ (*grief*), ưu (*pervasively sad*), não (*distressing*) là gốc của khổ đau (*the cause of miserable*), thì không còn nhân sanh tử luân hồi (*the seed of birth-death*).

Pháp thoại Thất Giác Chi (*the Seven Factors of Enlightenment*) dạy rằng con đường thực hiện trí tuệ của Thất Giác Chi tựu trung là: liên tục tác ý Vô tướng (*pay attention to no-figure*), hay "như lý tác ý" thì sẽ đi đến kết quả: Ngũ triền cái (*the Five Hindrances*) được đoạn

trừ. Ngũ triền cái là thức ăn của Vô minh (*the food of ignorance*) nên khi Ngũ triền cái bị đoạn thì Vô minh đi đến bị đoạn trừ (*the ignorance extinguished*), minh khởi (*the insight arisen*). Nếu tiếp tục thực hành như thế thì Niệm giác chi (*the enlightenment-factor of mindfulness*) sẽ hiện khởi và lần lượt dẫn đến Trạch pháp (*the enlightenment-factor of the investigation of mental objects*), Tinh tấn (*the enlightenment-factor of energy*), Hỷ (*the enlightenment-factor of joy*), Khinh an (*the enlightenment-factor of tranquillity*), Định (*the enlightenment-factor of concentration*) và Xả Giác Chi (*the enlightenment-factor of equanimity*) hiện khởi. Xả giác chi hiện khởi sẽ dẫn đến kết quả Minh (*the insight*) và Giải thoát (*the liberation*) hiện khởi, Vô minh diệt (*ignorance transformed*) và khổ đau diệt (*suffering transformed*).

Pháp thoại Bát Thánh đạo (*Eight Noble-fold Paths*): thấy đúng (*right view*), suy nghĩ đúng (*right thought*), lời nói đúng (*right speech*), sinh hoạt đúng (*right karma*), hành động đúng (*right livinghood*), nhớ nghĩ đúng (*right mindfulness*), nỗ lực đúng (*right effort*), và năng lực tập trung đúng (*right concentration*). Đây là pháp thoại chỉ đường vào mục tiêu của hạnh phúc và giải thoát ngay tại đây và bây giờ.

Đức Phật dạy gốc của dục vọng (*the cause of craving*) chính là vô minh (*ignorance*). Bát chánh dẫn đến vô tham (*no-greed*), vô sân (*no-anger*), vô si (*no-ignorance*), thoát ly khỏi mọi khổ ách (*free from the circle of suffering*). Thực hiện con đường này là thực hiện từng bước tự tri (*self-knowing*), tự nương (*self-reliance*), tự quán (*self-examination*), tự tỉnh (*self-*

awareness), tự trách nhiệm (*self-responsibility*) và tự chủ (*self-control*). Pháp thoại như thế hẳn sẽ đào tạo nên những mẫu người làm chủ, sống lợi ích cho bản thân và xã hội, cho đạo cũng như đời.

Thế nên, kho tàng pháp thoại của Phật giáo là con đường thực hiện trí tuệ rất đơn giản nhưng lại thâm sâu nhiệm mầu, khai triển tinh thần giáo dục vô tham, vô sân, và vô si, và đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng một nền văn hoá mới toàn diện cho hôm nay và mai sau, cho thế gian và siêu thế.

Thư phòng Phước hậu, ngày 22/11/07

Thích Nữ Giới Hương



Kỳ diệu thay!

TRĂNG VẼN TRĂNG

Tách trà
Tình lữ
Bước lênh đênh.

Lời kinh
Vi vút
Lòng thoát tục.

Vấn vơ
Đáy giếng
Tìm trăng mộng.

Một đời
Vỡ lẽ
Trăng vẽn trăng.

Mùa đông Milwaukee, 2005

Thích Nữ Giới Hương

Chương trình Hội Thảo Do Hội Ái Hữu Phật giáo thành phố Milwaukee tổ chức

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ HÀNH PHẠT TỬ HÌNH *Thích Nữ Giới Hương*

Thứ bảy, ngày 28 tháng 10, năm 2006

4:00 - 6:00g chiều

Tại Chùa PHƯỚC HẬU

1575 W. Oklahoma Ave., Milwaukee

Điện thoại: (414) 383 1155

Các Diễn Giả:

Sư cô Giới Hương, Chùa Phước Hậu

Giáo sư John McAdams, Khoa Chính trị học, Trường đại học Marquette

Sư cô Tonen O' Connor, Trung tâm Thiền học Milwaukee

Ông Peter Newald, Trung tâm Thiền học Great Lake

Kính mời quý vị hoan hỉ tham gia! Cuộc hội thảo mở rộng này sẽ nêu lên các quan điểm của Phật giáo dựa vào những lời dạy căn bản của Đức Phật và những nhân tố căn bản, đa dạng, những viễn cảnh liên quan án tử hình và cuối cùng là phần tham vấn với các diễn giả.

Để cho buổi thảo luận mỹ mãn hơn, xin mời quý vị thuộc mọi đức tin (tôn giáo) đến chia sẻ, bày tỏ quan điểm riêng cũng như lắng nghe, tìm hiểu những quan điểm của người khác.

Hãy cất lên tiếng nói của bạn cho cuộc bầu cử sắp đến (vào ngày 7 tháng 11 năm 2006 về việc có nên loại bỏ án tử hình tại tiểu bang Wisconsin này không?).

CÁC LỜI DẠY CĂN BẢN CỦA ĐỨC PHẬT VỀ HÀNH PHẠT TỬ HÌNH

Sư cô Thích Nữ Giới Hương, Ph.D.

Đạo Phật, đạo của từ bi và trí tuệ, luôn luôn tôn trọng và đề cao cuộc sống của tất cả chúng hữu tình. Đức Phật xuất hiện trên thế gian này vì muốn mang hoà bình và hạnh phúc đến cho chư thiên và loài người.

Thực vậy, từ xưa đến nay, Đạo Phật đã không bao giờ đem khổ đau cho bất cứ ai. Đạo Phật chỉ đưa ra con đường chuyển hoá đau khổ cho những ai có tâm tìm hiểu và mong muốn để đạt đến con đường đó.

Hôm nay, nhân dịp Hội Ái hữu (Buddhist peace Fellowship) thành phố Milwaukee tổ chức cuộc nói chuyện với chủ đề *Quan điểm của Phật giáo về án tử hình*, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ đề tài này với những ý tưởng như sau:

I. Năm giới

Các giới luật quan trọng và căn bản hướng dẫn phát triển tâm linh rất quen thuộc với giới Phật tử là thọ trì ngũ giới (Panca Sila)⁹:

1. Con phát nguyện vâng giữ giới không sát hại sanh vật.

⁹ http://quangduc.com/English/canon/vinaya/05.bikkhu-rules_guide.html#5precepts;
<http://www.unfetteredmind.org/articles/precept1.php>;

2. Con phát nguyện vâng giữ giới không lấy của không cho.

3. Con phát nguyện vâng giữ giới không tà dâm.

4. Con phát nguyện vâng giữ giới không nói dối.

5. Con phát nguyện vâng giữ giới không uống rượu say.

Trong ý nghĩa tiêu cực, năm giới này là những điều răn cấm, nghĩa là không được phạm vào bất kỳ tội lỗi hoặc tội ác nào. Bản chất của sự răn cấm này được thể hiện ở hai phương diện:

(a) Để ngăn chặn và phòng ngừa tội lỗi hoặc tội ác, chẳng hạn như cấm uống rượu say vì nó có thể dẫn tới tạo tội lỗi hoặc tội ác;

(b) Để chấm dứt và không tái phạm những tội ác đã làm, như giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, v.v... chính bản chất chúng là bất thiện.

Trong ý nghĩa tích cực, giới đầu tiên giúp chúng ta tăng trưởng lòng từ bi. Giới thứ hai có thể giúp nuôi dưỡng đức tính thành thật, tâm bao dung, không chấp thủ và chánh mạng. Giới thứ ba giúp vun bồi khả năng tự kềm chế, bảo hộ các căn và những cảm xúc, chế ngự lòng ham muốn trần tục. Giới thứ tư làm cho phát triển niềm tin yêu, tâm chân thật, và đạo đức chính trực. Và giới cuối cùng giúp chúng ta quay về chánh niệm, tỉnh thức, và tuệ giác.

Bởi vậy, thực hành thuần thực những giới luật Phật giáo sẽ giúp chúng ta sống một cuộc sống đạo đức, thẳng tiến đời sống tâm linh trong từng cá nhân đồng thời giúp thúc đẩy việc chung sống hòa bình trên tinh

thần hợp tác, tin cậy lẫn nhau trong cộng đồng và đẩy mạnh tiến trình xã hội ngày càng phát triển.

II. Giới đầu tiên

Giới đầu tiên ủng hộ xu hướng phản đối việc phá hủy sự sống. Điều này dựa vào nguyên lý của thiện tâm và tôn trọng quyền sống của tất cả mọi loài.

Trong kinh Phạm Võng¹⁰, Đức Phật chỉ dạy cận kề Giới Bồ tát đầu tiên là: “Đệ tử Phật không được tự mình giết, hoặc bảo người giết, phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhẫn đến dùng bùa chú để giết, nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.

Có năm điều kiện¹¹ kết thành hành động giết hại là:

- (1) Có hiện hữu một chúng sanh, con người hoặc loài vật;
- (2) Nhận biết rằng chúng sanh đó đang còn sống;
- (3) Dự định hoặc quyết định để giết;
- (4) Dùng phương tiện thích đáng để thực hiện hành động giết hại;
- (5) Và có hậu quả đưa đến sự chết.

Thiếu bất kỳ một trong các điều kiện này, hành động giết sẽ không cấu thành, mặc dù sự chết có xảy ra. Điều đó chỉ được xem như sự cố tai nạn và không gây ra hiệu ứng tội lỗi nào cho người làm hành động này.

Có sáu cách giết¹²: (1) giết bằng chính bàn tay của

mình, (2) ra lệnh cho kẻ khác giết, (3) giết bằng cách bắn, ném đá, đánh gậy, v.v..., (4) giết bởi việc đào những hầm hố, v.v... để đánh bẫy chúng sanh, (5) giết bởi dùng thần lực, hoặc các phương cách bí ẩn, và (6) giết bằng mật chú, hoặc khoa học huyền bí nào đó.

Dù sử dụng công cụ nào để giết hoặc phá hủy đời sống tâm linh của chúng sanh đi nữa thì kẻ đó đã phạm vào sát sanh nghiệp đạo rồi.

Bởi vậy, một Phật tử chân chánh không thể làm hoặc ủng hộ án tử hình bởi vì án tử hình đồng nghĩa với việc tước đoạt hay chấm dứt đời sống con người với năm điều kiện và bất kỳ một trong sáu cách giết nói trên.

III. Tâm từ bi

Ở giới đầu tiên trong Kinh Phạm Võng¹³, Đức Phật dạy rằng “là Phật tử lẽ ra phải luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thế cứu giúp tất cả chúng sanh. Mà trái lại, tự phóng tâm nở lòng sát sanh, Phật tử này phạm Bồ Tát Ba La Di tội”.

Do tuân thủ giới này chúng ta biết cách vun bồi tâm từ và tâm bi. Nên thương yêu những người khác như chính mình vậy. Cảm nhận được đau khổ của người khác như của chính mình thì chúng ta sẽ sẵn sàng làm cách nào đó để có thể giúp họ vượt bớt khổ đau.

Như vậy, chúng ta trau dồi tâm từ bi và tăng trưởng tinh thần vị tha chính vì phúc lợi của người khác, ý thức tôn trọng và bảo vệ cho tất cả chúng sanh.

¹⁰ The Brahma Net Sutra, trans. by the Buddhist Text Translation Society in USA, xem <http://www.purifymind.com/BrahmaNetSutra.htm>.

¹¹ Dhammasaṅgaṇī Aṭṭhakathā (Atthasālinī), ed. E. Müller, 1897, PTS, p. 129; Saddhammo pāyana, ed. Richard Morris, V, PTS, 1887, p. 58; Kaṅkhāvitaraṇī, ed. D. A. L. Maskell (néc stede), 1957, PTS, p. 50.

¹² Dhammasaṅgaṇī Aṭṭhakathā (Atthasālinī), ed. E. Müller, 1897, PTS, p. 129; Kaṅkhāvitaraṇī, ed. D. A. L. Maskell (néc stede), 1957, PTS, p. 30.

¹³ The Brahma Net Sutra, trans. by the Buddhist Text Translation Society in USA, xem <http://www.purifymind.com/BrahmaNetSutra.htm>.

Trong Kinh Từ bi, Đức Phật cũng dạy:

Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào.
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất, mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn¹⁴.

IV. Phật tánh

Một nguyên do khác mà giới Phật giáo không ủng hộ án tử hình là vì Đức Phật có dạy rằng bản chất của mỗi chúng sanh (người hoặc vật) là thanh tịnh; tinh tế hơn nữa là tâm thanh tịnh, mà cứu cánh bản tâm đó chính là sự giác ngộ hay tính giác ngộ cũng gọi là Phật tính (*Buddhata*), hoặc Tri kiến Phật.

Như Đức Phật xác nhận trong Kinh Pháp Hoa¹⁵

¹⁴ Khuddhaka Nikaya (belong to the Sutta Nipata), tr. By Thanissaro Bhikkhu, I.8, Karanaiya Metta Sutta.

¹⁵ The Lotus sutra, tr. By Burton Watson, Colombia Univeristy Press, New York, 1993, pp 10-11.

“... Và Ta thấy hàng Phật tử, có đầy đủ giới đức, uy nghi không thiếu sót, bản chất trong sạch như bửu châu để trở về tuệ giác”. Vì vậy, nếu nay con người trở nên bạo lực có thể vì nhiều lý do, nhưng nhất định một trong những lý do chủ yếu là do ác tư duy khởi lên, như hậu quả từ môi trường và hoàn cảnh của họ. Tuy nhiên, tất cả đều có tiềm năng để cải thiện cũng như có khả năng quay về với bản tính chân thật hằng có của chính mình.

V. Không sát sanh

Như đề cập, tất cả chúng sanh đều có Phật tính. Vì vậy, chúng ta không những không nên giết người mà còn không nên làm hại cả loài vật nữa. Và lại, trong vài trường hợp tùy theo nghiệp lực, con người có thể tái sinh làm người và loài vật cũng có thể được sinh lại làm người.

Có một nguyên tắc chỉ đạo rất căn bản trong Đạo Phật để tu tập đạo hạnh đó là bất hại (*ahimsa*) - tức ngăn cấm việc gây tổn thương hoặc chết chóc đối với mọi chúng sanh.

Vì chúng ta ước muốn sống, chúng ta không nên giết người hoặc ngay cả chúng sanh khác. Hơn nữa, nghiệp sát sanh phải được hiểu như cội rễ của tất cả khổ đau và nguyên nhân căn bản của bệnh tật và chiến tranh, và những thế lực giết hại này rõ ràng đồng nhất với ma quân.

Lý tưởng tối thượng và phổ quát nhất của Đạo Phật là phụng sự không ngừng nghỉ cho đến khi nào chấm dứt hoàn toàn vĩnh viễn khổ đau của tất cả chúng sanh, chứ không chỉ riêng cho loài người.

Như trong kinh Phạm Võng¹⁶, Đức Phật nói: ‘Mỗi khi một Bồ tát¹⁷ thấy có người chuẩn bị giết một con vật, vị ấy thường dùng phương tiện thiện xảo để cứu chuộc và bảo vệ nó, giải phóng nó vượt thoát khỏi tình trạng khó khăn và đau khổ đó...’

VI. Ăn chay

Tâm từ bi bao la đối với tất cả cũng có nghĩa rằng chúng ta không những không giết hại con người và loài vật mà còn cần phải tuân thủ quy tắc tự gìn giữ chính mình chẳng hạn như thực hành ăn chay. Đây là những lời dạy tích cực và xác thực từ Đức Phật liên quan đến sự phát triển hoàn hảo nhân cách của con người.

Tất cả các chúng sanh –
 Loài người hoặc thú vật,
 Rất tham sống sợ chết.
 Đều sợ hãi con dao đồ tể,
 Chặt thái chúng thành từng miếng.
 Thay vì tàn bạo và hèn hạ,
 Tại sao không dừng giết hại
 và thương yêu cuộc sống?¹⁸

Đức Phật khuyến khích việc ăn chay hoàn toàn là một yêu cầu tự nhiên và hợp lý tương xứng với giới không sát sanh. Giới Bồ tát cũng rõ ràng cấm hẳn việc ăn mặn.

Tôn giả Đại Ca Diếp hỏi Đức Phật, “Tại sao Như lai không cho phép ăn thịt?” Đức Phật đáp “chính vì việc

¹⁶ Brahma Net Sutra, I, 162.

¹⁷ Bồ tát nguyện giữ giới “Không sát hại người và súc vật”.

¹⁸ Cherishing Life, I, 83.

ăn thịt sẽ cắt đứt hạt giống đại từ bi”¹⁹.

Chúng ta không nên giới hạn lòng từ bi của mình đối với loài vật hoặc những vật yêu thích, mà hãy mở rộng đến toàn thể chúng sanh, ngay cả trong số đó có kẻ sai phạm. Lòng từ bi làm nền tảng cho tất cả mọi quan hệ tương tác của chúng ta với người khác, mà không cần lưu tâm đến quan điểm và hoạt động của họ là gì.

VII. Báo thù

Vì những lý do và mục đích nào đó mà hệ thống pháp luật của xã hội đặt ra án tử hình. Án này chính là dùng để trừng phạt các phạm nhân, ngăn chặn họ không lặp lại hành động xấu ác đã làm và để răn đe những người khác.

Tuy nhiên, rõ ràng nó cũng là một hình thức báo thù trong một ý nghĩa tinh tế hơn.

Chúng ta cần phải giảm bớt sự sợ hãi, lòng thù ghét, và ý muốn báo thù bằng cách tra tấn và sát hại.

Khái niệm báo thù hoàn toàn xa lạ với giới Phật giáo. Án tử hình là một hình thức trừng phạt khắc khe nhất với mục đích nhằm kết thúc vĩnh viễn một đời sống đang sống. Khi phạm nhân bị xử tử hình thì người đó không còn có cơ hội nào nữa để thay đổi, phục hồi hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra.

Liệu việc thực hiện án tử hình đối với một kẻ giết người đã bị tuyên án sẽ khiến nạn nhân sống lại được không?

Tất nhiên là không. Như vậy, án tử hình đâu có lợi ích gì.

¹⁹ Cherishing Life, II, 5.

Đức Phật dạy rằng:

“Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu”²⁰.

VIII. Tâm lý học

Theo Đạo Phật, những điều kiện cho đời sống kế tiếp (tái sanh) phụ thuộc vào những tư tưởng sau cùng, tức trạng thái tâm thức cuối cùng của con người trước khi chết. Tâm thức hay tâm lý của tội phạm chắc chắn không thể có được trạng thái an bình. Buộc người đó nhận lãnh thi hành án tử sẽ càng làm cho trạng thái tâm trí của người đó thậm chí còn trầm trọng hơn, chứa đầy lòng giận dữ và sợ hãi. Kết quả là, người đó nếu được tái sinh làm người, họ có thể còn bạo lực hơn lúc bây giờ. Khi lớn lên, kẻ đó tiếp tục phạm tội có thể còn tồi tệ hơn những tội ác đã làm ở đời trước.

Trong Tiểu kinh Nghiệp phân biệt (Kinh Trung Bộ, số 135)²¹, Đức Phật nói điều này:

“Ở đây, này các tỳ kheo, có người đàn bà hay đàn ông, phần nộ, nhiều phật ý, bị nói động đến một chút thời liền bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào cõi dữ... Nếu sanh trở lại làm người thì phải chịu hình hài xấu xí. Con đường ấy đưa

²⁰ Dhammapada, tran. by Thanissaro Bhikkhu, Verse 5 of Chapter 1, MA 01005, USA, 1997.

²¹ <http://www.vipassana.com/canon/majjhima/mn135.ph>.

đến xấu sắc, tức là phần nộ, sân hận, bất mãn.

Bởi vậy, chúng ta cần nên tránh dẫn đến trạng thái tâm lý bất an cho phạm nhân vì người đó sẽ phải buộc giáp mặt cái chết một cách không sẵn lòng và miễn cưỡng.

IX. Luật Nghiệp Báo

Nghiệp hay hành động là năng lực được phát sinh bởi tư duy, lời nói và những hành vi của con người. Nó có thể là thiện, bất thiện hoặc quán tưởng, và có thể có hiệu ứng sâu đậm lên sự tái sanh của mọi loài hữu tình chúng sanh.

Nghiệp bất thiện dẫn đến sự tái sinh vào một trong ba ác đạo (là địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh); nghiệp thiện dẫn đến tái sinh trong loài người, loài thần hoặc chư thiên cõi dục; còn nghiệp quán tưởng thiên định sẽ tái sinh vào cảnh giới sắc và vô sắc²².

Trong kệ Telakatahagatha nói rõ: “Ai phá hủy đời sống của bất kỳ chúng sanh nào, trong lần tái sinh kế tiếp người đó có thể bị đột tử trong lúc đang sung mãn nhất, dù vị đó đang có cuộc sống tiện nghi, giàu sang và đẹp đẽ...”²³.

Đức Phật đã dạy²⁴:

Ở đây, này các tỳ kheo, có người đàn bà hay đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau

²² Mullin, Glenn H., Death and Dying: The Tibtant Tradition, Boston: Arkana Penguin, 1986, p. 17.

²³ Telakatahagāthā, v, 78.

²⁴ <http://www.vipassana.com/canon/majjhima/mn135.ph>.

khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này các tỳ kheo, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Nhưng ở đây, này các tỳ kheo, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ. Con đường ấy đưa đến trường thọ, này các tỳ kheo, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Như vậy với lý lẽ đã trình bày ở đây, rõ ràng là việc giết hại kể cả tội bạo hành sẽ tạo ra ác nghiệp cho kẻ đó, và giảm bớt khả năng có được một cái chết an bình cho họ.

X. Kinh tạng Phật Giáo

Bác bỏ án tử hình là một chủ đề thường được nhắc đến trong Đạo Phật mà chúng ta sẽ nhìn thấy các ngụ ý này ngang qua phạm âm của Đức Phật trình bày trong

kinh tạng và luận tạng của cả hai hệ thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa (ở đây tôi đề cập chỉ vài trường hợp tiêu biểu) như sau:

A. Kinh Nguyên thủy

1. Pháp cú

“Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.”²⁵

“Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thích sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.”²⁶

“Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yêu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.”²⁷

2. Kinh Bổn sanh

i. Tiền thân Nai Banian

Trong Kinh Bổn sanh²⁸ có kể rằng vào một tiền kiếp nọ, Đức Phật sinh ra làm Nai chúa tên là Nyagrodha. Ngài đã sẵn lòng thế mạng của chính mình cho một con

²⁵ Dhammapada, tran. by Thanissaro Bhikkhu, verses no 129 of Chapter 10, MA 01005, USA, 1997.

²⁶ Nt, verses no 130 of Chapter 10.

²⁷ Nt, verses no 405 of Chapter 26.

²⁸ Jataka, ed. V. Fausboll, London: PTS, 1962; ed. E.B. Cowell, tr. By Robert Chalmers, Stories of the Buddha's Former Births, I, Story Banian, Low Price Publications, Delhi-52, p. 149.

nai đang có thai sắp sinh phải đi nạp mạng cho nhà vua. Lại trong một tiền kiếp khác, Đức Phật hy sinh mạng sống của mình để làm thức ăn cho một con cạp đói và hai con của nó đang bị mắc kẹt trong tuyết.

Ngài cho rằng cứu được mạng sống có ý nghĩa hơn là chỉ bảo hộ cho bản thân cá nhân mình. Thà mất mạng của chính mình còn tốt hơn là giết hại chúng sanh khác.

Có nhiều câu chuyện kiếp trước của Đức Phật khi còn làm bồ tát, ngài thực hành hạnh giữ gìn giới không sát sanh, hy sinh chính mạng mình để giữ tròn giới thể và tăng trưởng lòng từ bi.

Đức Phật đã nói rằng:

Hơn nữa, Ta quán sát như vậy: “Từ quá khứ cho đến ngày nay, Ta đã bỏ thân mạng không biết bao nhiêu lần. Đã có lần Ta sanh ra làm kẻ cướp ác tâm, làm chim muông, hoặc làm súc vật mà nơi đó Ta đã sống đơn thuần cho mục đích làm giàu hoặc theo đuổi những lợi ích dục vọng thấp hèn. Nhưng bây giờ Ta đã sắp bỏ mình để giữ tròn giới thể. Ta không luyến tiếc thân thể và xả thân mạng của ta để giữ giới thì sẽ có muôn vạn lần ích lợi hơn việc bảo hộ thân mình mà phải vi phạm những điều cấm. Trong cách suy nghĩ này, Ta quyết định là Ta cần phải hy sinh thân thể để bảo vệ vẹn toàn các tịnh giới.

ii. Tiền thân Con trai của người hàng thịt

Câu chuyện này kể rằng: có một lần nọ, một vị đã chứng quả Dự lưu²⁹ sinh vào trong một gia đình hàng thịt. Khi đến tuổi thành niên, mặc dầu mong muốn theo

²⁹ Thánh Dự lưu còn gọi Nhập Lưu hoặc bảy lần tái sanh ở đời nữa.

nghề quản gia, nhưng Ngài không muốn giết hại súc vật. Cha mẹ của Ngài một hôm đưa cho Ngài một con dao và một con cừu và bảo Ngài “Nếu con không giết con cừu này, cha mẹ sẽ không cho con thấy mặt trời mặt trăng và thức ăn nước uống để sinh sống”.

Ngài liền suy nghĩ, “Nếu mình giết con cừu này thì mình sẽ bị tạo nghiệp ác này đến trọn đời. Làm sao mình có thể phạm tội ác lớn này đơn giản chỉ vì lợi ích của bản thân?” Rồi ngài liền cầm dao tự sát. Khi cha mẹ mở cửa nhìn vào thì thấy con cừu vẫn đang đứng một bên, trong khi người con trai nằm đó đã tắt thở.

Ngay sau khi chết, Ngài được sinh lên cõi trời do hoan hỷ buông xả, không luyến tiếc mạng sống chính mình để giữ gìn vẹn toàn các tịnh giới.

Hạnh phóng sanh là một phương pháp tu tập trong Phật giáo nhằm cứu thoát các loài vật, chim cá v.v... đã được trù định để giết thịt hoặc bị giam cầm thường xuyên. Chúng được phóng thích như được ban cho một đời sống mới. Việc tu tập này minh họa giáo lý căn bản của Phật giáo về lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh.

iii. Tiền thân Janasandha

Câu chuyện này³⁰ do Đức Phật kể cho Vua xứ Kosala. Chuyện nói về hoàng tử Janasandha, con trai của vua Brahmadata xứ Ba la nại:

Khi hoàng tử Janasandha đến tuổi trưởng thành, và sau khi hoàn tất việc rèn luyện tài năng ở Takasila trở về, vua đã đại xá cho tất cả các tù nhân, và phong cho

³⁰ The Jataka or Stories of the Buddha's Former Births, Vol. 4, Bk. 12 (E.B. Cowell, ed.; W.H.D. Rouse, trans. 1957) pp. 109-11.

hoàng tử làm phó vương. Về sau khi vua băng hà, hoàng tử lên nối ngôi, liền cho xây dựng sáu trại chăn bần... Ở đó, ngày lại ngày, vua thường hay phân phát sáu trăm đồng tiền và khuyến khích toàn dân thực hành bố thí; cửa nhà tù mở vĩnh viễn và không còn những nơi hành hình tội nhân...

iv. Tiền thân Muga Pakkha

Chuyện này³¹ do Đức Phật kể cho chúng Tỳ kheo, giải thích rõ rằng việc trừng phạt có thể tác động đến cả người thừa hành lẫn người trực tiếp bị phạt. Câu chuyện kể về một hoàng tử duy nhất của vua xứ Kasi tên là Temiya-kumaro (nói gọn là Temiya).

Khi hoàng tử đầy tháng, ngài được ăn mặc thật đẹp và bồng vào yết kiến vua. Nhìn đứa con yêu, vua liền ôm vào lòng chơi đùa với con. Cùng lúc ấy, có bốn tên cướp được đưa đến trước mặt vua; một trong bốn tên đó bị ngài xử phạt một ngàn roi quắn gai nhọn, một tên khác phải bị gông cùm xiềng xích, một tên nữa phải bị đâm bằng giáo, và tên cuối cùng bị đâm cọc xuyên suốt toàn thân. Bồ-tát (hoàng tử đầy tháng) nghe vua cha nói, kinh hãi nghĩ thầm: “Ôi cha ta vì làm vua mà mang lấy những ác nghiệp khiến cho người phải đọa địa ngục”.

Nhận thức rõ những hậu quả của vua cha và sợ hãi điều đó sẽ xảy đến cho Ngài nếu sau khi lên nối ngôi Ngài cũng làm tương tự như thế, cho nên Temiya quyết tâm giả bộ câm điếc và què quặt suốt mười sáu năm (vì Ngài không muốn thừa kế ngai vàng).

³¹ The Jataka or Stories of the Buddha's Former Births, Vol. 6, Bk. 22, pp.1-19.

Cuối cùng, Temiya đã mãn nguyện khi Ngài trở thành một vị ân sĩ khổ hạnh lia bỏ kinh đô và sau đó ngài trở về giáo hoá tất cả hoàng tộc và rất nhiều người khác tu tập theo Ngài.

Câu chuyện này tương tự câu chuyện đời sống của Đức Phật Thích Ca lớn lên trong hoàng cung, nhưng rồi từ bỏ thế gian để tìm cầu chân lý.

3. Kinh Trung Bộ

Kinh Angulimala (kinh Trung bộ, số 152)³² là một bản kinh nổi tiếng về năng lực phục thiện.

Có một kẻ cướp, sát nhân cực ác tên là Angulimala (nghĩa là “Xâu chuỗi ngón tay.” Xâu chuỗi này làm bằng ngón tay của những nạn nhân của y). Tất cả dân làng đều rất sợ Angulimala là điều dễ hiểu. Vào lúc đó, Đức Phật cũng đang ở lại trong làng này, nhất định đi một mình xuống con đường nơi tên sát nhân Angulimala nghe nói đang trú ẩn ở đó. Với nhân cách tuyệt vời, Đức Phật đã khéo léo cảm hoá Angulimala và thu nhận anh ta làm đệ tử.

Lúc đó, do vì dân chúng thỉnh cầu, Nhà Vua đang chỉ huy binh lính để truy bắt Angulimala. Vua tình cờ gặp Đức Phật và giải thích sự tình của mình. Liền đó, Đức Phật chỉ cho nhà Vua thấy Angulimala đã hoàn lương và đang sống đời an lạc của một tăng sĩ. Vua hoàn toàn sững sốt bởi chứng kiến điều này. Ngài rất

³² The Collection of the Middle Length Sayings (Majjhima-Nikaya), Isaline B. Horner, trans. 1957, pp. 284-92. See also, Hellmuth Hecker, Angulimala: A Murderer's Road to Sainthood (The Wheel Publication No. 312, 1984).

kinh ngạc làm thế nào mà Đức Phật có thể giáo hoá được Angulimala như thế.

Điều này cho thấy ý niệm phục thiện của Phật giáo. Dĩ nhiên, phục thiện và án tử hình là hai khái niệm loại trừ lẫn nhau.

Dù sao, về phương diện nghiệp báo, Angulimala vẫn còn có nghiệp ác lớn do trước đó đã giết nhiều người, nên chắc chắn Angulimala cũng phải bị chết một cách đột ngột, đau đớn bởi ác nghiệp này. Tuy thế, ý nghĩa phục thiện rõ ràng là nội dung chính của bản kinh này.

Phục thiện có năng lực giúp cho người tội phạm nhận thức được tội lỗi của mình và cố gắng tránh tái phạm trong tương lai. Theo Phật giáo, một người tội phạm đã phục thiện, thậm chí một kẻ sát nhân, sẽ vẫn nhớ được Phật tính của mình. Đối với xã hội, cải tạo người phạm pháp có nghĩa là thu nhận lại một thành viên hữu ích mà người này có thể đóng góp bằng cách nào đó cho phúc lợi công cộng.

B. Kinh điển Đại thừa

1. Kinh Hoa Nghiêm (cũng gọi là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa nghiêm)

Nghiên cứu về án tử hình trong kinh Hoa nghiêm có tính chất biểu trưng và triết lý cao hơn.

Kinh kể rằng có một Bồ tát tên là Thiện tài đồng tử (*Sudhana Sresthidaraka*) đang đi tầm sư học đạo. Một trong những Đạo sư của ngài là vua Anala.

Vua Anala sống trong một lâu đài đẹp tuyệt vời và rất xa. Để giữ cương mực trật tự trong xã hội, vua thường dùng phù phép hóa hiện những tội nhân bị hành

hình đau đớn khốc liệt, để ngăn chặn dân chúng không phạm tội.

Thật ra, Vua không có làm hại bất cứ ai, bởi vì những tù nhân cũng như hình phạt đều chỉ là những thần thông biến hoá. Vua giải thích với Thiện tài đồng tử rằng những ảo thuật này là phương tiện của tâm từ bi cho dân chúng sợ hãi mà từ bỏ tội lỗi hay không dám phạm.

ii. Kinh Phạm Võng

Trong Kinh Phạm Võng³³, Đức Phật nói: “Bất cứ khi nào Bồ tát thấy có người chuẩn bị giết hại sinh vật, thì vị ấy nên dùng phương tiện thiện xảo để cứu chuộc, giải thoát cho nó thoát khỏi tình trạng khốn khó và đau khổ...”

Và ngài cũng dạy thêm ở giới Bồ tát thứ 20 rằng: “Nếu là Phật tử nên vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Hãy quán rằng tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng chính là giết những thân cũ của ta. Tất cả thân tứ đại đều là bản thân, bản thể của ta, cho nên thường phải làm việc phóng sanh và khuyên bảo người khác làm. Nếu thấy người đi sát sanh nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ.”

C. Luận Đại thừa

Rajaparikatha - ratnamala³⁴:

³³ Brahma Net Sutra, I, 162. See <http://www.ymba.org/bns/bnsframe.htm>.

³⁴ Nagarjuna and Kaysang Gyatso [Dalai Lama VII], The

Ngài Long Thọ (thế kỷ 2 hoặc 3 sau TL)³⁵, một triết gia Phật giáo nổi tiếng miền Nam Ấn và cũng là tác giả của bộ luận Rajaparikatha - ratnamala (Những lời khuyên quý giá dành cho Vua). Nội dung luận phẩm này trình bày về nghệ thuật lãnh đạo theo tinh thần Phật giáo. Ngài Long Thọ khuyên nhủ Vua Udayi (Triều đại Satavahana) về rất nhiều vấn đề³⁶. Trong đó, Ngài Long Thọ có đề cập về án tử hình như sau:

“Này Đại vương, vì lòng từ bi Ngài cần nên luôn luôn
Phát khởi thiện tâm cứu giúp tất cả chúng sanh,
Ngay cả những ai đã phạm tội trọng.
Lại cần quan tâm thật nhiều,
Đối với những kẻ giết người, tạo tội ác lớn;

Quên mất bản tâm là nơi chứa đựng lòng từ bi vô
lượng

Sau khi thăm sát sự hung tàn của kẻ sát nhân và thấy
rõ căn nguyên,

Chỉ nên đày ải, chớ giết hoặc dùng đại hình”³⁷.

Precious Garland and The Song of the Four Mindfulnesses (Jeffrey Hopkins et al, trans., 1975).

³⁵ The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion, pp. 237-38.

³⁶ For an interpretation of the text and some background on King Udayi, see Robert A.F. Thurman, "Nagarjuna's Guidelines for Buddhist Social Action," in The Path of Compassion: Writings on Socially Engaged Buddhism (Fred Eppsteiner, ed. 1988); Robert A.F. Thurman, "Social and Cultural Rights in Buddhism," in Human Rights and the World's Religions (Leroy S. Rouner, ed. 1988), p. 148. A brief overview of the Satavahana Dynasty can be found in Rama Shankar Tripathi, History of Ancient India (1942), pp.191-201; Etienne Lamotte, History of Indian Buddhism: From the Origins to the Saka Era (Sara Webb Boin and Jean Dantinne, trans. 1988), pp. 474-81.

³⁷ The Precious Garland and the Song of the Four Mindfulnesses, pp. 66-67.

XI. Những vị vua Phật tử Ấn Độ

i. Vua Phật tử (Bắc Ấn)

a) Vua A Dục³⁸, một trong những nhà cai trị đầu tiên của Ấn Độ cổ đại, từ chối dùng quân lực thay vì vậy là truyền bá triết lý bất bạo động và lòng tôn trọng đối với mọi người.

Những sắc lệnh của Vua A Dục được khắc trên các trụ đá, cho thấy Ngài là một vị vua có tư tưởng khác thường đi trước thời đại.

Dưới đây sẽ tóm tắt một số những sắc lệnh của Vua A Dục như sau:

Những điều răn cấm:

- Không được dùng súc vật để tế lễ tôn giáo.
- Ngăn cấm mọi việc giết mổ súc vật và cầm thú.
- Vua sẽ không còn tổ chức các cuộc săn bắn nữa.
- Vua từ bỏ vinh quang các cuộc chiến xâm lược.
- Chiến thắng thiện pháp là chiến công oanh liệt nhất.

Những công trình công cộng:

- Xây dựng bệnh viện cho người và thú vật.
- Thành lập nhiều vườn tược được thảo.
- Đào giếng, trồng cây xanh, và cất nhà nghỉ dọc theo những đường lộ để tạo tiện nghi cho khách hành hương và thú vật.

³⁸ Asoka Rock and Pillar Edicts, the translation by Ven. S. Dhammika, Kandy, Sri Lanka; Buddhist Publication Society, 1993. See <http://www.thenagain.info/Classes/Sources/Asoka.html>.

Mối Quan hệ giữa Con người:

- Dân chúng cần phải vâng lời cha mẹ và các bậc sư trưởng, thầy tổ tinh thần của họ.
- Người chủ không được ngược đãi những người hầu và tôi tớ của họ
- Mọi người phải nên rộng lượng với các bậc xuất gia, họ hàng, và bè bạn.

Tôn giáo:

- Các giáo phái tôn giáo “có thể trú ngụ khắp nơi”.
- Những người khác tín ngưỡng không được công kích lẫn nhau khi “tìm hiểu các tôn giáo bạn”.

Phúc lợi cho người dân:

- Các quan chức triều đình phải quan tâm tới lợi ích của người già, người nghèo, và các tù nhân.
- Các quan chức báo cáo công tác công cộng có thể yết kiến trực tiếp với nhà vua mọi lúc, mọi nơi.
- Các quan chức phải đảm bảo việc điều hành quản lý mang hữu hiệu lợi ích và hạnh phúc cho người dân.

Công lý:

- Các phán quan phải độc lập và hành xử nhất quán trong thủ tục và xử phạt.
- Phạm nhân nên được khoan hồng càng nhiều càng tốt.
- Bản án tử hình nên được hạn chế áp dụng và việc kết tội cần phải có ba ngày để tuyên án.
- “không sát sanh là thiện nghiệp”

Trong sắc lệnh cuối cùng, có lẽ được viết khắc vào năm 242 trước Tây lịch, Vua A Dục đã viết: “Trong thế gian, có hai phương cách đạt được thiện pháp là pháp luật và đức tin.

Nhưng trong hai điều này, hình như pháp luật tỏ ra ít có hiệu quả hơn đức tin. “Những quan chức được huấn luyện đặc biệt, gọi là dhamma-mahamattas (Đại quan chuyên trách truyền giáo) thường đi kinh lý để tìm hiểu quan điểm của dân chúng và hướng dẫn họ về thiện pháp.

Điều này dễ dàng cho chúng ta nhận ra rằng Vua A Dục ủng hộ tinh thần bất hại (*ahimsa*) và không thích áp dụng án tử hình.

Ngài là một Phật tử thuần thành siêng tu thiện pháp và vì thế Ngài không thể cho phép việc hành hình này xảy ra.

Vào thế kỷ thứ sáu, có hai nhà sư chiêm bái người Trung hoa là Sung Yun và Hui Sheng đã hành hương đến đất Ấn và viết như sau:

Chúng tôi vào nước Ouchang (Oudyana). Phía bắc của nước này tiếp giáp núi Thông Lĩnh; phía nam tiếp giáp với Ấn độ... Vua nước này rất sùng đạo và thực hành hạnh ăn chay ... Sau bữa trưa vua đích thân chăm lo công việc triều chính.

Giả sử có người phạm tội sát nhân, người này không bị xử tử mà chỉ bị đày tới những hoang đảo, được chu cấp thức ăn đủ để duy trì mạng sống. Sau thẩm định, hình phạt được điều chỉnh tùy theo tính chất nặng nhẹ từng hoàn cảnh³⁹.

³⁹Travels of Fah-Hian and Sung Yun, Buddhist Pilgrims from

ii. Vua Phật tử (vùng Trung Ấn)

Pháp Hiền (337-422), một nhà sư chiêm bái người Trung hoa tới Ấn rất sớm, có nhắc đến vị vua Phật giáo vùng Trung Ấn như sau:

Vua của vùng Trung Ấn cầm quyền mà không có hành phạt chém đầu (tức án tử hình nói chung) hoặc những hình phạt hành hình thân thể. Những tội phạm đơn giản chỉ bị phạt tiền, nhẹ hoặc nặng tùy theo hoàn cảnh của mỗi trường hợp. Thậm chí trong những trường hợp bạo loạn ngoan cố, họ chỉ bị chặt bàn tay phải mà thôi. Khắp cả nước những người không sát sanh, không uống rượu say, cũng giữ cả giới không ăn các loại hành tỏi nồng cay⁴⁰.

iii. Vua Phật giáo (vùng Trung tâm Ấn)

Vào thế kỷ thứ tám, có sư Hye Ch'o người Triều tiên đến chiêm bái Ấn Độ tương tự như sư Pháp Hiền, nhưng cách khoảng ba thế kỷ về sau.

Sư cũng có mô tả những vị vua Phật giáo vùng Trung tâm Ấn cai trị không có sử dụng tới án tử hình: “Pháp luật quốc gia trong năm vùng của Ấn quy định không có gông cùm, đánh đập hoặc nhốt tù tùy theo mức độ tội phạm. Không có bản án tử hình”⁴¹.

China to India (400 A.D. and 518 A.D.), pp. 188-89.

⁴⁰ A Record of Buddhist Kingdoms: Being an Account by the Chinese Monk Fa-Hieh of His Travels in India and Ceylon, p. 43.

⁴¹ Hye Ch'o, The Hye Ch'o Diary: Memoir of the Pilgrimage to the Five Regions of India (Yang Han-Sung et al, trans. and ed. 1980) pp. 40-41. Also see, Damien P. Horigan, A Buddhist Perspective on the Death Penalty of Compassion and Capital Punishment, The American Journal of Jurisprudence, Volume 41(1996), p. 271-288.

iv. Vua Phật giáo (vùng Tây Ấn)

Sư Hye Ch'o nhận thấy một tình trạng gần như đồng nhất trong vùng Tây Ấn: “Ở đây không có gông cùm, đánh đập, bỏ tù, tử hình, hay những hình phạt tương tự”⁴².

Vua của Nhật bản

Năm 724 sau Tây lịch, Nhật Hoàng Shomu (724-749), một Phật tử thuần thành theo tông Kegon, xây dựng chùa Todai-ji rất nổi tiếng đến nay vẫn còn ở thành phố Nara, đã cấm áp dụng án tử hình. Điều này diễn ra vào cuối thời kỳ Nara (715-794). Tương tự, suốt thời kỳ Heian (794-1185) rất ít thi hành án tử hình⁴³.

Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIII của Tây Tạng là Ngài Thubten Gyatso (1876-1933), tiền thân của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIV hiện thời là Ngài Tenzin Gyatso (sinh năm 1935). Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba tranh đấu để hiện đại hóa Tây Tạng và duy trì chủ quyền quốc gia chống lại Anh quốc và sau đó là Trung quốc. Ngài cũng cải cách hệ thống pháp luật phong kiến của Tây Tạng. Một trong những sự thay đổi đó là sự huỷ bỏ án tử hình vào khoảng năm 1920. Trước thời điểm ấy, Đức Đạt Lai Lạt Ma thường tránh can thiệp trực tiếp trong các trường hợp kết án tử hình bởi vì vai trò tôn giáo của Ngài⁴⁴.

⁴² Như trên.

⁴³ Damien P. Horigan, A Buddhist Perspective on the Death Penalty of Compassion and Capital Punishment, The American Journal of Jurisprudence, Volume 41 (1996), p. 286.

⁴⁴ Franz Michael, Rule by Incarnation: Tibetan Buddhism and Its Role in Society and State (1982), pp. 70, 109. For a glimpse of the

XII. Ứng dụng Thực tế

Một điều hiển nhiên rằng con người ai cũng có một khả năng tiềm tàng nào đó, cho nên vấn đề huấn luyện để khơi dậy tiềm năng ấy. Chúng ta không nên là nạn nhân của những xúc cảm bất thiện hoặc bạo lực. Những giải pháp nhằm chuyển hoá tư duy của người dường như thiết thực hơn là việc tạo ra đối đầu và va chạm.

Án tử hình không phải là giải pháp tốt nhất để ngăn chặn những người làm điều ác. Nó chỉ là một giải pháp có tính tạm thời để răn đe tội ác.

Tuy nhiên, nếu chúng ta sử dụng giải pháp tử hình khắc nghiệt này để thực thi, thì đây chưa phải là một hành động có ý nghĩa và thích hợp.

Việc này làm mất hết ý nghĩa của tâm từ bi và lòng nhân ái trong chúng ta.

Hành động đầy ý nghĩa và thích hợp phải nên làm là: khi một người phạm tội, hoặc bị bỏ tù hoặc bị quản thúc tại gia, và đặt ra một thời hạn nào đó để cho đương sự sửa sai. Người đó có khả năng nhận ra hành động sai trái đã làm và từ đó sanh tâm ăn năn hối cải. Vì con người là sinh vật có ý thức, cho nên người ác cũng biết xấu hổ về hành động sai trái của mình. Muốn kẻ đó cải thiện hành vi sai trái, chúng ta phải đặt nặng vào việc giáo dục, phát huy các giá trị con người xuyên qua đạo đức tôn giáo hoặc những chương trình xã hội lành mạnh để trợ giúp người đó. Chúng ta cần phải hỗ trợ nhiều hơn nữa cho giáo dục và động viên ý thức trách nhiệm

traditional Tibetan criminal justice system, see Rebecca Redwood French, *The Golden Yoke: The Legal Cosmology of Buddhist Tibet* (1995), pp. 315-25.

chung của mọi người. Chúng ta cũng cần giải thích tầm quan trọng của việc thực hành tâm từ bi, lòng nhân ái vì lợi ích của chính mình và cố gắng giảm thiểu tối đa những yếu tố nuôi dưỡng mầm móng giết chóc, chẳng hạn như sự tăng cường chế tạo vũ khí trong những xã hội chúng ta... Để trợ duyên cho người đó thực tập, chúng ta nên đề nghị vài phương pháp cụ thể như dưới đây:

1/ Đương sự cần phải sống riêng một mình trong thời gian khoảng một hoặc hai tháng, một hoặc hai năm để nhận thức và hối hận về hành động sai trái của mình.

2/ Khuyến khích đương sự cần phải làm một việc tốt giúp đỡ người khác.

3/ Đương sự cần phải thực tập thiền quán hàng ngày để thay đổi hành vi bất thiện trở thành thiện.

4/ Đương sự phải tự xem xét hành vi sai trái của mình bắt nguồn từ đâu.

5/ Hành vi sai trái có thể bắt nguồn từ việc giết người, cướp của, tà dâm, dối gạt, sử dụng rượu, ma túy ...

6/ Phương pháp để xử lý những hành động sai trái là thực hành tám con đường chân chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

7/ Đương sự sẽ có thể trở thành là một người tốt như trước đây.

Đạo Phật là con đường chuyển hoá khổ đau. Tất cả chúng ta có thể bị chi phối bởi các cảm xúc tiêu cực và những tâm bất thiện quấy nhiễu hoặc không bị chi phối, có tội hoặc không tội, nhưng nếu biết ứng dụng những phương pháp giáo dục nói trên vào đời sống hàng ngày,

chúng ta có thể thu hoạch được hoa quả của an lạc và hạnh phúc ở ngay đây và bây giờ trong cuộc sống hiện tại. Giải pháp tốt nhất vẫn là ngăn ngừa hơn là can thiệp. Và việc giáo dục cần nên thực hiện trước khi đã bị trừng phạt. Bởi lẽ một nguyên nhân tốt thường sẽ tạo ra một quả trái lành.

Đó là một sự thật xuyên suốt khắp trong kinh điển Phật giáo. Đạo Phật có lập trường mạnh mẽ chống lại việc giết hại nói chung, và trong vài trường hợp chống lại án tử hình.

Như vậy, Đức Phật hoàn toàn không chấp nhận hành án tử hình. Không có người Phật tử thuần thành nào ủng hộ án tử hình cả. Nhưng chúng ta nên hiểu rằng những lời dạy trong Phật giáo không phải là giáo điều, mà chính là hoa quả của trí tuệ. Đơn giản đó là những lời khuyên bảo từ Đức Phật với những giải thích rõ ràng tại sao chúng ta không nên sát sanh ..., phần lớn đặt trên nền tảng đạo đức và liên quan đến luật nghiệp báo.

Lập trường Phật giáo chống lại án tử hình dựa vào nền tảng triết lý Phật giáo và đồng thời tương ứng với thực tế của xã hội.

Trước hết, có khả năng rằng án tử hình trong hệ thống luật pháp các quốc gia ban hành có thể dẫn đến sự thực hiện oan đối với người vô tội, và điều này hay xảy ra ở nhiều nước tiên tiến, chẳng hạn như Hoa kỳ... Án tử hình, một khi đã thi hành rồi thì không thể đảo ngược và cũng không thể sửa chữa được nếu bị cáo về sau được chứng minh là vô tội.

Thứ hai, Đạo Phật cảm nhận rằng tất cả mọi người về căn bản là chân thiện, và mục đích chính của Phật

giáo là giáo dục, chuyển hoá và cải cách chứ không hủy diệt. Nếu có người bệnh, Đạo Phật cố gắng cứu chữa người đó khỏi căn bệnh hơn là tiêu diệt người mang bệnh. Đạo Phật xem những tội phạm là những người đang có vấn đề tâm thần kết hợp với sự không hiểu biết (vô minh).

Như thế, mục đích chính của Đạo Phật là tận trừ gốc rễ sự không hiểu biết hơn là tiêu diệt người ngu dốt. Điều này có thể được thực hiện thông qua hệ thống giáo dục, chuyển hoá, cải cách đương sự, nói cách khác, giúp đỡ đương sự thấy đúng như thật sự việc đang là.

Trong Đạo Phật, có một câu nói: “Dầu xây chín bậc phù đồ, chẳng bằng làm phước cứu cho một người”.

Tóm lại, dựa vào những lời dạy cơ bản của Đức Phật từ kinh điển Phật giáo và tâm tư bao dung sáng suốt của những vị vua Phật giáo trong lịch sử Châu á cổ đại như được đề cập ở trên, chúng ta hoàn toàn đồng tâm ủng hộ lời kêu gọi tới những nhà lãnh đạo các nước trên thế giới đang áp dụng án tử hình hãy bãi bỏ hình phạt này trong tinh thần từ bi vô lượng vô biên của Đạo Phật.

Chùa Phước Hậu, ngày 28 tháng 10, năm 2006



THƯỢNG TUẦN SEN NỞ

Gió đến gió đi chẳng thật hư
Nước lặng sóng tan đâu tĩnh động
Cõi tạm tùy duyên thông dong bước
Bỏ lại sau lưng những phong trần
Nhất hướng phương Tây Tâm cùng Phật
Chín phẩm sen thơm trắng thượng tuần.

Trăng tháng 7, năm Đinh Hợi

Thích Nữ Giới Hương



Về lại

*Chương IX***HOA TRÊN TUYẾT**

Chùa Phước Hậu có cuốn sổ lưu niệm để ghi lại những lời giáo giới của Chư Tôn đức tăng ni về chùa Phước Hậu giảng dạy. Vì khuôn khổ có hạn, nên Giới Hương chỉ xin trích một số lời dạy tiêu biểu tượng trưng của quý ngài cho vào chương này.

Mây đã bay qua, nhưng bút tích những đóa hoa này vẫn còn lưu lại trên xứ tuyết.

**SỔ LƯU NIỆM****Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại đức Tăng Ni,

Thật là một dịp may hy hữu, phước báu vô cùng cho chúng con được chư tôn đức giảng lâm đến đạo tràng Phước Hậu nhỏ bé của chúng con.

Đức Phật dạy rằng: “Nhất tăng đáo, nhất Phật lai” nghĩa là khi chư tăng đến tức cũng giống như dịp chư Phật giảng lâm, bởi lẽ chư tăng là hiện thân của Tam Bảo, là duyên lành của đạo mạch, là thạch trụ của thiền môn, thế nên hình ảnh của các ngài thật cao quý. Các

ngài như ánh sáng cho chúng con nương về giữa trăm ngàn vạn lối bao phủ của vô minh. Các ngài như ánh trăng trong rặng rờ giữa đêm rằm, như ánh sao khuya rục sáng trong đêm trường, như mặt trời hồng sưởi ấm những đêm đông, như bóng cây lớn tỏa mát giữa trưa hè nóng nức. Các ngài không chỉ truyền trao cho chúng con kiến thức Phật học mà còn hướng dẫn khơi nguồn tuệ giác, kiến lập toà nhà Phật pháp “truyền đăng tục diệm” mãi không cùng.

Nếu kiến thức uyên bác là viên kim cương, thì ánh sáng của nó tỏa ra chính là văn hóa. Cũng thế, chính tuệ giác của các ngài là ngọc lưu ly trong sáng nên ánh sáng vô hình tỏa ra là tấm lòng bao dung cao cả, là hạnh nhẫn nhục từ hòa, là lòng độ sanh không mệt mỏi, là đạo hạnh mô phạm xuất thế...

Kính bạch chư Tôn Đức,

Tục ngữ Việt Nam chúng ta có câu: “Không Thầy đồ mây làm nên”, “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” nghĩa là một chữ cũng nhờ ơn thầy và nửa chữ cũng nhờ ơn thầy dạy. Thế nên, chúng con thành tâm đánh lễ chư tôn đức từ bi, hoan hỉ ban bố pháp nhũ như một bút tích của kim chỉ nam cho chúng con tiến bước trên con đường tu học, như một lời chúc nguyện gia hộ cho chúng con đồng mãnh kiên cố bồ đề tâm và tăng trưởng bồ đề hạnh.

Trong cuộc hí trường sanh tử, những dấu chân của các ngài đi và đến, rồi đến và đi như “nhạn quá trường không, ảnh trầm hàng thủy. Nhận vô lưu tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm”, nhưng đối với chúng con những dấu chân ấy với những bút tích ấy vẫn còn lưu lại mãi trong tâm khảm.

Cuối lời, chúng con xin thành tâm cầu nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ chư Tôn đức, quý thầy, quý sư cô luôn gặp vạn sự như ý, thân tâm thường lạc, phước trí trang nghiêm, luôn là cội tùng lâm che chở và dẫn dắt chúng con trên con đường an lạc và giải thoát.

Nguyện pháp nhũ của đức Bổn Sư trải dài đến ngàn năm không dứt.

Nam Mô Hoan Hỷ Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát Ma ha tát.

Thích Nữ Giới Hương



Foreword

Namo Shakyamuni Buddha

Phuoc Hau Temple, May 21 2006

Dear Brothers and Sisters in Dharma,

It is our greatest honor to welcome you to the Phuoc Hau Buddhist Temple. The Sakya Buddha once had taught us: “The Sangha comes, the Buddha presents”. The Sangha represents the Three Jewels, and your presences being us closer to the Buddha and the Dharma. Therefore, your images are so noble and respectful. You are the guiding light for us to follow when our ways are darkened by ignorance. You are the bright full moon, and the sparkling stars shining through the nights. You are the sun warming cold winter

nights, are the vast shadow from a big tree cooling down hot summer days. You not only teach us about Buddhism, you help us see the way of awareness to live mindfully and joyfully. The Buddha’s teaching thus are learned and passed down continuously.

If a profound knowledge is a diamond, then its light is culture. Your wisdom is as clear and bright as a precious gem, thus diligence, purity, compassion, and forgiveness are shown through your images.

Dear all friends,

The Buddha said: “My livelihood is bound up with others”. So, it is friendship which provides the paradigm for interpersonal relationships in Buddhism and good friends are our true treasure. Therefore, we would like you to leave us some words of wisdom or wishes in this Memory Book, to remind us of your visited and to guide us through our process of learning and practicing Buddhism.

In this world of impermanence, your footprints at our temple will fade yet your wishes and images will remain with us forever.

May the Three Jewels be with you and support you always.

May The Dharma forever be heard and practiced.

Yours in Dharma,

Bhikkhuni Gioi Huong

The Abbess of the Phuoc Hau Buddhist Temple in Milwaukee

*“Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Phước cơ mạng vị chính vì nguyện xưa
Tác Như-lai sự hành Như-lai sự”.*

Milwaukee, ngày 21 tháng 5, 2006

Tỳ kheo Như Minh, Chùa Việt Nam, L.A.

*Phước đáo hoa khai,
Tùng lai tác phật.*

Wisconsin, mùa hạ 2006
Thầy Tâm Thiện, Florida

Phước Hậu ngày 21/5/2006

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Minh Đức rất hoan hỉ được dự lễ nhận Trụ trì và mừng cô đã vượt thoát. Mong rằng cô giữ vững để đáp đền ơn Phật tổ.

Chúc mừng đồng hương Phật tử Milwaukee có được vị thầy hướng dẫn tinh thần khả kính và tài đức.

Pháp hữu,
Thầy Minh Đức, Chùa Phước Long, CT.

“Hữu duyên thiên lý nan tương ngộ.”

Thật là một nhân duyên không ai nghĩ đến có một ngày sư cô lại đặt chân đến nước Mỹ mà lại đến thành phố xa xôi này để gặp lại người sư đệ gần 20 năm xa cách và những người Phật tử chùa Phước Hậu tuy mới gặp tưởng chừng như đã quen từ lâu lắm rồi.

Cầu nguyện Tam bảo gia hộ sư đệ Giới Hương tinh tấn trang nghiêm. Các Phật tử chùa Phước Hậu bồ đề tâm luôn tăng trưởng.

TKN Bảo Liên

Trụ Trì Chùa Thiện Mỹ, Tp Đà Lạt, VN
8/12/2006

Viết vội

Tôi về đây trong tình đạo của sư cô Giới Hương và quý Phật tử bốn đạo. Thời gian tuy ngắn nhưng đầy đủ tâm chân tình và lòng quý mến sâu sắc.

Đời xuất gia và hành đạo có lắm nỗi thăng trầm và chông gai. Tuy nhiên đây là tâm niệm và cũng là một sự chia sẻ:

“Hãy xây dựng cái không trên tất cả mọi sự xây dựng và hãy xả bỏ cái có trên tất cả mọi sự xả bỏ:

Được vậy thì tâm thái của người xuất gia luôn được thanh thản, tự tại như mây trời sóng nước.

Kẻ lãng du
Thích Hạnh Nguyên
Jan 25, 2007

Tạm biệt Giới Hương, quý Bác trong ban Hộ trì Tam Bảo bốn tự bằng một bài kệ tỉnh thức do Hòa Thượng Thiền Sư Thích Nhất Hạnh dạy, sau một ngày đa đoan phật sự hoặc gia đình xã hội, trước khi đặt mình nằm ngủ nghỉ, tự nhắc bản thân:

*Một ngày đã đi qua
Mạng sống càng thêm già
Ta nằm đây an nghỉ
Mỉm cười giấc không hoa.....*

*Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật,
Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật,
Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật.*

Cho đến khi hình ảnh và danh hiệu phật A Di Đà đưa chúng ta vào giấc ngủ an lành, hạnh phúc..... Còn gì hơn là sự tỉnh thức này phải không em?

Thân chào muội muội
Sư Tỷ TN Hiếu Đức, Chùa Linh Quang, PA.

VÀNG NGUYỆT QUẾ THƠM

(Kính dâng Thầy Phương Trượng Viên Giác, Đức Quốc trong chuyến hoằng pháp tại Canada và Hoa Kỳ năm 2007)

*Một trời bát ngát
Lòng từ trải rộng
Trí tuệ sáng ngời.*

*Hạnh thầy cao cả
Bước chân độ sanh
Khắp cả Á, Âu.*

*Trầm hương xa bay
Chúng con thành tâm
Cúi đầu đảnh lễ.*

*Tri ân Thầy
Kính dâng thầy
Vàng nguyệt quế thơm.*

Phước Hậu Tự April 27, 2007
Thích Nữ Giới Hương

PS: Bài thơ được viết trên tám card có cảnh hoa lan tím trắng gửi đến Thầy với dòng chữ tri ân:

Thank You

Generous hearts are the accomplices of happiness.

Cùng với một hộp trà lài, một hộp chocolate và tranh hình cõi Tịnh Độ rất đẹp kính dâng thầy.

Lời Hoà Thượng Như Điển ghi trong sổ lưu niệm của chùa Phước Hậu:

Năm nay phái đoàn hoằng pháp Âu Châu qua Hoa Kỳ có tổng cộng 14 vị và kỳ này có TT T Đồng Mãn cũng như ĐĐ Thích Hạnh Đức sang chùa Phước Hậu; nơi sư cô TN Giới Hương trụ trì để chủ trì các buổi lễ và thuyết giảng tại đó. Riêng tôi, bạn phật sự khác tại Chicago nên hẹn lần sau vậy.

Đọc nghĩ luận án và sách của sư cô viết về Phật giáo cũng như xứ Ấn, rất tâm phục và mong rằng với tài năng ấy sẽ giúp cho chùa Phước Hậu cũng như cộng đồng phật tử tại Wiscosin càng ngày càng phát triển nhiều hơn nữa.

Nguyện mười phương Tam Bảo gia hộ Phật sự tại Phước Hậu được viên thành.

Thích Như Điển, Chùa Viên Giác, Đức Quốc.
Chicago April 27, 2007

*Viếng cảnh chùa xưa quá nhiệm màu
Sư sư thiền tịnh nói gì đâu
Chim kêu suối chảy hoà muôn điệu
Lá rụng thu về vẽ mấy câu.*

Với hạnh nguyện tiếp nối ngọn đèn chánh pháp của Phật, Sư cô Giới Hương đã và đang thực hành lời dạy của đức Phật, ở đâu Phật pháp cần con đến, đâu Phật pháp gọi con đi, không quăng đường xa, không ngại khó nhọc. Nguyện hồng ân chư Phật thường lai hộ trì sư cô thân tâm thường lạc để điều dắt quý đạo hữu phật tử Chùa Phước Hậu tu tập cho đến ngày viên mãn.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ sư cô cùng quý Phật tử chùa Phước Hậu mọi Phật sự đều viên thành.

Thích Hạnh Đức
Wisconsin mùa hạ 2007

*Giới Hương tu sao mau thành Phật
Độ khắp chúng sanh mới thật tài.*

Sakya Trí Tuệ, Trung Tâm Vạn Hạnh, VA.
June 10, 2007

*Trúc ảnh tảo giai trần bất động
Nguyệt xuyên hải đế thủy vô ngân.
(Bóng trúc quét sân trần chẳng động
Vàng trăng xuyên biển nước không sao).*

Ngày 2 tháng 7 năm 2007
Trụ trì chùa Pháp Hoa, Wichita, Kansas
TT. Thích Giác Minh

*Mượn lời thơ của ngài Tăng Đường:
Ta phải sống hiên ngang cho rừng kinh núi sợ
Ta phải sống sao vũ trụ khỏi cười ta
Sống noi gương theo giáo lý Phật đà
Quên tất cả để tôn thờ giác ngộ.*

Kính
Thích Thông Thức
Chùa Trúc Lâm, ngày 7/2/07

*GIỚI đức trang nghiêm sáng chói tự thân
HUƠNG đạo bay xa cảm hoá mọi người.
Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cô Giới Hương hoàn
thành Phật sự tại xứ người.*

Wisconsin ngày 2/7/2007
Thích Minh Trọng
Chùa Phật Đà, San Diego, CA

ĐIỀU GIỚI HƯƠNG!

Thay mặt chư Tôn đức Tăng, Hoà Thượng, chúc điều tu học tinh tấn, phụng sự Phật pháp, báo Phật ân đức.

Đại lão HT. Thích Cùng Tử

(TT T. Đức Trí)

Chùa Tam Bảo, Oklahoma 7/2/07

Nam Mô A Di Đà Phật

Thầy không biết nói gì hơn là cầu nguyện cho cô Giới Hương sống trọn vẹn với cái tên của mình. Nếu được như vậy đó chính là sự nghiệp cũng chính là đền đáp từ trọng ân.

GIỚI thể thanh tịnh tức Phật độ tịnh

HƯƠNG phần tỏa ngát khắp mười phương.

Thích Thanh Thế

Ngày 23-5-Đình Hới

Nam Mô A Di Đà Phật

Trong thân tình pháp lữ, chí Thích Tử rạng ngời, luôn cầu nguyện Sư cô cùng Đại chúng Phước Hậu tấn tu đạo nghiệp, Phật quả viên thành.

Phước Hậu 24/5/Đình Hới

T. Chúc Thiện, Chùa Liên Hoa, TX

*PHƯỚC HẬU sáng soi, đời hạnh phúc;
GIỚI HƯƠNG trọn vẹn, đạo thăng hoa.*

Kỷ niệm ngày pháp thoại 12-7-07

Thích Nhật Từ, Chùa Giác Ngộ, Việt Nam

Nhất bát thiên gia phạn

Cô thân vạn lý du

Kỳ vi sanh tử sự

Giáo hoá độ xuân thu.

Thích Trí Hoằng, Chùa Việt Nam, Boston

Ngày 07/14/2007

“Nhận quá trường không ảnh trầm hàn thủy”

Để lại gì đây ở trần gian tạm bợ này....

Thôi thì chút tình pháp lữ và những tháng năm học hỏi làm người chân thật, viết vài dòng để nhớ lần tao ngộ không tính trước trên đất Hoa Kỳ.

Kính mong Sư cô và quý Phật tử đạo nghiệp viên thành, đạo tâm bừng sáng.

Phước Hậu tự 17/8/07

TK Thích Minh Hiếu

Úc Đại Lợi

*“Hạnh Phúc thay! Tặng già hoà hợp
Hạnh Phúc thay! Tư chúng đồng tu”.
Thân mến kích chúc sư cô Thích Nữ Giới Hương thân-
tâm an-lạc và “chân cứng đá mềm trên đường đạo”.*

Mùa Vu Lan PL2551, 23/08/07

Thích Nữ Như Ngọc
Chùa A Di Đà, Westminster

*Ta từ sinh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng.
(Thơ Huyền Không)*

Thương mến tặng sư cô Giới Hương
TN Như Ngọc

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

*Nhân về thăm chùa Phước Hậu là một duyên lành
hiếm có sau 20 năm xa cách. Thật hạnh phúc khi trên
đất nước cờ hoa chị em mình lại được trùng phùng,
huynh đệ lâu ngày được gặp lại, chị rất vui, luôn cầu
nguyện em trên bước đường hành đạo luôn tỏa ngát
Giới Hương.*

*Thân chúc toàn phật tử chùa Phước Hậu tâm bồ đề
luôn tăng trưởng, phước tuệ song tu.*

Cám ơn Minh Bình tặng sư Bảo Quang hai câu thơ:

*Con về đây cúi đầu nơi Tam BẢO
Nguyện một đời tiếp nối ánh hào QUANG.*

TN Bảo Quang, Chùa Bát Nhã, Canada
Nov 11, 2007

*Bình bát ba y dấn bụi trần
Một lần từ giã thử ra đi
Tà dương thấp thoáng buồm xuôi gió
Thẳng đến trời tây một sắc hương.
Kính chúc Giới Hương và đạo tràng Phước Hậu
luôn an lạc.*

Sư Tâm Lạc 11/11/07
Trụ Trì chùa Liên Hoa, Úc Đại Lợi

*Rất hoan hỉ kết duyên lành với Phước Hậu Tự (Sư
Cô Giới Hương+Ban hộ trì Tam Bảo+Toàn thể quý
phật tử)*

*Nguyện hồng ân Tam Bảo từ bi gia hộ cho Phước
Hậu tự được Phật lực tăng huy, pháp luân thường
chuyển.*

*Bốn năm trước khi đến Phước Hậu tự tôi có nguyện
phật gia hộ cho Phước Hậu trở thành cội tùng lâm che
mát khắp bá tánh trong thiên hạ, nay lần này đến đây
mới biết cội tùng đã mọc.*

Nam Mô A Di Đà Phật

Thích Truyền Vệ

12/23/2007

Từ Ân Thiên Đường, Santa Ana, CA

*Nhân dịp đến thăm chùa, gặp lại pháp lữ Giới
Hương vui mừng được kết duyên bồ đề quyến thuộc với
quí phật tử chùa Phước Hậu, xin ghi lại vài dòng lưu
niệm và tặng bốn câu thơ của HT Thích Tâm Châu để
làm kỷ niệm*

*Cuộc đời muôn mặt gợi tâm tư
Nhấn nhục tình chuyên rải đức từ
Nhu đất nâng niu cứng vạn vật
Nhu sông thấu thập mọi tàn dư.*

*Kính chúc Sư trụ trì và quý Phật tử thân tâm
thường lạc.*

A Di Đà Phật

Sư Minh Nghiêm

Chùa Phước Hải, NC

6/1/2008

Tặng chùa Phước Hậu-Milwaukee, USA

*Đến chùa Phước Hậu với nhau
Lắng nghe chia sẻ bao câu đạo tình
Tại đây mình thấy lại mình
Bình an ở giữa phù sinh nổi chìm.*

Wisconsin 6-1-07

Tâm Hạnh, VN

Chùa Phước Hậu

Ngày Vía Đức Phật Thích Ca thành đạo PL2552

Nhất tâm thành kính nguyện cầu

Tam Bảo luôn gia hộ cho phật sự của chùa

Phước Hậu thập phần viên mãn.

Chấp tay nguyện cầu.

Thích Hạnh Tuấn, Chùa Trúc Lâm, IL

*“Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh,
Hoa mai đâu dễ tỏa mùi hương.”*

Kỷ niệm ngày Phật thành đạo PL 2550

Thích Thông Viên, Chùa Trúc Lâm, IL

“Bất ly đương xứ thường ngộ ngoại
Tăng tức tri danh bất liễu kiến.”
(Huyền Giác Thiên Sư)
Tăng thân Tu Viện Lộc Uyển kính chúc sư cô
Giới Hương và quý phật tử luôn an lạc trong
chánh pháp.

**Phước Tịnh
Pháp Uyển
Pháp Hỷ**

Nam Mô A Di Đà Phật

*Chớ bỏ trôi qua uông tháng ngày
Tu hành gắng lấy để cầm tay
Bến mê lánh khỏi trăm phần khó
Cửa pháp nương về lăm chuyện may.*

*Nợ trước bốn ân lo gắng trả
Thân sau ba cõi nguyện đừng vay
Vô thường niệm niệm xin ghi nhớ
Chớ bỏ trôi qua uông tháng ngày.*

*Xin chép tặng Ni sư Giới Hương, ni chúng và quý
phật tử chùa Phước Hậu trong dịp về thăm và thuyết
giảng cùng với phái đoàn của Thượng tọa Như Điển.*

*Cầu nguyện Tam Bảo Phước Hậu ngày càng hưng long
để mang ánh sáng chánh pháp đến cho muôn loài.*

Thân mến,
Milwaukee April 17, 2008

Thích Nguyên Tạng, Chùa Quảng Đức, Úc Đại Lợi
www.quangduc.com

*Đã nhiều lần chúng tôi đến chùa Phước Hậu, lần
nào cũng nhiều niềm vui. Xin cảm niệm công đức sư cô
Thích nữ Giới Hương, quý sư cô, quý bác, quý phật tử
chùa Phước Hậu đã dành cho chúng tôi tất cả chân tình
quý mến*

*Xin cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho Sư Cô, chư ni
và quý phật tử thường an lạc và thành tựu đạo nghiệp*

*Xin nguyện rằng đời đời chúng ta là thiện hữu tri
thức cho nhau, cùng vãng sanh Tịnh Độ, cùng hành
phật hạnh.*

Quý mến,
Thích Đồng Văn
Chùa Tâm Giác, Germany
April 17, 2008

*Gặp nhau không hẹn trước
 Trong pháp mâu nhân duyên
 Chia tay còn nhớ mãi
 Phước Hậu một cửa thiền...
 Kính nguyện Ni Sư trụ trì-Tiến sĩ T.N Giới Hương
 Phật sự viên thành
 Phật duyên phổ hoá!*

Kính,
T. Giác Hạnh
 Trụ trì chùa Tây Phương, Georgia
 www.lebichson.org
 Milwaukee, April, 18 2008

*Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
 Hôm nay chúng tôi về thăm chùa Phước Hậu có
 buổi pháp thoại với quý Phật tử trong dịp phái đoàn
 hoằng pháp Âu Châu đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ và
 Canada mùa xuân 2008, xin thành tâm nguyện cầu cho
 Ni Sư Trụ Trì Tiến Sĩ Thích Nữ Giới Hương luôn vượt
 qua mọi chướng duyên, hoàn thành mọi Phật sự và thân
 tâm luôn an lạc.*

Thân mến,
Thích Nghiêm Quang
 nghiemquang@yahoo.com
 Wisconsin April 20, 2008

*PHƯỚC HẬU bóng mát chở che,
 Cho bao thế hệ bây giờ mai sau.
 Cầu nguyện sư cô trụ trì và quý Phật tử thường
 luôn an lành, hòa hợp và thanh tịnh để tu tập và hộ trì
 Phật pháp.*

Kính bút
Tỳ kheo Thích Nhuận Hải
 Tu Viện Liên Trì, Alambama
 April 24, 2008

Nam Mô A Di Đà Phật

*Cho nhau một nụ cười
 Trên môi nhân loại sáng ngời tình thương.
 (Huyền Không)*

*Nguyện Cầu chư Phật từ bi gia hộ cho Ni sư Giới
 Hương, chư Ni cùng chư vị Phật tử, thân tâm an lạc, vạn
 sự cát tường, trong thân tâm lúc nào cũng sen nở.*

Thích Nữ Tánh Hải, Tinh Thất Từ Vân, OR
 April 19, 2008

*Ta hẹn gặp nhau cõi Niết bàn,
Không danh, không lợi, chẳng giàu sang.
Không có oán thù, lòng vị kỷ,
Chỉ có tình thương ánh đạo vàng.*

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

*Nguyện cầu chư Phật gia hộ ni sư Thích Nữ Giới
Hương phước trí tuệ nghiêm, phật sự viên thành, và xin
cầu nguyện cho phật tử chùa Phước Hậu, thân tâm an
lạc, luôn tinh tấn trên đường đạo.*

Nam Mô A Di Đà Phật

Thích Nữ Tánh Không, Tịnh Thất Từ Vân, OR

*Mùa Phật Đản PL2552 đã về với nhân loại, nguyện
cầu Ánh Đạo Vàng của Đức Từ Phụ soi chiếu cùng
khắp lợi lạc chúng sanh.*

*Phổ Thuận từ chùa Thiên Ân, tiểu bang MN và Phổ
Khai từ bang CO, Hoa Kỳ ghé thăm chùa Phước Hậu,
chúng tôi rất vui mừng và nhất tâm cầu nguyện Tam
Bảo gia hộ sư cô trụ trì Thích Nữ Giới Hương hoàn
thành sứ giả Như Lai, quý sư cô thường tinh tấn, đạo
tràng Phước Hậu mọi phật sự đều viên thành.*

Thích Phổ Thuận

Thích Phổ Khai

May 12, 2008

*I was very much happy to be in chùa Phước Hậu
Buddhist temple. Activities are maintained by Ven. Dr. Thích
Nữ Giới Hương, are very much appreciated.*

*A century ago, our beloved founder Maha Bodhi of
India, a great Buddhist revaivalist Anagarika Dharmapala
noble son from Srilanka visited the world Parliment or
Religion in Chicago in 1893. At that time, there was no any
Buddhist temple. Today we can see so many Buddhist
temples and followers in this land (Illinois, Wisconsin...). I
pray for the progress of these activities in this society.*

*Best wishes to Ven. Gioi Hương and all members at
Phuoc Hau Temple.*

25/5/2008

Ven. Dr. K Siri Sumedha Thero,

Assistant General Secretary

Maha Bodhi Society of India

High Priest Mullandhakuty Vihara

Sarnath, Varanasi, India

TỶ KHEO THÁNH ĐẠO

Nhất thiết vô cảnh lạc,
Vô hữu cảnh lạc Phật
Vô hữu Phật cảnh lạc
Bạt tế giác sở giác.
Nhược hữu nhược vô hữu,
Nhược hữu tất cụ lạc

Tỳ ni tịch tịnh hiện
Kiến tắc đạt tùy sanh
Nguyệt danh vị phương giới,
Niệm thể tu thể tịnh.

*Cùng nhau suy ngẫm lời Phật dạy trong kinh Lăng
Già, không những bản thân mình được lợi lạc mà pháp
giới chúng sanh cũng được sống trong hào quang tuệ
giác của chư Phật.*

Thích Thái Siêu, Chùa Bảo Tịnh, CA
Wisconsin, May 30, 2008

*Nhẫn nhẫn nhẫn nương theo hơi thở
Nếp yên lành trải rộng thênh thang
Lời trái ngang nguyện nghe vững chãi
Muốn sẻ chia ái ngữ ôn hoà.*

*Nhẫn nhẫn nhẫn ngọc châu như ý
Đem niềm vui dâng hiến cho đời
Đem tình thương trao người quen lạ
Sống từng ngày thanh thản tâm tư.*

Kính tặng sư cô Giới Hương
Thơ của Sơn Cư (HT T Tịnh Từ) là thầy của con
Sa-di-ni Quảng Diệu Mãn, Tu Viện Kim Sơn, CA
April 17, 2008

*Giới đức trừng viên, minh tánh lộ
Hương nhân hiển phát, huệ tâm khai...*

Thích Pháp Chánh, Chùa Tường Quang, CA
24 tháng 8, 2008



Hoa tuyết
Photo: Tom Algire



Sư Cô Thích Nữ Giới Hương (Phạm Thị Ngọc Dung) sinh năm 1963 tại Bình Tuy. Xuất gia năm 15 tuổi, hiện là Trụ trì chùa Phước Hậu, Milwaukee, Wisconsin, Hoa Kỳ.

Sư cô đã tu học tại Ấn độ 10 năm và năm 2003, tốt nghiệp Tiên sĩ Phật học tại Trường Đại Học Delhi, Ấn độ. Sư cô thích làm thơ, viết văn và trầm tư về pháp. Sư cô cũng là tác giả của sách:

-Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004 & 2nd reprint 2005.

-*Bồ tát và tánh không trong Kinh điển Pali và Đại thừa*, Sài Gòn: Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay, 2007.

-*Ban Mai Xứ Ấn* (3 tập), Sài Gòn: Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay, 2005.

-*Vườn Nai - Chiếc Nôi Phật giáo*, Sài Gòn: Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay, 2008.

-Tham Weng Yew, *Xá Lợi của Đức Phật*, Thích Nữ Giới Hương dịch, Sài Gòn: Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay, 2007.

-*Ý Nghĩa Quy Y Tam Bảo và Ngũ Giới*, Milwaukee, WI, USA: Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay, 2008.

-*Vòng Luân Hồi*, Sài Gòn: Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay, 2008.

-*Luân Hồi Trong Lăng Kính Lăng Nghiêm*, Sài Gòn: Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay, 2008.

-*Nữ Tu và Tu Nhân Hoa Kỳ*, Sài Gòn: Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay, 2008.



Hoa tuyết Milwaukee là một quyển sách nhỏ, kết xâu lại những bài văn, bài thơ trong hơn hai năm qua tại chùa Phước Hậu, thành phố Milwaukee, tiểu bang Wisconsin, Hoa Kỳ.

Nơi đây mùa đông kéo dài hơn những mùa khác và tuyết phủ cũng nhiều. Những bông tuyết trắng nhỏ li ti bay lả tả trong gió thật đẹp.

Bông tuyết phủ trắng các cành cây khô khúc khủy cũng phô bày một nét đẹp riêng nào đó. Hy vọng những bông tuyết ẩn hiện nơi các bài văn, thơ này cũng điểm trang một cái gì đó cho hành giả, cho bạn đọc trên bước đường đi tìm ý đạo.

